TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ
PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **02** /TB-CTSV

Hải Phòng, ngày 05 tháng 02 năm 2026

THÔNG BÁO
V/v niêm yết kết quả rèn luyện của sinh viên học kỳ I, năm học 2025-2026

Căn cứ Quyết định số 597/QĐ-ĐHSĐ ngày 06/11/2024 của Trường Đại học Sao Đỏ về việc ban hành Quy định công tác sinh viên của Trường Đại học Sao Đỏ;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện cho sinh viên các lớp đại học khoá 12, 13, 14, 15, 16 học kỳ I, năm học 2025-2026 ngày 04/02/2026;

Nhà trường thông báo về việc niêm yết công khai kết quả rèn luyện của sinh viên học kì I, năm học 2025 - 2026 như sau:

1. Niêm yết công khai kết quả xét rèn luyện của sinh viên học kì I, năm học 2025-2026 (có danh sách kèm theo) trên trang website của Nhà trường tại địa chỉ: https://www.saodo.edu.vn (mục sinh viên).

2. Thời gian niêm yết: từ ngày 05/02/2026 đến ngày 18/02/2026

3. Sinh viên kiểm tra kết quả rèn luyện của cá nhân. Nếu có ý kiến thắc mắc, sinh viên phản hồi với Phòng Công tác sinh viên (đ/c Phương Thị Tú, nhà A3), trước 17h00 ngày 18/02/2026.

4. Sau thời gian niêm yết, phòng Công tác sinh viên sẽ tổng hợp kết quả, hoàn thiện hồ sơ, trình Lãnh đạo Nhà trường ban hành quyết định công nhận kết quả rèn luyện của sinh viên học kì I, năm học 2025-2026.

5. Phòng Công tác sinh viên cung cấp kết quả xét rèn luyện của sinh viên học kì I, năm học 2025-2026 để phòng Quản lý chất lượng đăng tải trên website https://www.saodo.edu.vn (mục sinh viên).

Nhận được Thông báo này, kính đề nghị các đồng chí Trưởng, phó khoa, GVCN triển khai đến sinh viên thực hiện./.

Nơi nhận:
- Phòng QLCL;
- Các khoa;
- Lưu: CTSV.

TP.CÔNG TÁC SINH VIÊN

Phạm Văn Dự

KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo Thông báo số 02/TB-CTSV ngày 05/02/2026 của Phòng Công tác sinh viên)

1. Lớp DK13-D1

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ VII		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2200155	Phạm Lê Minh	Anh	55	TB	
2	2200174	Vũ Công	Anh	85	Tốt	
3	2200189	Phạm Văn Hoàng	Bách	70	Khá	
4	2200358	Phạm Khắc	Cường	87	Tốt	
5	2200321	Lê Văn	Đạt	85	Tốt	
6	2200111	Hoàng Đức	Hiếu	90	XS	
7	2200398	Nguyễn Minh	Hiếu	95	XS	
8	2200778	Trần Danh	Hiếu	80	Tốt	
9	2200204	Trần Minh	Hoàn	82	Tốt	
10	2200178	Đỗ Văn	Hùng	90	XS	
11	2200253	Vũ Tuấn	Hưng	80	Tốt	
12	2200219	Phạm Quang	Hưởng	90	XS	
13	2200138	Nguyễn Văn	Huy	75	Khá	
14	2200427	Vũ Đình	Huy	87	Tốt	
15	2200106	Phạm Văn	Khải	87	Tốt	
16	2200299	Hà Văn	Mạnh	85	Tốt	
17	2200150	Trần Nguyễn	Mạnh	80	Tốt	
18	2200153	Nguyễn Đăng	Mỹ	85	Tốt	
19	2200246	Nông Thị	Nhung	80	Tốt	
20	2200392	Đỗ Minh	Ninh	85	Tốt	
21	2200284	Nguyễn Văn	Phong	85	Tốt	
22	2200158	Vũ Hồng	Phong	85	Tốt	
23	2200244	Thân Phú	Phúc	88	Tốt	
24	2200319	Nguyễn Ngọc	Quyền	80	Tốt	
25	2200408	Lê Hoàng	Sơn	50	TB	
26	2200361	Đỗ Anh	Tài	65	Khá	
27	2200426	Đỗ Văn	Thái	80	Tốt	
28	2200395	Nguyễn Xuân	Thảo	85	Tốt	
29	2200193	Trần Quang	Tiến	65	Khá	
30	2200230	Trần Văn	Tiến	85	Tốt	
31	2200088	Ngô Đăng	Vũ	85	Tốt	

2. Lớp DK13-D2

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ VII		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2200758	Trần Quốc	Anh	84	Tốt	
2	2200550	Phạm Quốc	Dũng	85	Tốt	
3	2200648	Trương Thái	Dương	65	Khá	
4	2200846	Vũ Bình	Dương	82	Tốt	

5	2200473	Nguyễn Xuân	Duy	86	Tốt	
6	2200616	Tiêu Văn	Duy	85	Tốt	
7	2200476	Trần Văn	Giang	84	Tốt	
8	2200590	Đặng Văn	Hiệp	78	Khá	
9	2200773	Trần Trung	Hiếu	88	Tốt	
10	2200605	Đặng Huy	Hùng	77	Khá	
11	2200582	Nguyễn Hữu	Hưng	81	Tốt	
12	2200487	Hoàng Nhất	Huy	83	Tốt	
13	2200649	Nguyễn Phi	Long	74	Khá	
14	2200615	Phạm Đức	Long	75	Khá	
15	2200481	Nguyễn Văn	Luân	82	Tốt	
16	2200533	Lương Thị Phương	Nguyên	85	Tốt	
17	2200632	Ngô Trung	Nguyên	86	Tốt	
18	2200714	Hoàng Anh	Quân	90	XS	
19	2200633	Nguyễn Đình	Quân	78	Khá	
20	2200548	Nguyễn Đức	Quân	81	Tốt	
21	2200655	Nguyễn Xuân	Quý	83	Tốt	
22	2200689	Đàm Thế	Sinh	84	Tốt	
23	2200718	Nguyễn Tiến	Trung	76	Khá	
24	2200449	Nguyễn Quang	Tuyến	88	Tốt	
25	2200428	Nguyễn Đức	Vinh	80	Tốt	

3. Lớp DK13-KTDK&TDH1

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ VII		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2200520	Nguyễn Bình	An	87	Tốt	
2	2200787	Phạm Thế	Anh	90	XS	
3	2200630	Phạm Tuấn	Anh	84	Tốt	
4	2200796	Trương Hoàng	Anh	86	Tốt	
5	2200086	Nguyễn Hữu	Bách	90	XS	
6	2200144	Đỗ Đức Nguyên	Chương	90	XS	
7	2200763	Vũ Minh	Cương	95	XS	
8	2200091	Cao Mạnh	Cường	90	XS	
9	2200797	Trương Hải	Đăng	99	XS	
10	2200108	Trần Mạnh	Đạt	88	Tốt	
11	2200118	Vũ Nguyên	Đạt	94	XS	
12	2200562	Bùi Đình	Dương	88	Tốt	
13	2200257	Hoàng Tiến	Dương	88	Tốt	
14	2200333	Đào Văn	Duyệt	90	XS	
15	2200238	Nguyễn Việt	Hải	88	Tốt	
16	2200288	Nguyễn Công	Hiệp	91	XS	
17	2200127	Nguyễn Đức	Hùng	83	Tốt	
18	2200521	Nguyễn Duy	Hưng	96	XS	
19	2200085	Bùi Đức	Huy	92	XS	
20	2200218	Lê Duy	Huy	98	XS	
21	2200265	Đào Xuân	Lâm	90	XS	
22	2100740	Nguyễn Thành	Long	74	Khá	

23	2200282	Nguyễn Trọng	Long	90	XS	
24	2200343	Đỗ Xuân	Mạnh	91	XS	
25	2200195	Nguyễn Đình	Mạnh	82	Tốt	
26	2200597	Hoàng Văn	Nam	82	Tốt	
27	2200273	Nguyễn Văn	Phong	86	Tốt	
28	2200356	Đỗ Đức	Phúc	82	Tốt	
29	2200123	Nguyễn Văn	Quang	99	XS	
30	2200132	Ngô Ngọc	Quyền	81	Tốt	
31	2200788	Cao Thế	Sơn	90	XS	
32	2200404	Nguyễn Minh	Sơn	83	Tốt	
33	2200668	Mai Quyết	Thắng	88	Tốt	
34	2200196	Tô Quang	Thắng	85	Tốt	
35	2200568	Hà Như	Thương	87	Tốt	
36	2200508	Nguyễn Bá	Trung	84	Tốt	
37	2200216	Lê Thành	Tuấn	90	XS	
38	2200354	Bùi Anh	Vũ	96	XS	
39	2200162	Đặng Quốc	Vượng	94	XS	

4. Lớp DK13-KTDK&TDH2

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ VII		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2200456	Nguyễn Đào Việt	Anh	83	Tốt	
2	2200415	Vũ Văn	Chí	92	XS	
3	2200455	Phạm Văn	Cường	90	XS	
4	2200292	Trần Kế	Đức	80	Tốt	
5	2200822	Trần Quang	Dũng	72	Khá	
6	2200311	Lê Văn	Giáp	82	Tốt	
7	2200386	Luyện Huy	Giáp	72	Khá	
8	2200498	Nguyễn Mạnh	Giáp	72	Khá	
9	2200423	Vũ Văn	Giáp	86	Tốt	
10	2200245	Nguyễn Minh	Hiệp	83	Tốt	
11	2200857	Nguyễn Đình	Hiểu	70	Khá	
12	2200461	Phạm Nguyễn	Hoàng	83	Tốt	
13	2200187	Nguyễn Mạnh	Hùng	82	Tốt	
14	2200488	Phạm Đức	Hùng	84	Tốt	
15	2200366	Trần Việt	Hùng	65	Khá	
16	2200336	Nguyễn Đình	Hưng	71	Khá	
17	2200368	Trọng Văn	Hướng	72	Khá	
18	2200344	Nguyễn Văn	Hưởng	80	Tốt	
19	2200374	Vũ Trọng	Kha	80	Tốt	
20	2200743	Chu Văn	Kiên	72	Khá	
21	2200502	Bùi Đình	Lập	83	Tốt	
22	2200249	Lê Ngọc	Linh	80	Tốt	
23	2200542	Trần Thanh	Loan	87	Tốt	
24	2200475	Nguyễn Duy	Minh	72	Khá	
25	2200362	Nguyễn Huy	Minh	78	Khá	
26	2200341	Nguyễn Quang	Minh	80	Tốt	
27	2200403	Vũ Bình	Minh	84	Tốt	

28	2200379	Trần Hải	Nam	62	TB	
29	2200755	Đỗ Phú	Nghị	72	Khá	
30	2200393	Lê Anh	Quân	71	Khá	
31	2200345	Mạc Đăng	Quang	80	Tốt	
32	2200363	Nguyễn Thắng	Quỳnh	80	Tốt	
33	2200470	Mạc Đức	Sáng	81	Tốt	
34	2200077	Phạm Duy	Thanh	80	Tốt	
35	2200460	Nguyễn Đình	Tùng	82	Tốt	
36	2200367	Vũ Quốc	Văn	86	Tốt	

5. Lớp DK13-KTDK&TDH3

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ VII		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2200564	Mạc Duy	An	80	Tốt	
2	2200709	Trần Quốc	Anh	70	Khá	
3	2200400	Vũ Minh	Chiến	84	Tốt	
4	2200665	Trần Đức	Đạt	87	Tốt	
5	2200639	Đào Quang	Đông	80	Tốt	
6	2200656	Bùi Duy	Đức	82	Tốt	
7	2200700	Trần Văn	Dũng	84	Tốt	
8	2200635	Nguyễn Đức	Dương	89	Tốt	
9	2200594	Nguyễn Huy	Hoàn	84	Tốt	
10	2200584	Hoàng Đức	Huynh	87	Tốt	
11	2200610	Đào Trung	Kiên	78	Khá	
12	2200628	Lưu Công	Minh	81	Tốt	
13	2200293	Lê Ngọc	Nam	71	Khá	
14	2200604	Ngô Văn	Nam	80	Tốt	
15	2200133	Nguyễn Trọng	Nhật	84	Tốt	
16	2200115	Nguyễn Huy	Phong	80	Tốt	
17	2200618	Nguyễn Văn	Phong	80	Tốt	
18	2200117	Trần Văn	Phong	81	Tốt	
19	2200657	Nguyễn Văn	Phước	92	XS	
20	2200593	Đào Văn	Quang	92	XS	
21	2200617	Lê Văn	Quý	82	Tốt	
22	2200621	Nguyễn Đức	Sinh	84	Tốt	
23	2200608	Hoàng Ngọc	Sơn	81	Tốt	
24	2200549	Đinh Quang	Thắng	83	Tốt	
25	2200084	Vũ Trí	Thắng	83	Tốt	
26	2200728	Đỗ Duy	Thành	86	Tốt	
27	2200146	Phạm Văn	Thảo	84	Tốt	
28	2200519	Phạm Thái	Thịnh	72	Khá	
29	2200667	Giáp Văn	Thọ	86	Tốt	
30	2200518	Nguyễn Văn	Thương	84	Tốt	
31	2200666	Nguyễn Văn	Tiến	82	Tốt	
32	2200375	Nguyễn Văn	Tĩnh	67	Khá	
33	2200418	Nguyễn Minh	Trí	90	XS	
34	2200302	Trịnh Thành	Trung	75	Khá	
35	2200726	Nghiêm Văn	Tuấn	80	Tốt	

36	2200762	Vương Đức	Tuấn	91	XS	
37	2200484	Lương Quang	Tuyền	80	Tốt	
38	2200553	Mạc Duy	Việt	83	Tốt	

7. Lớp DK13-CK

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ VII		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2200433	Hoàng Minh	Chiến	82	Tốt	
2	2200754	Nguyễn Thành	Chung	78	Khá	
3	2200149	Vũ Đình	Diễn	94	XS	
4	2200102	Nguyễn Thế	Được	82	Tốt	
5	2200873	Nguyễn Đại	Dương	80	Tốt	
6	2200447	Phùng Đức	Dương	92	XS	
7	2200703	Trần Triều	Dương	78	Khá	
8	2200713	Bùi Nhất	Duy	90	XS	
9	2200331	Vũ Sơn	Hà	76	Khá	
10	2200378	Nguyễn Đức	Hải	82	Tốt	
11	2200435	Phạm Khắc	Hải	67	Khá	
12	2200570	Lê Trung	Hiếu	75	Khá	
13	2200322	Nguyễn Văn	Hoàn	82	Tốt	
14	2200474	Đàm Quang	Huy	72	Khá	
15	2200214	Hoàng Văn	Linh	81	Tốt	
16	2200566	Nguyễn Tiến	Lợi	76	Khá	
17	2200707	Đào Tiến	Long	81	Tốt	
18	2200241	Nguyễn Hữu	Long	74	Khá	
19	2200335	Đinh Văn	Lượng	50	TB	
20	2200695	Nguyễn Văn	Lượng	78	Khá	
21	2100446	Nguyễn Long	Nhường	73	Khá	
22	2200526	Nguyễn Ngọc	Phú	74	Khá	
23	2200173	Trần Hữu	Phương	75	Khá	
24	2200626	Đồng Bá	Sang	72	Khá	
25	2200438	Đỗ Văn	Tài	84	Tốt	
26	2200172	Đoàn Trọng	Tấn	94	XS	
27	2200711	Nguyễn Tiến	Thành	80	Tốt	
28	2200645	Vũ Văn	Trường	92	XS	

8. Lớp DK13-CDT

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ VII		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2200199	Vũ Văn Tuấn	Anh	86	Tốt	
2	2200202	Nguyễn Văn	Ánh	85	Tốt	
3	2200120	Cao Sỹ	Bắc	82	Tốt	
4	2200100	Đỗ Ngọc	Cẩn	87	Tốt	
5	2200462	Trần Hữu	Cường	87	Tốt	
6	2200082	Bùi Đăng	Đức	82	Tốt	
7	2200446	Nguyễn Đình	Dũng	94	XS	
8	2200434	Trần Thái	Dương	83	Tốt	
9	2200440	Phạm Xuân	Duy	87	Tốt	
10	2200514	Nguyễn Thái Sơn	Hà	88	Tốt	
11	2200105	Vũ Minh	Hiếu	88	Tốt	

12	2200559	Vũ Tuấn	Linh	93	XS	
13	2200324	Trần Quốc	Lương	86	Tốt	
14	2200606	Nguyễn Văn	Mong	94	XS	
15	2200682	Nguyễn Tiến	Nguyên	86	Tốt	
16	2200737	Bùi Văn	Quang	83	Tốt	
17	2200629	Nguyễn Văn	Trường	87	Tốt	
18	2200578	Bùi Văn	Tuấn	77	Khá	
19	2200459	Vũ Thế	Vinh	78	Khá	
20	2200441	Phạm Minh	Vũ	88	Tốt	

9. Lớp DK13-CNTT1

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ VII		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2200387	Nguyễn Văn Tuấn	Anh	90	XS	
2	2200885	Nguyễn Tiến	Đạt	90	XS	
3	2200286	Nguyễn Văn	Đạt	86	Tốt	
4	2200679	Nguyễn Thị Thuỳ	Dung	78	Khá	
5	2200119	Bùi Thị Hương	Giang	95	XS	
6	2200326	Đặng Trường	Giang	91	XS	
7	2200290	Đặng Thị	Hà	85	Tốt	
8	2200780	Phạm Hoàng	Hà	74	Khá	
9	2200349	Bùi Khánh	Hạ	84	Tốt	
10	2200739	Phạm Văn	Hoàng	94	XS	
11	2200421	Hoàng Việt	Huy	87	Tốt	
12	2200179	Lê Hoàng	Huynh	84	Tốt	
13	2200538	Hoàng Văn	Khánh	74	Khá	
14	2200523	Nguyễn Văn	Khánh	74	Khá	
15	2200499	Vũ Thành	Lành	72	Khá	
16	2200285	Dương Văn	Long	82	Tốt	
17	2200675	Trần Nguyên	Lượng	64	TB	
18	2200821	Hoàng Hoài	Nam	84	Tốt	
19	2200389	Bùi Quý	Phi	88	Tốt	
20	2200090	Nguyễn Hữu	Phúc	78	Khá	
21	2200841	Nguyễn Thị	Phương	85	Tốt	
22	2200383	Nguyễn Thị Mai	Phương	86	Tốt	
23	2200774	Bùi Văn	Quyền	94	XS	
24	2200794	Giáp Lương	Sơn	90	XS	
25	2200625	Nguyễn Vũ	Sơn	84	Tốt	
26	2200221	Lưu Trường	Thiên	78	Khá	
27	2200681	Lê Mạnh	Thịnh	74	Khá	
28	2200229	Đỗ Văn	Thuận	64	TB	
29	2200114	Nguyễn Xuân	Thức	74	Khá	
30	2200607	Nguyễn Thị	Thương	86	Tốt	
31	2200792	Nguyễn Văn	Tiền	88	Tốt	
32	2200171	Nguyễn Đức Thiên	Trường	80	Tốt	

10. Lớp DK13-CNTT2

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ VII		Ghi chú

TT	Mã SV	Họ và tên		Điểm	XL	Ghi chú
1	2200235	Hoàng Đức	Anh	69	Khá	
2	2200511	Nguyễn Hoàng	Anh	93	XS	
3	2200188	Nguyễn Ngọc Tuấn	Anh	93	XS	
4	2200759	Trịnh Đình	Bảo	85	Tốt	
5	2200412	Nguyễn Tài Văn	Chương	93	XS	
6	2200813	Đỗ Thành	Đại	80	Tốt	
7	2200696	Nguyễn Vũ	Đức	85	Tốt	
8	2200083	Nguyễn Thái	Dương	89	Tốt	
9	2200592	Nguyễn Tất	Duy	85	Tốt	
10	2200325	Giáp Văn	Hiếu	85	Tốt	
11	2200623	Hoàng Trung	Hiếu	87	Tốt	
12	2200197	Lê Văn	Lộc	80	Tốt	
13	2200688	Lê Đức	Mạnh	95	XS	
14	2200483	Nguyễn Khánh	Minh	87	Tốt	
15	2200540	Bùi Văn	Phú	95	XS	
16	2200390	Nguyễn Trọng	Phúc	80	Tốt	
17	2200416	Nguyễn Thừa	Thắng	82	Tốt	
18	2200676	Dương Quốc	Triệu	85	Tốt	
19	2200720	Nguyễn Việt	Trung	85	Tốt	
20	2200168	Cao Nguyễn Xuân	Việt	84	Tốt	
21	2200814	Nguyễn Văn	Vỹ	85	Tốt	

11. Lớp DK13-QTKD

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ VII		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2200182	Nguyễn Phương	Anh	80	Tốt	
2	2200443	Vũ Thị Hương	Giang	91	XS	
3	2200431	Trần Khánh	Lâm	73	Khá	
4	2200169	Nguyễn Thành	Luân	76	Khá	
5	2200185	Nguyễn Thị Hồng	Ngân	90	XS	
6	2200296	Phạm Thị	Vân	92	XS	

12. Lớp DK13-KT

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ VII		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2200312	Đỗ Tuấn	Anh	82	Tốt	
2	2200776	Lê Thị Lan	Anh	93	XS	
3	2200837	Lê Thị Ngọc	Anh	86	Tốt	
4	2200289	Nguyễn Thị	Chinh	78	Khá	
5	2200730	Nguyễn Xuân	Đức	72	Khá	
6	2200081	Trịnh Thị Mỹ	Duyên	87	Tốt	
7	2200808	Hà Thị Hải	Hà	85	Tốt	
8	2200638	Lương Thị Thu	Hương	71	Khá	
9	2200867	Vũ Thị	Hương	77	Khá	
10	2200334	Vũ Thanh	Huyền	86	Tốt	
11	2200573	Vũ Thị	Huyền	75	Khá	
12	2200838	Bùi Vân	Khánh	84	Tốt	

13	2200112	Trần Hải	Linh	84	Tốt	
14	2200492	Vũ Khánh	Linh	78	Khá	
15	2200215	Đào Thị	Loan	85	Tốt	
16	2200444	Hoàng Thị	Mơ	89	Tốt	
17	2200522	Trần Hà	My	78	Khá	
18	2200732	Nguyễn Kim	Ngân	82	Tốt	
19	2200308	Phạm Thu	Ngân	85	Tốt	
20	2200465	Lương Thị	Ngoan	84	Tốt	
21	2200614	Hoàng Thị Ánh	Ngọc	90	XS	
22	2200819	Nguyễn Thị	Ngọc	78	Khá	
23	2200207	Hoàng Thị Lệ	Quyên	83	Tốt	
24	2200704	Nguyễn Trúc	Quỳnh	80	Tốt	
25	2200756	Đỗ Thị	Thư	89	Tốt	
26	2200748	Trần Thị Anh	Thư	83	Tốt	
27	2200871	Phạm Thị	Trang	86	Tốt	

13. Lớp DK13-NA

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ VII		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2200697	Nguyễn Diệp	Anh	81	Tốt	
2	2200394	Bùi Thị Mỹ	Duyên	91	XS	
3	2200691	Lãnh Thị Hà	Linh	93	XS	
4	2200096	Bùi Thị	Ngọc	91	XS	
5	2200351	Đỗ Thị Yến	Vy	86	Tốt	

14. Lớp DK13-NTQ1

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ VII		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2200125	Dương Ngọc	Anh	87	Tốt	
2	2200603	Nguyễn Thị Vân	Anh	91	XS	
3	2200685	Trương Ngọc	Ánh	82	Tốt	
4	2200640	Bùi Thị	Giang	89	Tốt	
5	2200145	Đỗ Thu	Hà	85	Tốt	
6	2200313	Phạm Thị Thu	Hà	98	XS	
7	2200855	Lý Thị Ngọc	Hân	89	Tốt	
8	2200506	Trần Thị	Hảo	91	XS	
9	2200272	Lê Thị Thu	Hiền	86	Tốt	
10	2200791	Hoàng Thị	Hoa	88	Tốt	
11	2200448	Nguyễn Thị	Hoa	89	Tốt	
12	2200642	Nguyễn Thị	Hoa	83	Tốt	
13	2200371	Dương Lê Thu	Hương	95	XS	
14	2200493	Lê Thị Lan	Hương	90	XS	
15	2200419	Lê Thị Thùy	Hương	85	Tốt	
16	2200254	Nguyễn Thị Lan	Hương	92	XS	
17	2200270	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	84	Tốt	
18	2200468	Đoàn Thị Trà	My	91	XS	
19	2200466	Phạm Thị Kim	Ngân	87	Tốt	
20	2200359	Chu Thị	Ngọc	87	Tốt	
21	2200252	Nguyễn Thảo	Nguyên	94	XS	

22	2200745	Nguyễn Thị	Nguyệt	92	XS	
23	2200715	Phùng Thị	Nhung	89	Tốt	
24	2200240	Lô Thị Lệ	Quyên	89	Tốt	
25	2200733	Lý Thị	Tài	89	Tốt	
26	2200266	Đinh Thị Băng	Tâm	84	Tốt	
27	2200151	Nguyễn Phương	Thanh	85	Tốt	
28	2200425	Nguyễn Thu	Trang	87	Tốt	
29	2200602	Tô Thị	Uyên	84	Tốt	
30	2200804	Nguyễn Thảo	Vân	82	Tốt	

15. Lớp DK13-NTQ2

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ VII		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2200798	Bùi Thị Diệp	Anh	68	Khá	
2	2200263	Bùi Thị Kiều	Anh	89	Tốt	
3	2200429	Dương Thị Ngọc	Anh	85	Tốt	
4	2200206	Nguyễn Nhật	Anh	75	Khá	
5	2200380	Hà Trung	Bẩy	80	Tốt	
6	2200280	Bùi Kim	Chi	83	Tốt	
7	2200420	Nguyễn Thị	Chi	65	Khá	
8	2200467	Nguyễn Kim Duy	Đăng	70	Khá	
9	2200340	Đỗ Thị Thùy	Dương	68	Khá	
10	2200147	Tạ Quang	Dương	94	XS	
11	2200242	Đặng Thị Thu	Hà	86	Tốt	
12	2200224	Lê Thị Thu	Hạ	85	Tốt	
13	2200750	Đào Thị Thiên	Hương	83	Tốt	
14	2200451	Nguyễn Thị	Hương	82	Tốt	
15	2200213	Vũ Thị Hồng	Hương	85	Tốt	
16	2200405	Lê Đức	Huy	80	Tốt	
17	2200255	Đoàn Thị	Huyền	82	Tốt	
18	2200141	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	88	Tốt	
19	2200222	Lương Thị Thúy	Kiều	87	Tốt	
20	2200450	Đỗ Thị Hồng	Lam	89	Tốt	
21	2200095	Dương Thị Thùy	Linh	84	Tốt	
22	2200110	Ngô Hải	Linh	90	XS	
23	2200262	Phạm Thanh	Loan	87	Tốt	
24	2200078	Triệu Khánh	Ly	89	Tốt	
25	2200816	Lê Thị Thúy	Mai	90	XS	
26	2100151	Lê Thị Hồng	Nhung	88	Tốt	
27	2200234	Nguyễn Thị	Nhung	82	Tốt	
28	2200760	Lại Thị Phương	Thảo	83	Tốt	
29	2200166	Nguyễn Thị	Thảo	81	Tốt	
30	2200180	Nguyễn Thị Phương	Thảo	84	Tốt	
31	2200243	Đỗ Thị	Thoa	80	Tốt	
32	2200124	Nguyễn Thành	Thông	80	Tốt	
33	2200806	Liêu Thị Minh	Thu	80	Tốt	
34	2200225	Nguyễn Hồng	Tươi	84	Tốt	
35	2200767	Lương Thế	Vinh	83	Tốt	

16. Lớp DK13-NTQ3

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ VII		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2200585	Bùi Thị Ngọc	Anh	86	Tốt	
2	2200653	Đoàn Ngọc	Anh	89	Tốt	
3	2200636	Ngô Duy	Bắc	88	Tốt	
4	2200544	Dương Thị	Bích	86	Tốt	
5	2200591	Mai Thị Thùy	Dung	90	XS	
6	2200565	Hoàng Thị	Duyên	85	Tốt	
7	2200539	Vũ Văn	Hoan	81	Tốt	
8	2200799	Vũ Thị	Hồng	84	Tốt	
9	2200660	Trịnh Thị Quỳnh	Hương	83	Tốt	
10	2200671	Đồng Thị Thuý	Huyền	85	Tốt	
11	2200373	Nguyễn Thị	Linh	85	Tốt	
12	2200801	Phạm Thị	Linh	86	Tốt	
13	2200734	Trương Thuỳ	Linh	91	XS	
14	2200338	Nguyễn Thị Trà	Mi	83	Tốt	
15	2200684	Nguyễn Thị	Mừng	87	Tốt	
16	2200304	Đào Nguyễn Trà	My	85	Tốt	
17	2200485	Vũ Thị	Ngọc	83	Tốt	
18	2200317	Bùi Thị Yến	Nhi	85	Tốt	
19	2200572	Nguyễn Thị Yến	Nhi	86	Tốt	
20	2200579	Nguyễn Thị	Nhung	89	Tốt	
21	2200501	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	87	Tốt	
22	2200634	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	88	Tốt	
23	2200348	Mạc Thị	Phương	87	Tốt	
24	2200807	Nguyễn Minh	Quyên	87	Tốt	
25	2200239	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh	83	Tốt	
26	2200577	Lý Nhật	Sâm	85	Tốt	
27	2200532	Đào Mạnh Công	Sơn	80	Tốt	
28	2200385	Phan Thị Thanh	Tâm	84	Tốt	
29	2200587	Hoàng Phương	Thảo	86	Tốt	
30	2200727	Phan Trọng	Thuấn	85	Tốt	
31	2200643	Nguyễn Thị	Triệu	85	Tốt	
32	2200516	Nguyễn Thị	Vy	84	Tốt	

17. Lớp DK13-QTDL

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ VII		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2200129	Nguyễn Thanh	Huyền	95	XS	
2	2200307	Nguyễn Thị	Luyên	95	XS	
3	2100909	Bùi Thanh	Phương	89	Tốt	

18. Lớp DK13-OTO1

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ VII		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2200192	Lê Đức	Anh	80	Tốt	
2	2200527	Trần Hải	Anh	80	Tốt	

3	2200268	Phạm Tiến	Đạt	80	Tốt	
4	2200094	Nguyễn Kim	Đức	80	Tốt	
5	2200409	Dương Quang	Dũng	80	Tốt	
6	2200458	Phạm Ánh	Dương	90	XS	
7	2200535	Vũ Minh	Dương	60	TB	
8	2200318	Nguyễn Quang	Hà	85	Tốt	
9	2200725	Đàm Trọng	Hiếu	80	Tốt	
10	2200410	Nguyễn Xuân	Hinh	75	Khá	
11	2200107	Nguyễn Huy	Hoàng	90	XS	
12	2200142	Nguyễn Duy	Hưng	75	Khá	
13	2200098	Lê Gia	Huy	80	Tốt	
14	2200771	Nguyễn Đức	Huy	80	Tốt	
15	2200128	Phùng Gia	Huy	70	Khá	
16	2200479	Trương Gia	Huy	95	XS	
17	2200761	Hoàng Lê	Lợi	95	XS	
18	2200154	Đàm Phương	Nguyên	70	Khá	
19	2200528	Lê Anh	Quân	60	TB	
20	2200201	Vũ Văn	Quân	80	Tốt	
21	2200454	Đào Văn Minh	Sáng	60	TB	
22	2200699	Hà Văn	Sơn	90	XS	
23	2200159	Nguyễn Đăng	Thanh	78	Khá	
24	2200575	Đỗ Văn	Toàn	85	Tốt	
25	2200300	Phạm Đức	Trung	70	Khá	
26	2200135	Đinh Dương	Tùng	65	Khá	
27	2200157	Vũ Văn	Tuyến	80	Tốt	
28	2200143	Nguyễn Hoàng	Việt	85	Tốt	
29	2200534	Bùi Bá	Vương	60	TB	

19. Lớp DK13-OTO2

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ VII		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2200269	Vũ Duy Thế	Anh	82	Tốt	
2	2200735	Mạc Hải	Đăng	75	Khá	
3	2200283	Đỗ Thành	Đạt	85	Tốt	
4	2200295	Lê Thành	Đạt	85	Tốt	
5	2200355	Phạm Thành	Đô	75	Khá	
6	2200384	Bùi Trọng	Đoan	80	Tốt	
7	2200275	Lê Mạnh	Dũng	86	Tốt	
8	2200237	Trần Đình	Dũng	75	Khá	
9	2200310	Chu Văn	Đương	85	Tốt	
10	2200236	Bùi Hoàng	Duy	80	Tốt	
11	2200337	Nguyễn Văn	Hải	75	Khá	
12	2200817	Bùi Văn	Hạnh	85	Tốt	
13	2200364	Đoàn Bá	Hiệp	82	Tốt	
14	2200557	Vũ Văn	Hưng	85	Tốt	
15	2200309	Nguyễn Đức	Huy	83	Tốt	
16	2200637	Vũ Đình	Khánh	80	Tốt	

17	2200301	Phạm Duy	Long	85	Tốt	
18	2200690	Đinh Đỗ Công	Minh	80	Tốt	
19	2200139	Nguyễn Hoàng	Minh	80	Tốt	
20	2200297	Nguyễn Hoàng Công	Minh	75	Khá	
21	2200687	Vũ Tuấn	Minh	83	Tốt	
22	2200303	Nguyễn Đình	Nam	82	Tốt	
23	2200731	Vũ Thành	Nam	80	Tốt	
24	2200721	Lường Khắc	Năng	75	Khá	
25	2200281	Nguyễn Xuân Hải	Phong	82	Tốt	
26	2200353	Ứng Nguyễn Thanh	Phong	80	Tốt	
27	2200126	Nguyễn Hải	Quân	80	Tốt	
28	2200724	Nguyễn Trần Thế	Sơn	63	TB	
29	2200276	Nguyễn Minh	Thắng	80	Tốt	
30	2200659	Phạm Công	Thanh	83	Tốt	
31	2200227	Trần Văn	Thành	80	Tốt	
32	2200251	Phạm Văn	Tuấn	85	Tốt	

20. Lớp DK13-OTO3

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ VII		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2200087	Nguyễn Văn	An	87	Tốt	
2	2200382	Nguyễn Trọng Quốc	Anh	81	Tốt	
3	2200469	Vũ Đức	Anh	75	Khá	
4	2200736	Vũ Trí	Bảo	85	Tốt	
5	2200352	Nguyễn Kim	Cương	75	Khá	
6	2200513	Nguyễn Văn	Cường	76	Khá	
7	2200194	Vũ Mạnh	Cường	50	TB	
8	2200414	Đinh Quang	Dũng	86	Tốt	
9	2200437	Vũ Văn	Dương	85	Tốt	
10	2200524	Đỗ Văn	Hào	85	Tốt	
11	2200537	Chu Đức	Hiếu	75	Khá	
12	2200627	Trịnh Trung	Hiếu	85	Tốt	
13	2200477	Nguyễn Minh	Hoàng	90	XS	
14	2200595	Ưng Sỹ Việt	Hoàng	50	TB	
15	2200613	Nguyễn Công	Hội	85	Tốt	
16	2200148	Đỗ Quang	Huy	86	Tốt	
17	2200517	Bùi Gia	Khiêm	87	Tốt	
18	2200504	Nguyễn Văn	Liêm	85	Tốt	
19	2200369	Đinh Gia	Lộc	86	Tốt	
20	2200407	Nguyễn Đức	Long	86	Tốt	
21	2200529	Trần Xuân	Mạnh	86	Tốt	
22	2200531	Hà Trung	Nghĩa	83	Tốt	
23	2200482	Nguyễn Văn	Quân	86	Tốt	
24	2200381	Nguyễn Đình	Quang	85	Tốt	
25	2200530	Nguyễn Dương	Sơn	85	Tốt	
26	2200164	Đinh Đức	Thuấn	85	Tốt	
27	2200723	Đỗ Đức	Thuận	88	Tốt	
28	2200507	Nguyễn Tiến	Thuận	88	Tốt	
29	2200131	Ngô Khánh	Tùng	88	Tốt	
30	2200122	Phan Thanh	Tùng	85	Tốt	

31	2200413	Vũ Duy	Vang	85	Tốt	
32	2200316	Nguyễn Đức	Việt	88	Tốt	
33	2200510	Trần Quang	Vũ	95	XS	

21. Lớp DK13-OTO4

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ VII		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2200612	Hồ Văn	An	82	Tốt	
2	2200287	Lê Hoàng	Anh	75	Khá	
3	2200853	Trương Văn	Bách	84	Tốt	
4	2200644	Nguyễn Tuấn	Cảnh	95	XS	
5	2200377	Phạm Quang	Chuẩn	85	Tốt	
6	2200181	Nguyễn Hải	Đăng	85	Tốt	
7	2200452	Nguyễn Tiến	Đạt	80	Tốt	
8	2200210	Phạm Hữu	Đức	84	Tốt	
9	2200664	Nguyễn Tiến	Dũng	85	Tốt	
10	2200910	Phan Thành	Dũng	82	Tốt	
11	2200217	Vũ Hải	Dương	90	XS	
12	2200256	Lê Đình	Hải	80	Tốt	
13	2200658	Đỗ Đức	Hiếu	85	Tốt	
14	2200190	Hoàng Minh	Hùng	85	Tốt	
15	2200598	Nguyễn Duy	Hưng	80	Tốt	
16	2200555	Nguyễn Quốc	Huynh	83	Tốt	
17	2200116	Lê	Khánh	85	Tốt	
18	2200211	Nguyễn Nam	Khánh	95	XS	
19	2200198	Vũ Văn	Khương	79	Khá	
20	2200670	Đỗ Duy	Long	80	Tốt	
21	2200647	Lê Văn	Mạnh	82	Tốt	
22	2200569	Đỗ Nguyễn Hoàng	Nam	80	Tốt	
23	2200580	Nguyễn Đình	Nam	81	Tốt	
24	2200561	Nguyễn Thế	Ngọc	82	Tốt	
25	2200571	Bùi Văn	Quý	78	Khá	
26	2200152	Lê Đình	Quyến	80	Tốt	
27	2200596	Bùi Ngọc	Thế	77	Khá	
28	2200121	Nguyễn Ngọc	Thiện	81	Tốt	
29	2200545	Bùi Văn	Thuân	82	Tốt	
30	2200103	Tăng Văn	Tiến	80	Tốt	
31	2200315	Trần Minh	Trung	80	Tốt	
32	2200163	Phạm Năng	Trưởng	88	Tốt	
33	2200554	Phạm Anh	Tuấn	80	Tốt	
34	2200543	Bùi Quý	Tùng	70	Khá	
35	2200228	Ngô Bá	Việt	82	Tốt	

23. Lớp DK13-M

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ VII		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2200669	Nguyễn Thị Hồng	Anh	80	Tốt	
2	2200223	Nguyễn Thị Trúc	Anh	96	XS	
3	2200278	Trần Thị Ngọc	Ánh	92	XS	

4	2200547	Chu Bảo	Châu	80	Tốt	
5	2200271	Phạm Thị Yến	Chi	88	Tốt	
6	2200397	Phạm Thị Mỹ	Duyên	85	Tốt	
7	2200496	Nguyễn Thị	Hằng	85	Tốt	
8	2200705	Nguyễn Thị	Hằng	94	XS	
9	2200347	Vũ Thị Thu	Hiền	96	XS	
10	2200471	Nguyễn Thị	Huế	86	Tốt	
11	2200563	Nguyễn Thị Mai	Hương	80	Tốt	
12	2200232	Nguyễn Thị Mai	Khuyên	85	Tốt	
13	2200631	Nguyễn Thị Sao	Mai	82	Tốt	
14	2200747	Nông Thị	May	87	Tốt	
15	2200330	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	86	Tốt	
16	2200712	Hồ Diệu	Ninh	85	Tốt	
17	2200177	Nguyễn Thị	Thanh	82	Tốt	
18	2200432	Dương Thị	Trang	85	Tốt	
19	2200436	Nguyễn Phương Hà	Trang	87	Tốt	
20	2200729	Nguyễn Thị	Trúc	85	Tốt	

24. Lớp DK13-TP

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ VII		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2200854	Nguyễn Đình	Chiểu	86	Tốt	
2	2200203	Hồ Trọng	Nghĩa	88	Tốt	

25. Lớp DK14-D1

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ V		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2300188	Đỗ Thành	An	70	Khá	
2	2300778	Đặng Tuấn	Anh	81	Tốt	
3	2300192	Hoàng Trịnh	Anh	80	Tốt	
4	2300756	Nguyễn Hoàng	Anh	72	Khá	
5	2300046	Mạc Thành	Biển	73	Khá	
6	2300725	Thân Hải	Đăng	78	Khá	
7	2300733	Phạm Công	Danh	72	Khá	
8	2300858	Nguyễn Tiến	Đạt	75	Khá	
9	2300082	Nguyễn Tự	Đạt	78	Khá	
10	2300118	Nguyễn Tuấn	Đạt	77	Khá	
11	2300705	Lê Ngọc	Điều	82	Tốt	
12	2300207	Vũ Văn	Định	73	Khá	
13	2300122	Nguyễn Đình	Đồng	63	TB	
14	2300244	Ngô Minh	Đức	76	Khá	
15	2300410	Nguyễn Tiến	Dũng	79	Khá	
16	2300677	Đỗ Tùng	Dương	77	Khá	
17	2300069	Đỗ Văn	Duy	92	XS	
18	2300004	Nguyễn Trường	Giang	74	Khá	
19	2300719	Nguyễn Văn	Giang	73	Khá	
20	2300208	Nguyễn Quang	Hà	73	Khá	
21	2300629	Nguyễn Trung	Hiếu	75	Khá	
22	2300080	Nguyễn Đức	Hoàn	74	Khá	
23	2300037	Nguyễn Huy	Hoàng	70	Khá	

24	2300235	Nguyễn Văn	Hoàng	71	Khá	
25	2300043	Vũ Đình	Hùng	80	Tốt	
26	2300056	Nguyễn Bá	Hưng	79	Khá	
27	2300182	Đặng Quang	Huy	83	Tốt	
28	2300649	Đỗ Trung	Kiên	73	Khá	
29	2300067	Nguyễn Quang	Lộc	61	TB	
30	2300641	Phạm Phước	Long	76	Khá	
31	2300157	Nguyễn Văn	Nam	81	Tốt	
32	2300160	Phạm Hữu	Nghĩa	79	Khá	
33	2300432	Đào Văn	Nhân	71	Khá	
34	2300544	Hoàng Nguyên	Phúc	95	XS	
35	2300639	Vũ Minh	Quân	80	Tốt	
36	2300096	Ngô Văn	Quang	81	Tốt	
37	2300209	Vũ Công	Quyền	85	Tốt	
38	2300100	Nguyễn Tiến	Thăng	86	Tốt	
39	2300091	Phạm Văn	Thăng	79	Khá	
40	2300472	Bùi Đức	Thắng	74	Khá	
41	2300633	Trần Văn	Thắng	77	Khá	

26. Lớp DK14-D2

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ V		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2300497	Mai Quang	Anh	80	Tốt	
2	2300461	Nguyễn Đức Hoài	Anh	60	TB	
3	2300561	Nguyễn Tuấn	Anh	86	Tốt	
4	2300490	Nguyễn Văn	Anh	95	XS	
5	2300297	Phạm Gia	Biên	86	Tốt	
6	2300565	Đỗ Văn	Cao	80	Tốt	
7	2300309	Phạm Ngọc	Công	80	Tốt	
8	2300445	Bùi Quang	Cường	95	XS	
9	2300299	Trần Bá	Cường	86	Tốt	
10	2300587	Phạm Hữu	Đại	80	Tốt	
11	2300369	Trương Quang	Đại	65	Khá	
12	2300492	Nguyễn Thành	Duy	88	Tốt	
13	2300541	Nguyễn Văn	Duy	86	Tốt	
14	2300263	Vũ Xuân	Duy	89	Tốt	
15	2300842	Phạm Đức	Hiệp	80	Tốt	
16	2300595	Phùng Trung	Hiếu	84	Tốt	
17	2300320	Bùi Quang Việt	Hoàng	88	Tốt	
18	2300835	Mạc Đức	Hoàng	83	Tốt	
19	2300314	Phạm Văn	Hữu	85	Tốt	
20	2300487	Hoàng Văn	Huy	60	TB	
21	2300430	Trương Công	Luận	86	Tốt	
22	2300904	Phạm Tuấn	Minh	80	Tốt	
23	2300257	Ngô Văn	Nguyên	86	Tốt	
24	2300549	Lê Hồng	Phong	85	Tốt	
25	2300317	Bùi Văn	Phương	88	Tốt	
26	2300449	Nguyễn Anh	Quốc	86	Tốt	
27	2100838	Đặng Ngọc	Sơn	85	Tốt	
28	2300534	Đỗ Hoàng Ngọc	Sơn	85	Tốt	
29	2300279	Thân Văn	Sơn	86	Tốt	

30	2300140	Phạm Văn	Thành	86	Tốt	
31	2300422	Đặng Minh	Thiện	86	Tốt	
32	2300111	Nguyễn Văn	Tiến	65	Khá	
33	2300400	Vũ Văn	Trà	86	Tốt	
34	2300491	Dương Công	Trung	75	Khá	
35	2300066	Hoàng Khắc	Trường	83	Tốt	
36	2300362	Nguyễn Đình	Tuấn	86	Tốt	
37	2300131	Lê Thanh	Tùng	75	Khá	
38	2300635	Phan Văn	Tùng	85	Tốt	
39	2300068	Đỗ Văn	Vũ	85	Tốt	
40	2300193	Nguyễn Hoàng	Vũ	88	Tốt	
41	2300435	Đỗ Văn	Vương	85	Tốt	

27. Lớp DK14-KTDK&TDH1

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ V		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2300389	Phạm Như	Anh	80	Tốt	
2	2300034	Ngô Như	Bảo	83	Tốt	
3	2300125	Lương Xuân	Chiến	81	Tốt	
4	2300591	Nguyễn Tá	Chinh	87	Tốt	
5	2300133	Nguyễn Văn	Chính	83	Tốt	
6	2300486	Lê Văn	Đạt	81	Tốt	
7	2300106	Nguyễn Tuấn	Định	86	Tốt	
8	2300462	Nguyễn Huỳnh	Đức	86	Tốt	
9	2300112	Vũ Văn	Đức	90	XS	
10	2300585	Lê Tiến	Dũng	96	XS	
11	2300065	Nguyễn Tiến	Dũng	84	Tốt	
12	2300276	Vũ Mạnh	Dũng	74	Khá	
13	2300130	Nguyễn Hải	Dương	80	Tốt	
14	2300721	Võ Thành	Dương	80	Tốt	
15	2300134	Nguyễn Quốc	Duy	88	Tốt	
16	2300145	Đặng Thế	Hải	82	Tốt	
17	2300189	Đỗ Nhật	Hân	75	Khá	
18	2300788	Trương Mạnh	Hậu	87	Tốt	
19	2300090	Trần Đức	Hiệp	88	Tốt	
20	2300127	Vũ Xuân	Hiệu	84	Tốt	
21	2101126	Đinh Việt	Hoàng	96	XS	
22	2300064	Nguyễn Huy	Hoàng	86	Tốt	
23	2300270	Phạm Văn	Hùng	81	Tốt	
24	2300252	Hoàng Xuân	Hưng	85	Tốt	
25	2300009	Nguyễn Trọng	Hưng	84	Tốt	
26	2300826	Nguyễn Văn	Huy	80	Tốt	
27	2300169	Nguyễn Quang	Khải	83	Tốt	
28	2300509	Nguyễn Hữu	Khang	70	Khá	
29	2300089	Nguyễn Kim	Khoa	86	Tốt	
30	2300152	Lâm Thế	Kim	77	Khá	
31	2300417	Đoàn Ngọc	Lâm	86	Tốt	
32	2300072	Nguyễn Tuấn	Linh	83	Tốt	
33	2300038	Lê Thành	Long	84	Tốt	
34	2300689	Phạm Văn	Nghĩa	87	Tốt	
35	2300195	Hoàng Anh	Thảo	82	Tốt	

36	2300749	Nguyễn Quang	Trung	86	Tốt	
37	2300027	Nguyễn Thành	Trung	81	Tốt	
38	2300062	Đỗ Văn	Trường	92	XS	
39	2300047	Phạm Thanh	Trường	83	Tốt	
40	2300676	Trần Đức	Trường	84	Tốt	
41	2300747	Trần Nguyễn Thanh	Tùng	88	Tốt	
42	2300533	Thang Anh	Vũ	90	XS	

28. Lớp DK14-KTDK&TDH2

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ V		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2300426	Nguyễn Đình	An	84	Tốt	
2	2300337	Vũ Hoàng	An	92	XS	
3	2300349	Tống Văn	Chiến	87	Tốt	
4	2300782	Phạm Văn	Chung	84	Tốt	
5	2300692	Phạm Thế	Công	83	Tốt	
6	2300277	Nguyễn Mạnh	Cường	80	Tốt	
7	2300378	Vũ Đình	Cường	89	Tốt	
8	2300271	Vũ Văn	Đại	80	Tốt	
9	2300734	Linh Minh	Đăng	62	TB	
10	2300236	Bùi Xuân	Đức	89	Tốt	
11	2300088	Đồng Hải	Dương	86	Tốt	
12	2300291	Nguyễn Hải	Dương	86	Tốt	
13	2300376	Dương Ngọc	Duy	83	Tốt	
14	2300728	Hồ Quang	Hiếu	84	Tốt	
15	2300431	Lê Nguyễn Xuân	Hiếu	80	Tốt	
16	2300412	Nguyễn Minh	Hiếu	85	Tốt	
17	2300403	Phạm Văn	Hiếu	67	Khá	
18	2300341	Nguyễn Phong	Hòa	88	Tốt	
19	2300809	Phạm Công	Hoàng	84	Tốt	
20	2300510	Trần Vương	Hoàng	75	Khá	
21	2300102	Lê Anh	Hưng	71	Khá	
22	2300117	Nguyễn Văn	Hưng	83	Tốt	
23	2300407	Phạm Văn	Hưng	82	Tốt	
24	2300353	Trương Mạnh	Hưởng	81	Tốt	
25	2300391	Đỗ Quang	Huy	87	Tốt	
26	2300707	Hoàng Trọng	Huy	85	Tốt	
27	2300573	Lê Gia	Huy	80	Tốt	
28	2300311	Nguyễn Quang	Huy	88	Tốt	
29	2300701	Nguyễn Ngọc	Khánh	86	Tốt	
30	2300336	Nguyễn Trung	Kiên	91	XS	
31	2300375	Nguyễn Đình	Long	88	Tốt	
32	2300332	Đồng Văn	Mạnh	85	Tốt	
33	2300397	Phạm Quang	Nam	83	Tốt	
34	2300289	Nguyễn Văn Minh	Phúc	89	Tốt	
35	2300295	Dương Hồng	Quang	81	Tốt	
36	2300294	Trần Minh	Quang	80	Tốt	
37	2300392	Đỗ Văn	Quyền	83	Tốt	
38	2300318	Trần Thanh	Thắng	81	Tốt	
39	2300275	Phạm Đức	Trung	84	Tốt	
40	2300014	Nguyễn Văn	Tùng	83	Tốt	

41	2300171	Nguyễn Văn	Tùng	75	Khá	

29. Lớp DK14-KTDK&TDH3

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ V		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2300735	Nguyễn Công	An	75	Khá	
2	2300218	Võ Thành	An	80	Tốt	
3	2300851	Nguyễn Hữu	Anh	80	Tốt	
4	2300406	Nguyễn Tiến	Anh	78	Khá	
5	2300057	Nguyễn Văn Hoàng	Anh	90	XS	
6	2300592	Phạm Tuấn	Anh	78	Khá	
7	2300668	Nguyễn Văn	Bảo	50	TB	
8	2300683	Vũ Hữu	Chương	85	Tốt	
9	2300675	Đào Hữu	Cường	80	Tốt	
10	2300645	Lê Huy	Cường	85	Tốt	
11	2300714	Lương Quang	Điều	80	Tốt	
12	2300466	Vũ Hữu	Đông	80	Tốt	
13	2300441	Vũ Hoàng	Dũng	85	Tốt	
14	2300661	Ngô Lưu Phong	Dương	80	Tốt	
15	2300553	Phạm Thái	Dương	80	Tốt	
16	2300702	Nguyễn Đức	Duy	78	Khá	
17	2300731	Vi Viết	Hùng	70	Khá	
18	2300215	Nguyễn Đức	Huy	80	Tốt	
19	2300181	Đinh Trọng	Khôi	85	Tốt	
20	2300101	Mạc Đình	Minh	90	XS	
21	2300388	Nguyễn Công	Minh	85	Tốt	
22	2300153	Phạm Thị Hồng	My	85	Tốt	
23	2300558	Nguyễn Đình	Nam	75	Khá	
24	2300860	Vũ Đức	Nam	75	Khá	
25	2300166	Vũ Lưu Trọng	Nghĩa	75	Khá	
26	2300604	Nguyễn Xương	Phong	80	Tốt	
27	2300484	Đinh Quang	Phú	80	Tốt	
28	2300617	Hà Minh	Quân	90	XS	
29	2300473	Đồng Xuân	Sáng	78	Khá	
30	2300780	Đặng Quang	Thanh	80	Tốt	
31	2300523	Nguyễn Văn	Thành	92	XS	
32	2300613	Ngô Văn	Thiết	90	XS	
33	2300421	Nguyễn Quý	Thủy	78	Khá	
34	2300569	Trần Xuân	Thủy	78	Khá	
35	2300444	Vương Đức	Tiến	80	Tốt	
36	2300116	Đồng Đức	Toản	85	Tốt	
37	2300168	Lương Quang	Trung	80	Tốt	
38	2300520	Vương Quang	Trung	75	Khá	
39	2300253	Bùi Quang	Tú	80	Tốt	
40	2300527	Mạc Văn	Tuyến	78	Khá	
41	2300354	Nguyễn Xuân	Vĩ	78	Khá	
42	2300030	Nguyễn Xuân	Vũ	80	Tốt	

29. Lớp DK14-CK1

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ V		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2300653	Nguyễn Văn	An	68	Khá	

2	2300074	Bùi Tuấn	Anh	66	Khá	
3	2300482	Mai Đức	Anh	67	Khá	
4	2300247	Nguyễn Tiến	Châu	64	TB	
5	2300798	Lê Bá	Đạt	67	Khá	
6	2300586	Trần Tú	Doanh	65	Khá	
7	2300786	Đỗ Minh	Đức	64	TB	
8	2300285	Nguyễn Mạnh	Dương	76	Khá	
9	2300505	Nguyễn Đức	Duy	65	Khá	
10	2300093	Bùi Ngọc	Hà	76	Khá	
11	2300366	Nguyễn Thanh	Hải	65	Khá	
12	2300099	Nguyễn Văn	Hạnh	78	Khá	
13	2300528	Đồng Huy	Hiếu	63	TB	
14	2300234	Nguyễn	Hoàng	80	Tốt	
15	2300746	Nguyễn Vũ	Hoàng	76	Khá	
16	2300881	Phạm Việt	Hoàng	76	Khá	
17	2300556	Lê Anh	Hùng	78	Khá	
18	2300754	Nguyễn Nhật	Huy	75	Khá	
19	2300684	Nguyễn Duy	Khánh	85	Tốt	
20	2300143	Phạm Văn	Khánh	78	Khá	
21	2300347	Phạm Xuân	Liêm	76	Khá	
22	2300237	Bùi Tuấn	Linh	65	Khá	
23	2300007	Nguyễn Tiến	Mạnh	90	XS	
24	2300781	Phương Đình	Minh	56	TB	
25	2300535	Quách Xuân	Nam	76	Khá	
26	2300286	Phạm Ngọc	Phúc	80	Tốt	
27	2300110	Đỗ Minh	Thái	67	Khá	
28	2300165	Nguyễn Đức	Thắng	76	Khá	
29	2300546	Phạm Minh	Thắng	80	Tốt	
30	2300097	Đặng Thanh	Thuấn	65	Khá	
31	2300073	Trần Hoàng Công	Thương	87	Tốt	
32	2300620	Phạm Xuân	Trường	56	TB	
33	2300365	Lê Anh	Tú	76	Khá	
34	2300278	Vũ Quốc	Việt	86	Tốt	
35	2300045	Vũ Quang	Vinh	67	Khá	

30. Lớp DK14-CDT

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ V		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2300636	Trần Đức	Anh	79	Khá	
2	2300086	Nguyễn Duy	Bảo	87	Tốt	
3	2300655	Nguyễn Văn	Bình	75	Khá	
4	2300607	Vũ Việt	Cường	90	XS	
5	2300656	Vũ Văn Thành	Đạt	86	Tốt	
6	2300327	Dương Trung	Đức	85	Tốt	
7	2300846	Đỗ Văn Trường	Giang	64	TB	
8	2300623	Lý Văn	Hải	79	Khá	
9	2300769	Bùi Văn	Hoàng	76	Khá	
10	2300230	Kiều Thanh	Hoàng	86	Tốt	
11	2300393	Lê Quang	Huy	89	Tốt	
12	2300434	Vũ Duy	Khánh	87	Tốt	
13	2300174	Phạm Văn	Kiên	87	Tốt	

14	2300493	Lê Minh	Quân	74	Khá	
15	2300124	Nguyễn Sỹ	Quang	89	Tốt	
16	2300351	Nguyễn Văn	Thiết	85	Tốt	
17	2300033	Hoàng Văn	Trung	77	Khá	
18	2300262	Đàm Duy	Tuyển	87	Tốt	

31. Lớp DK14-CNTT1

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ V		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2300087	Dương Hồng	Anh	92	XS	
2	2301127	Nguyễn Kỳ	Anh	88	Tốt	
3	2300128	Hà Tiến	Dũng	96	XS	
4	2300439	Nguyễn Xuân	Dương	79	Khá	
5	2300325	Lương Văn	Duy	89	Tốt	
6	2300303	Nguyễn Văn	Hải	89	Tốt	
7	2300750	Vũ Mạnh	Hải	89	Tốt	
8	2300121	Vũ Xuân	Hải	89	Tốt	
9	2301128	Lê Đình	Hùng	80	Tốt	
10	2300052	Nguyễn Văn	Hưng	86	Tốt	
11	2300718	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	89	Tốt	
12	2300350	Nguyễn Nghĩa	Khoa	97	XS	
13	2300759	Nguyễn Văn	Ngân	94	XS	
14	2300321	Bùi Hoàng	Nhật	96	XS	
15	2300665	Tô Ngọc	Phan	88	Tốt	
16	2300531	Bùi Nhật	Phong	94	XS	
17	2300760	Trần Văn	Sơn	88	Tốt	
18	2300850	Vũ Thị	Thảo	92	XS	
19	2300646	Nguyễn Đại Cường	Thịnh	82	Tốt	
20	2300213	Phạm Văn	Trung	83	Tốt	
21	2300078	Đoàn Mạnh	Tú	97	XS	
22	2300529	Nguyễn Đức	Việt	93	XS	
23	2300023	Trần Thanh	Xuân	85	Tốt	

32. Lớp DK14-CNTT2

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ V		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2300771	Nguyễn Thế	Anh	77	Khá	
2	2300367	Vũ Đức	Anh	80	Tốt	
3	2300742	Nguyễn Duy Thiện	Bình	78	Khá	
4	2300476	K' Hoàng Hồng	Đan	80	Tốt	
5	2300550	Trần Tuấn	Đạt	57	TB	
6	2300489	Dương Anh	Đức	84	Tốt	
7	2300287	Lưu Hồng	Đức	78	Khá	
8	2300016	Phạm Minh	Đức	78	Khá	
9	2300399	Vũ Duy	Đức	90	XS	
10	2300261	Nguyễn Việt	Hà	83	Tốt	
11	2300414	Phạm Văn	Hảo	78	Khá	
12	2300659	Lương Thị Thu	Hiền	82	Tốt	
13	2300031	Nguyễn Trung	Hiếu	81	Tốt	
14	2300281	Nguyễn Trung	Hiếu	80	Tốt	
15	2300869	Nguyễn Ngọc	Hiệu	77	Khá	
16	2300032	Nguyễn Huy	Hoàng	80	Tốt	

17	2300154	Nguyễn Quang	Huy	79	Khá	
18	2300419	Nguyễn Quang	Huy	80	Tốt	
19	2300024	Hoàng Ngọc	Khánh	90	XS	
20	2300149	Nguyễn Phúc Ngọc	Linh	67	Khá	
21	2300258	Nguyễn Bá	Long	83	Tốt	
22	2300578	Nguyễn Đức	Mạnh	80	Tốt	
23	2300272	Phạm Quang	Mạnh	80	Tốt	
24	2300688	Hoàng Giang	Nam	80	Tốt	
25	2300172	Phạm Hoài	Nam	78	Khá	
26	2300231	Nguyễn Đình	Thành	83	Tốt	
27	2300542	Nguyễn Văn	Thành	77	Khá	
28	2300107	Nguyễn Quang	Tiến	90	XS	
29	2300370	Nguyễn Đức	Toàn	83	Tốt	
30	2300240	Phạm Đức	Trung	79	Khá	
31	2300773	Trần Hoàng	Tú	79	Khá	

33. Lớp DK14-QTKD

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ V		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2300360	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	90	XS	
2	2300460	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	81	Tốt	
3	2300079	Lê Minh	Chi	87	Tốt	
4	2300179	Nguyễn Hữu	Đức	82	Tốt	
5	2300504	Nguyễn Phương	Hà	80	Tốt	
6	2300690	Nguyễn Thu	Hiền	84	Tốt	
7	2300206	Trương Thị	Huế	88	Tốt	
8	2300654	Linh Mạnh	Hùng	86	Tốt	
9	2300126	Lê Thị	Hương	92	XS	
10	2300708	Nguyễn Văn	Khánh	78	Khá	
11	2300335	Thân Thị	Ngà	90	XS	
12	2300576	Nguyễn Thị	Ngân	81	Tốt	
13	2300612	Nguyễn Thị	Ngân	81	Tốt	
14	2300616	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	80	Tốt	
15	2300017	Đào Thị	Phương	89	Tốt	
16	2300448	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	81	Tốt	
17	2300155	Chu Thị Thanh	Thu	88	Tốt	
18	2300284	Lê Thị Thảo	Thư	93	XS	
19	2300615	Trịnh Bá	Triệu	76	Khá	
20	2300300	Phạm Thị	Tuyền	95	XS	

34. Lớp DK14-KT

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ V		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2300606	Phạm Thị Phương	Anh	83	Tốt	
2	2300896	Nguyễn Thúy	Hiền	82	Tốt	
3	2300180	Vũ Thị	Hợp	83	Tốt	
4	2300221	Lê Thị Thu	Huệ	93	XS	
5	2300644	Chu Thị	Hường	81	Tốt	
6	2300239	Bùi Ngọc	Huyền	81	Tốt	
7	2300358	Nguyễn Thị	Huyền	81	Tốt	
8	2300703	Nịnh Thuỳ	Linh	88	Tốt	
9	2300672	Đoàn Thị	Mai	78	Khá	

10	2300813	Lê Thị Ngọc	Mai	92	XS	
11	2300427	Vũ Thị Xuân	Mai	86	Tốt	
12	2300657	Vũ Thị Xuân	Mai	92	XS	
13	2300755	Hoàng Trung	Nghĩa	81	Tốt	
14	2300020	Dương Bá Thanh	Phong	86	Tốt	
15	2300330	Vũ Thị Phương	Thảo	86	Tốt	
16	2300443	Nguyễn Thị Thu	Trang	80	Tốt	
17	2300566	Phạm Thu	Trang	87	Tốt	
18	2300411	Hoàng Thị	Yến	93	XS	

35. Lớp DK14-NTQ1

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ V		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2300061	Đào Thị Minh	Anh	80	Tốt	
2	2300697	Nguyễn Thị Hải	Anh	80	Tốt	
3	2300745	Nguyễn Phương	Giang	78	Khá	
4	2300268	Vi Văn	Giang	85	Tốt	
5	2300787	Đào Thị	Hạnh	95	XS	
6	2300005	Trần Thị Hoàng	Hạnh	80	Tốt	
7	2300098	Trương Thị Hồng	Hạnh	80	Tốt	
8	2300522	Nguyễn Thị	Hảo	82	Tốt	
9	2300196	Phạm Minh	Hiếu	90	XS	
10	2300044	Hứa Thị Thanh	Hoa	95	XS	
11	2300713	Hà Thị Khánh	Hòa	78	Khá	
12	2300222	Nguyễn Thị	Hường	90	XS	
13	2300254	Đào Văn	Huy	85	Tốt	
14	2300740	Mạc Quang	Huy	80	Tốt	
15	2300681	Hoàng Đồng Khánh	Huyền	80	Tốt	
16	2300049	Nguyễn Thị	Huyền	80	Tốt	
17	2300625	Vũ Thị Khánh	Huyền	78	Khá	
18	2300386	Nguyễn Thị	Khanh	78	Khá	
19	2300175	Nguyễn Hải	Linh	80	Tốt	
20	2300471	Hoàng Hữu	Lộc	78	Khá	
21	2300693	Trần Khánh	Ly	85	Tốt	
22	2300671	Khoàng Ngọc	Mai	80	Tốt	
23	2300680	Nguyễn Thị	Ngọc	80	Tốt	
24	2300624	Lê Thị Minh	Nguyệt	80	Tốt	
25	2300036	Đào Thị	Phương	79	Khá	
26	2300408	Lành Kim	Phương	85	Tốt	
27	2300339	Bùi Phương	Quyên	80	Tốt	
28	2300267	Phạm Quốc	Thắng	79	Khá	
29	2300627	Trần Thị	Thương	79	Khá	
30	2300094	Hoàng Thị	Trang	80	Tốt	

36. Lớp DK14-NTQ2

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ V		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2300242	Đào Quỳnh	Anh	89	Tốt	
2	2300596	Nguyễn Bùi Duy	Anh	74	Khá	
3	2300359	Nguyễn Quỳnh	Anh	83	Tốt	
4	2300025	Nguyễn Thị Lan	Anh	74	Khá	
5	2300144	Vũ Duy	Anh	73	Khá	

6	2300423	Hà Thị Ngọc	Ánh	85	Tốt	
7	2300058	Nguyễn Thị Khánh	Dương	85	Tốt	
8	2300006	Nguyễn Thị	Hà	83	Tốt	
9	2300119	Vũ Thị	Hải	83	Tốt	
10	2300762	Vũ Văn	Hải	85	Tốt	
11	2300848	Lê Thị Mỹ	Hạnh	85	Tốt	
12	2300136	Vũ Minh	Hạnh	80	Tốt	
13	2300282	Vũ Thị	Hiền	85	Tốt	
14	2300446	Phạm Văn	Hoàng	83	Tốt	
15	2300808	Nguyễn Thị	Hồng	83	Tốt	
16	2300216	Hoàng Thị Ngọc	Huyền	85	Tốt	
17	2300802	Phạm Trung	Kiên	83	Tốt	
18	2300333	Chu Thị	Liên	83	Tốt	
19	2300424	Trần Thị	Liên	80	Tốt	
20	2300176	Trần Thị Hồng	Ngọc	80	Tốt	
21	2300357	Hoàng Thị Thanh	Nhàn	88	Tốt	
22	2300372	Nguyễn Thu	Phương	85	Tốt	
23	2300356	Nguyễn Thị	Thanh	85	Tốt	
24	2300402	Phạm Thị	Thảo	90	XS	
25	2300382	Phạm Thị Thanh	Thơm	83	Tốt	
26	2300512	Hoàng Thị Minh	Thư	80	Tốt	
27	2300447	Phạm Hương	Thùy	80	Tốt	
28	2300371	Phạm Thị Thanh	Trà	83	Tốt	
29	2300598	Phạm Thu	Trang	90	XS	
30	2300329	Vũ Thị Huyền	Trang	83	Tốt	

37. Lớp DK14-NTQ3

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ V		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2300897	Nguyễn Thị Tâm	Anh	78	Khá	
2	2300660	Vũ Ngọc	Anh	80	Tốt	
3	2300716	Dương Thị Ngọc	Bích	83	Tốt	
4	2300709	Lò Văn	Đức	78	Khá	
5	2300584	Nguyễn Thị	Dương	80	Tốt	
6	2300632	Lê Thị Thu	Hà	80	Tốt	
7	2300825	Vũ Thu	Huyền	80	Tốt	
8	2300015	Phùng Thị	Kiều	80	Tốt	
9	2300135	Dương Thị Ngọc	Lan	85	Tốt	
10	2300753	Nguyễn Thị Mai	Liên	85	Tốt	
11	2300085	Dương Thị Thùy	Linh	78	Khá	
12	2300137	Vũ Thị Thanh	Loan	90	XS	
13	2300219	Lê Văn	Nam	82	Tốt	
14	2300071	Nguyễn Thị	Nền	90	XS	
15	2300105	Nguyễn Hoàng	Ngân	80	Tốt	
16	2300081	Nguyễn Thị	Phương	80	Tốt	
17	2300019	Phạm Thanh	Phương	80	Tốt	
18	2300048	Nguyễn Thị	Phượng	80	Tốt	
19	2300256	Hà Thị Thu	Thảo	85	Tốt	
20	2300050	Nguyễn Minh	Thu	80	Tốt	
21	2300198	Nguyễn Thị Minh	Thư	80	Tốt	
22	2300770	Đặng Thị	Thúy	80	Tốt	

23	2300695	Dương Thị	Thùy	80	Tốt	
24	2300698	Lê Thị	Tính	80	Tốt	
25	2300147	Phạm Thị Thu	Trang	80	Tốt	
26	2300346	Hoàng Hữu	Trường	78	Khá	
27	2300167	Lê Thị Kim	Tuyến	80	Tốt	
28	2300717	Nguyễn Thị Minh	Tuyết	85	Tốt	
29	2300682	Nguyễn Thảo	Vy	80	Tốt	
30	2300385	Phạm Ánh	Vy	82	Tốt	
31	2300768	Ma Thị	Xịnh	80	Tốt	

38. Lớp DK14-QTDL

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ V		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2300511	Nguyễn Hải	Đăng	84	Tốt	
2	2300785	Giáp Thế	Duyệt	93	XS	
3	2300042	Nguyễn Thị Bình	Sinh	90	XS	
4	2300521	Nông Triệu Hà	Vy	86	Tốt	

39. Lớp DK14-OTO1

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ V		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2300352	Nguyễn Duy	An	80	Tốt	
2	2300326	Bùi Việt	Anh	69	Khá	
3	2300715	Nguyễn Hoàng	Anh	69	Khá	
4	2300420	Nguyễn Danh	Đạt	80	Tốt	
5	2300310	Nguyễn Kết	Đoàn	80	Tốt	
6	2300323	Đoàn Văn	Đông	75	Khá	
7	2300706	Trần Đức	Hoàng	75	Khá	
8	2300532	Bùi Huy	Hùng	70	Khá	
9	2300845	Đỗ Thành	Hưng	73	Khá	
10	2300108	Nguyễn Văn	Hưng	90	XS	
11	2300041	Nguyễn Đức	Minh	74	Khá	
12	2300328	Đoàn Ngọc	Nam	75	Khá	
13	2300488	Trần Trí	Quân	80	Tốt	
14	2300455	Khương Đình	Thắng	80	Tốt	
15	2300409	Phạm Đình	Thiệu	80	Tốt	
16	2300338	Phạm Đức	Thịnh	80	Tốt	
17	2300241	Nguyễn Mạnh	Tiến	75	Khá	
18	2300274	Đinh Văn	Trung	69	Khá	
19	2300519	Nguyễn Thành	Trung	85	Tốt	

40. Lớp DK14-OTO2

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ V		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2300794	Mạc Duy Hoàng	Anh	71	Khá	
2	2300214	Vũ Quang	Anh	70	Khá	
3	2300076	Nguyễn Xuân	Biện	67	Khá	
4	2300063	Đỗ Quang	Bính	66	Khá	
5	2300255	Dương Thanh	Bình	70	Khá	
6	2300022	Nguyễn Thái	Bình	71	Khá	
7	2300784	Bùi Hải	Đăng	70	Khá	
8	2300040	Ngô Hải	Đăng	67	Khá	
9	2300200	Nguyễn Tất	Đạt	70	Khá	

10	2300288	Nguyễn Minh	Đức	71	Khá	
11	2300824	Vi Hồng	Đức	70	Khá	
12	2300205	Lâm Tiến	Dũng	63	TB	
13	2300823	Phùng Ngọc	Dương	71	Khá	
14	2300190	Trần Quang	Duy	71	Khá	
15	2300233	Nguyễn Trường	Giang	70	Khá	
16	2300104	Nguyễn Hữu	Hiếu	68	Khá	
17	2300777	Vũ Đình	Hiếu	70	Khá	
18	2300183	Lưu Giang	Hoàn	61	TB	
19	2300035	Đỗ Văn	Hoàng	67	Khá	
20	2300283	Hoàng Phi	Hùng	73	Khá	
21	2300202	Hoàng Văn	Huy	70	Khá	
22	2300836	Phạm Văn Gia	Huy	64	TB	
23	2300245	Trần Gia	Huy	66	Khá	
24	2300273	Nguyễn Vũ	Khánh	65	Khá	
25	2300220	Doãn Văn	Kiên	80	Tốt	
26	2300822	Phùng Trung	Kiên	70	Khá	
27	2300211	Nguyễn Đức Khánh	Nam	62	TB	
28	2300197	Nguyễn Phương	Nam	61	TB	
29	2300210	Đào Vĩnh	Nghiêm	64	TB	
30	2300383	Bàng Minh	Phú	70	Khá	
31	2300232	Nguyễn Minh	Quân	65	Khá	
32	2300817	Đặng Văn	Tài	66	Khá	
33	2300178	Phạm Văn	Tân	65	Khá	
34	2300266	Giang Trung	Thái	64	TB	
35	2300212	Nguyễn Minh	Thái	70	Khá	
36	2300249	Hoàng Quyết	Thắng	61	TB	
37	2300368	Phạm Thế	Thắng	75	Khá	
38	2300264	Trương Công	Thắng	63	TB	
39	2300194	Nguyễn Chí	Thanh	67	Khá	
40	2300227	Chử Văn	Thi	64	TB	

41. Lớp DK14-OTO3

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ V		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2300418	Tống Hải	Anh	45	Yếu	
2	2300292	Vũ Văn	Bình	90	XS	
3	2300374	Nguyễn Quốc	Chính	75	Khá	
4	2300308	Hoàng Văn	Đại	80	Tốt	
5	2300454	Đỗ Hải	Đăng	80	Tốt	
6	2300416	Phạm Ngọc Hải	Đăng	75	Khá	
7	2300103	Nguyễn Tiến	Đạt	80	Tốt	
8	2300151	Phạm Tiến	Đạt	90	XS	
9	2300373	Nguyễn Hữu	Đông	45	Yếu	
10	2300013	Nguyễn Huy	Đức	45	Yếu	
11	2300083	Tăng Minh	Đức	90	XS	
12	2300413	Phạm Việt	Dũng	75	Khá	
13	2300162	Phạm Đăng	Dương	75	Khá	
14	2300095	Nguyễn Quốc	Duy	70	Khá	
15	2300315	Nguyễn Tiến	Hải	80	Tốt	
16	2300384	Đồng Đức	Hảo	80	Tốt	

17	2300280	Nguyễn Đức	Hiếu	60	TB	
18	2300764	Đào Xuân	Hùng	90	XS	
19	2300158	Nguyễn Đăng	Hùng	80	Tốt	
20	2300012	Nguyễn Phi	Hùng	75	Khá	
21	2300799	Hoàng Văn	Hưởng	60	TB	
22	2300001	Đặng Quốc	Huy	80	Tốt	
23	2300146	Hoàng Gia	Huy	75	Khá	
24	2300381	Hoàng Văn	Huy	80	Tốt	
25	2300744	Nguyễn Mạnh	Huy	75	Khá	
26	2300313	Nguyễn Nhất	Huy	75	Khá	
27	2300401	Phạm Quang	Huy	75	Khá	
28	2300305	Trần Trung	Kiên	75	Khá	
29	2300164	Trần Văn	Kiều	80	Tốt	
30	2300789	Hoàng Tuấn	Linh	60	TB	
31	2300293	Vũ Thành	Long	80	Tốt	
32	2300290	Đỗ Quang	Minh	75	Khá	
33	2300021	Nguyễn Quang	Minh	80	Tốt	
34	2300380	Trịnh Trung	Nguyên	75	Khá	
35	2300404	Nguyễn Văn	Phong	90	XS	
36	2300342	Nguyễn Hồng	Sơn	80	Tốt	
37	2300301	Vũ Nguyễn Phúc	Tấn	75	Khá	
38	2300415	Phạm Văn	Thái	75	Khá	

42. Lớp DK14-OTO4

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ V		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2300539	Nguyễn Thế Nam	Anh	69	Khá	
2	2300495	Phạm Thế	Anh	90	XS	
3	2300429	Phạm Xuân	Bảo	70	Khá	
4	2300428	Lê Quý	Đại	75	Khá	
5	2300485	Phạm Trường	Giang	70	Khá	
6	2300467	Phạm Việt	Hà	60	TB	
7	2300736	Hoàng Ngọc	Hải	75	Khá	
8	2300451	Triệu Quang	Hải	70	Khá	
9	2300840	Phạm Huy	Hoàng	80	Tốt	
10	2300456	Chúng Duy	Hưng	75	Khá	
11	2300711	Bùi Ngọc	Huy	80	Tốt	
12	2300186	Đoàn Duy	Khánh	75	Khá	
13	2300483	Nguyễn Bảo	Khánh	85	Tốt	
14	2300177	Đoàn Trắc	Lộc	70	Khá	
15	2300530	Lương Viết	Lợi	75	Khá	
16	2300159	Lê Đức	Mạnh	88	Tốt	
17	2300109	Phạm Đức	Mạnh	88	Tốt	
18	2300727	Đàm Quang	Minh	90	XS	
19	2300503	Phạm Phương	Nam	70	Khá	
20	2300465	Nguyễn Đình	Nghiệp	95	XS	
21	2300516	Đỗ Hồng	Quân	70	Khá	
22	2300470	Hoàng Công	Quân	70	Khá	
23	2300139	Nguyễn Hồng	Quân	70	Khá	
24	2300469	Nguyễn Trung	Quân	90	XS	
25	2300547	Nguyễn Văn	Quân	70	Khá	

26	2300743	Bùi Bá	Quỳnh	75	Khá	
27	2300457	Đỗ Ngọc	Sơn	75	Khá	
28	2300114	Đỗ Quyết	Thắng	70	Khá	
29	2300899	Nguyễn Năng	Thanh	70	Khá	
30	2300011	Trần Minh	Thành	70	Khá	
31	2300810	Nguyễn Hữu Trung	Thông	90	XS	
32	2300002	Đỗ Đình	Thuận	90	XS	
33	2100328	Hoàng Ngọc	Toàn	76	Khá	
34	2300765	Quách Hữu	Trung	95	XS	
35	2300502	Đoàn Minh	Tú	80	Tốt	
36	2300758	Đặng Anh	Tuấn	80	Tốt	
37	2300479	Nguyễn Đức	Tuấn	75	Khá	

43. Lớp DK14-OTO5

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ V		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2300610	Nguyễn Thế	Anh	79	Khá	
2	2300583	Phạm Kim	Chung	80	Tốt	
3	2300614	Nguyễn Văn	Cường	60	TB	
4	2300559	Phạm Thành	Đạt	73	Khá	
5	2300594	Mạc Hữu	Định	65	Khá	
6	2300590	Hoàng Công	Duy	80	Tốt	
7	2300557	Toàn Đăng	Hoàng	79	Khá	
8	2300564	Phạm Quang	Huy	90	XS	
9	2300603	Vũ Văn	Huy	65	Khá	
10	2300568	Thân Duy	Kha	75	Khá	
11	2300691	Nguyễn Chí	Kiên	80	Tốt	
12	2300574	Vũ Trí Hoàng	Kiên	75	Khá	
13	2300884	Khúc Quang	Minh	69	Khá	
14	2300853	Vì Anh	Minh	69	Khá	
15	2300669	Lê Văn	Ngọc	80	Tốt	
16	2300628	Nguyễn Anh	Nhật	80	Tốt	
17	2300667	Nguyễn Quang	Phú	80	Tốt	
18	2300570	Trần Đình	Phương	80	Tốt	
19	2300643	Nguyễn Văn Vinh	Quang	80	Tốt	
20	2300626	Vũ Trường	Sơn	79	Khá	
21	2300515	Lê Quỳnh	Thành	75	Khá	
22	2300572	Lưu Tuấn	Thịnh	75	Khá	
23	2300710	Nguyễn Minh	Tiến	75	Khá	
24	2300008	Nguyễn Xuân	Tiến	65	Khá	
25	2300580	Nguyễn Tuấn	Trọng	73	Khá	
26	2300459	Hoàng Công	Trường	65	Khá	
27	2300405	Hoàng Quang	Trường	79	Khá	
28	2300593	Phạm Tiến	Trường	80	Tốt	
29	2300051	Trần Quang	Trường	79	Khá	
30	2300545	Nguyễn Quốc	Trưởng	79	Khá	
31	2300029	Dương Anh	Tuấn	80	Tốt	
32	2300563	Nguyễn Văn	Tuấn	80	Tốt	
33	2300084	Phạm Đình	Tuấn	80	Tốt	
34	2300113	Nguyễn Đức	Tùng	75	Khá	
35	2300269	Phan Thanh	Tùng	75	Khá	

36	2300518	Đỗ Quốc	Việt	75	Khá	
37	2300248	Bùi Hữu	Vũ	80	Tốt	

44. Lớp DK14-M

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ V		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2300605	Bùi Hải	Anh	87	Tốt	
2	2300608	Bùi Thị Thu	Hà	97	XS	
3	2300246	Bùi Thị	Huế	81	Tốt	
4	2300501	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	83	Tốt	
5	2300450	Bùi Thị Thu	Lệ	81	Tốt	
6	2300387	Bùi Tuyết	Ly	97	XS	
7	2300185	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	84	Tốt	
8	2300348	Bùi Kim	Phượng	84	Tốt	

45. Lớp DK15-D1

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ III		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2401404	Nguyễn Đức	Anh	74	Khá	
2	2400027	Phạm Trần Duy	Anh	91	XS	
3	2401323	Lê Quang	Biển	73	Khá	
4	2400884	Lê Văn	Bình	82	Tốt	
5	2401320	Trịnh Thế	Cường	88	Tốt	
6	2400927	Nguyễn Văn	Dạo	84	Tốt	
7	2400218	Nguyễn Tiến	Đức	89	Tốt	
8	2400185	Nguyễn Văn	Dũng	91	XS	
9	2400264	Nguyễn Tiến	Dương	85	Tốt	
10	2400222	Ngô Doãn	Duy	78	Khá	
11	2400852	Nguyễn Đức	Duy	89	Tốt	
12	2400236	Nguyễn Thị Thu	Hà	77	Khá	
13	2400220	Lê Nguyên	Hoàng	89	Tốt	
14	2400277	Nguyễn Huy	Hoàng	64	TB	
15	2400239	Vũ Đức Minh	Hoàng	81	Tốt	
16	2400131	Nguyễn Đức	Hùng	77	Khá	
17	2400023	Phùng Đức Duy	Khánh	66	Khá	
18	2400122	Bùi Quang	Linh	82	Tốt	
19	2400083	Đặng Thái	Linh	81	Tốt	
20	2400180	Nguyễn Văn Xuân	Lộc	64	TB	
21	2400935	Vũ Hoàng	Long	71	Khá	
22	2400007	Đinh Hoài	Nam	76	Khá	
23	2400132	Vũ Tiến	Nam	81	Tốt	
24	2400041	Nguyễn Đăng	Nghị	71	Khá	
25	2400203	Vũ Thế	Phong	84	Tốt	
26	2400855	Nguyễn Duy	Quân	84	Tốt	
27	2400020	Nguyễn Hoàng	Quang	81	Tốt	
28	2400097	Phạm Văn	Thái	71	Khá	
29	2400243	Phạm Văn	Thuấn	82	Tốt	
30	2400595	Nguyễn Thu	Thủy	79	Khá	
31	2401405	Phạm Duy	Tiến	84	Tốt	
32	2400071	Bùi Xuân	Triết	76	Khá	
33	2400151	Nguyễn Thành	Trung	84	Tốt	
34	2400106	Vũ Đình	Trưởng	84	Tốt	

35	2400192	Nguyễn Tiến	Tú	84	Tốt	
36	2400157	Đinh Văn	Tuân	88	Tốt	
37	2400088	Nguyễn Đức	Tuấn	84	Tốt	
38	2400054	Nguyễn Duy	Tùng	68	Khá	
39	2400853	Đường Quốc	Việt	90	XS	
40	2400019	Bùi Văn	Vương	84	Tốt	

46. Lớp DK15-D2

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ III		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2400482	Nguyễn Duy	Anh	73	Khá	
2	2400563	Tạ Hữu Tuấn	Anh	78	Khá	
3	2400417	Trần Hoà	Bình	82	Tốt	
4	2400481	Phạm Ngọc Phú	Cường	77	Khá	
5	2400447	Trần Công	Đạt	82	Tốt	
6	2400338	Nguyễn Văn	Dũng	76	Khá	
7	2400556	Đặng Minh	Dương	63	TB	
8	2401419	Nguyễn Đăng	Hải	77	Khá	
9	2400441	Phạm Khắc	Hải	74	Khá	
10	2400474	Nguyễn Hoàng	Hiệp	88	Tốt	
11	2400433	Vũ Văn	Hiếu	87	Tốt	
12	2400917	Vũ Trí	Hoàng	65	Khá	
13	2400494	Ngô Nam	Huy	87	Tốt	
14	2400411	Bùi Quang	Linh	81	Tốt	
15	2400436	Hà Đức	Long	83	Tốt	
16	2401367	Đào Quang	Minh	80	Tốt	
17	2400896	Vũ Phúc	Minh	70	Khá	
18	2400483	Hoàng Văn	Nam	76	Khá	
19	2400169	Nguyễn Hải	Nam	84	Tốt	
20	2400496	Nguyễn Cao	Nguyên	84	Tốt	
21	2400845	Nguyễn Văn	Nguyên	86	Tốt	
22	2401354	Trần Đức	Phong	85	Tốt	
23	2400343	Nguyễn Sỹ	Quy	84	Tốt	
24	2400497	Nguyễn Văn	Quý	84	Tốt	
25	2400446	Nguyễn Như	Sang	67	Khá	
26	2400364	Đoàn Đức	Sơn	84	Tốt	
27	2400554	Dương Thế	Tài	86	Tốt	
28	2400410	Phạm Hữu	Thắng	71	Khá	
29	2400568	Vũ Văn	Thành	82	Tốt	
30	2400562	Vũ Xuân	Thịnh	69	Khá	
31	2400898	Nguyễn Hưng	Tiến	85	Tốt	
32	2400905	Vũ Hữu	Toản	71	Khá	
33	2400397	Trần Văn	Tú	81	Tốt	
34	2400333	Nguyễn Văn	Tuân	78	Khá	
35	2400358	Chu Anh	Tuấn	81	Tốt	
36	2400503	Lê Thanh	Tùng	84	Tốt	
37	2400385	Ngô Văn	Việt	76	Khá	

47. Lớp DK15-D3

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ III		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2400739	Nguyễn Bá Thiên	An	87	Tốt	

2	2400619	Lương Tiến	Anh	89	Tốt	
3	2400693	Ngô Hoàng	Anh	82	Tốt	
4	2401301	Phạm Hải	Anh	82	Tốt	
5	2400547	Phùng Thị	Ánh	72	Khá	
6	2400669	Trịnh Quốc	Bảo	80	Tốt	
7	2400747	Vũ Quốc	Bảo	60	TB	
8	2401390	Phùng Văn	Đông	82	Tốt	
9	2400763	Đặng Văn	Đức	81	Tốt	
10	2401430	Nguyễn Văn	Đức	81	Tốt	
11	2400697	Nguyễn Tiến	Duy	68	Khá	
12	2400757	Nguyễn Ngọc	Hải	81	Tốt	
13	2400748	Hà Thu	Hằng	83	Tốt	
14	2400347	Phạm Xuân	Hanh	81	Tốt	
15	2400269	Nguyễn Minh	Hiển	80	Tốt	
16	2400577	Nguyễn Hoàng	Hiệp	89	Tốt	
17	2400329	Nguyễn Thế	Hùng	79	Khá	
18	2400573	Nguyễn Tuấn	Hùng	61	TB	
19	2400861	Chu Thế	Hưng	89	Tốt	
20	2400307	Cao Quốc	Huy	88	Tốt	
21	2400576	Dương Văn	Lâm	88	Tốt	
22	2400809	Phạm Duy	Long	88	Tốt	
23	2400617	Tô Phương	Long	78	Khá	
24	2400628	Đặng Quang	Minh	88	Tốt	
25	2400578	Phạm Duy	Nam	77	Khá	
26	2400778	Lê Văn	Quang	87	Tốt	
27	2400767	Bùi Văn Quang	Thắng	86	Tốt	
28	2400726	Nguyễn Đức	Thắng	82	Tốt	
29	2400662	Vũ Huy	Thông	88	Tốt	
30	2400296	Nình Đại	Thu	89	Tốt	
31	2400667	Mai Trọng	Tuấn	89	Tốt	
32	2400768	Nguyễn Văn	Tùng	89	Tốt	

48. Lớp DK15-SPCN

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ III		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2400584	Nguyễn Hoàng Bảo	Anh	87	Tốt	
2	2401332	Nguyễn Tấn	Dũng	85	Tốt	
3	2401340	Bùi Phạm Trọng	Hải	89	Tốt	
4	2400262	Lương Ngọc	Hoa	91	XS	
5	2401351	Lê Thị	Lan	85	Tốt	
6	2400822	Nguyễn Khánh	Ly	96	XS	
7	2401330	Tạ Duy	Mạnh	92	XS	
8	2400937	Mạc Phạm Thảo	Nguyên	82	Tốt	
9	2401356	Trương Xuân	Phú	81	Tốt	
10	2400195	Đặng Thi Thu	Quyên	84	Tốt	
11	2400640	Nguyễn Đình	Thái	96	XS	
12	2401335	Hoàng Thị Thanh	Thảo	87	Tốt	
13	2401366	Vũ Đức Khánh	Thiện	82	Tốt	
14	2401326	Nguyễn Anh	Thơ	85	Tốt	

49. Lớp DK15-KTDK&TDH1

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ III		Ghi chú

TT	Mã SV	Họ và tên		Điểm	XL	Ghi chú
1	2400028	Nguyễn Bá	An	84	Tốt	
2	2400015	Nguyễn Văn	An	84	Tốt	
3	2400105	Ngô Đức	Anh	77	Khá	
4	2400050	Nguyễn Khắc Đức	Anh	81	Tốt	
5	2400003	Trần Tuấn	Anh	86	Tốt	
6	2400931	Nguyễn Văn	Chung	83	Tốt	
7	2400102	Lê Tiến	Đạt	82	Tốt	
8	2400114	Nguyễn Trung	Đức	84	Tốt	
9	2400057	Bùi Minh	Dương	84	Tốt	
10	2400068	Nguyễn Tùng	Dương	83	Tốt	
11	2400095	Nguyễn Đức Khánh	Duy	85	Tốt	
12	2400777	Phạm Hải	Duy	85	Tốt	
13	2400133	Trương Văn	Hảo	85	Tốt	
14	2400848	Lương Trung	Hiếu	77	Khá	
15	2400445	Bùi Nguyễn Huy	Hoàng	84	Tốt	
16	2400075	Đặng Thế	Hùng	84	Tốt	
17	2400049	Dương Lê Quý	Hùng	85	Tốt	
18	2400086	Lê Công	Hùng	83	Tốt	
19	2400103	Nguyễn Văn	Hưng	83	Tốt	
20	2400074	Phạm Đoàn Quang	Hưng	88	Tốt	
21	2400141	Nguyễn Quốc	Huy	82	Tốt	
22	2400854	Vũ Xuân	Huy	84	Tốt	
23	2400099	Vũ Thu	Huyền	90	XS	
24	2400842	Hoàng Văn Tuấn	Khải	76	Khá	
25	2400129	Nguyễn Đức	Khiêm	89	Tốt	
26	2400284	Lý Đức	Kiên	82	Tốt	
27	2401396	Phạm Trung	Kiên	80	Tốt	
28	2400010	Nguyễn Văn	Linh	84	Tốt	
29	2400104	Hoàng Bảo	Long	83	Tốt	
30	2400390	Hoàng Tuấn	Minh	76	Khá	
31	2400082	Bùi Đức	Nam	81	Tốt	
32	2400031	Bùi Bá	Phước	71	Khá	
33	2400069	Chương Anh	Quân	81	Tốt	
34	2400391	Nguyễn Trọng	Tấn	84	Tốt	
35	2400847	Nguyễn Văn	Thái	85	Tốt	
36	2400101	Phạm Trung	Thành	77	Khá	
37	2400034	Phạm Vinh	Thành	83	Tốt	
38	2400073	Trần Văn	Toàn	83	Tốt	
39	2401317	Nguyễn Quốc	Trung	82	Tốt	
40	2400851	Lê Quang	Trường	82	Tốt	
41	2400841	Phạm Văn	Tú	77	Khá	
42	2400009	Nguyễn Trung	Tuyến	82	Tốt	
43	2400420	Nguyễn Trường	Vũ	79	Khá	
44	2401336	Trương Ngọc	Vũ	81	Tốt	

50. Lớp DK15-KTDK&TDH2

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ III		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2400281	Bùi Tuấn	Anh	80	Tốt	
2	2401348	Đinh Tiến	Anh	92	XS	

3	2400233	Nguyễn Doãn Việt	Anh	77	Khá	
4	2400201	Nguyễn Hoàng	Anh	76	Khá	
5	2400916	Nguyễn Tuấn	Anh	83	Tốt	
6	2400781	Nguyễn Văn	Bạn	60	TB	
7	2400210	Đỗ Mạnh	Cường	57	TB	
8	2400231	Trương Quốc	Cường	82	Tốt	
9	2400167	Nguyễn Minh	Đăng	91	XS	
10	2401402	Đỗ An	Dương	76	Khá	
11	2400183	Hầu Bình	Dương	61	TB	
12	2401327	Vũ Hồng	Dương	86	Tốt	
13	2400184	Vũ Thái	Hải	83	Tốt	
14	2400238	Trương Đức	Hiếu	87	Tốt	
15	2400314	Ngô Vương	Hoàn	95	XS	
16	2400293	Nguyễn Thái	Hoàn	86	Tốt	
17	2400303	Nguyễn Huy	Hoàng	87	Tốt	
18	2400288	Ngô Ngọc	Hưng	90	XS	
19	2400311	Nguyễn Quốc	Khánh	70	Khá	
20	2400325	Nguyễn Văn	Phong	74	Khá	
21	2400274	Phạm Trọng	Sang	71	Khá	
22	2400244	Vũ Minh	Sáng	82	Tốt	
23	2400193	Đặng Anh	Thắng	83	Tốt	
24	2400305	Đinh Mạnh	Thắng	82	Tốt	
25	2400196	Nguyễn Đức	Thắng	84	Tốt	
26	2400229	Ngô Hoàng	Thành	80	Tốt	
27	2400464	Trần Quốc	Thiên	86	Tốt	
28	2400933	Phí Công	Thu	61	TB	
29	2400199	Nguyễn Văn	Trường	85	Tốt	
30	2400261	Phạm Xuân	Trường	70	Khá	
31	2400249	Hoàng Anh	Tú	83	Tốt	
32	2400235	Vũ Đình	Tú	72	Khá	
33	2400322	Trần	Tùng	84	Tốt	
34	2400831	Ngô Doãn	Tuyên	75	Khá	
35	2400856	Nguyễn Anh	Vũ	80	Tốt	

51. Lớp DK15-KTDK&TDH3

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ III		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2400516	Nguyễn Tuấn	Anh	77	Khá	
2	2400866	Phạm Hoàng	Anh	63	TB	
3	2400795	Đỗ Gia	Bảo	61	TB	
4	2400363	Lê Văn	Cao	90	XS	
5	2400374	Lê Viết	Cường	72	Khá	
6	2400427	Nguyễn Hữu	Đạt	69	Khá	
7	2400458	Nguyễn Văn	Điệp	83	Tốt	
8	2400486	Trần Tiến	Điệp	58	TB	
9	2400801	Nguyễn Trí	Dũng	52	TB	
10	2400404	Đỗ Đăng	Dương	62	TB	
11	2400386	Trần Trường	Giang	94	XS	
12	2400406	Trần Thái	Hà	79	Khá	
13	2400529	Hoàng Đức	Hải	86	Tốt	
14	2400399	Đặng Huy	Hiếu	67	Khá	

15	2400485	Nguyễn Văn	Hiệu	75	Khá	
16	2400912	Nguyễn Văn	Hoàng	55	TB	
17	2400409	Nguyễn Minh	Hùng	54	TB	
18	2400170	Vũ Gia	Huy	66	Khá	
19	2400918	Vũ Nam	Khánh	88	Tốt	
20	2401333	Vũ Trí	Khánh	50	TB	
21	2400659	Nguyễn Trọng	Kiên	67	Khá	
22	2400502	Nguyễn Trọng Tùng	Lâm	94	XS	
23	2400537	Nguyễn Tuấn	Linh	75	Khá	
24	2401434	Nguyễn Văn	Long	45	Yếu	
25	2400505	Nguyễn Văn	Mạnh	78	Khá	
26	2400349	Nguyễn Đức	Nam	64	TB	
27	2400435	Trương Tuấn	Phong	52	TB	
28	2400463	Nguyễn Phú	Quý	55	TB	
29	2401321	Đoàn Đắc	Quyết	66	Khá	
30	2400614	Nguyễn Văn	Tân	70	Khá	
31	2400564	Trần Danh	Thái	60	TB	
32	2400527	Nguyễn Xuân	Thăng	62	TB	
33	2400425	Nguyễn Đình	Thắng	46	Yếu	
34	2400359	Nguyễn Tuấn	Thành	70	Khá	
35	2400465	Đỗ Trọng	Tiền	76	Khá	
36	2400535	Đỗ Văn	Trường	83	Tốt	
37	2400512	Hoàng Công	Vinh	79	Khá	

52. Lớp DK15-KTDK&TDH4

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ III		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2400570	Hoàng Quốc	Anh	68	Khá	
2	2401339	Nguyễn Hoàng Việt	Anh	63	TB	
3	2400047	Nguyễn Việt	Anh	66	Khá	
4	2400633	Nguyễn Việt	Anh	82	Tốt	
5	2400752	Phùng Đức Hoàng	Anh	54	TB	
6	2400594	Trần Thế	Bảo	80	Tốt	
7	2401368	Trần	Doanh	52	TB	
8	2400630	Bùi Lê Mạnh	Đức	84	Tốt	
9	2400615	Lê Văn	Đức	70	Khá	
10	2400609	Nguyễn Minh	Đức	87	Tốt	
11	2400735	Phạm Ngọc	Đức	82	Tốt	
12	2400625	Lê Văn	Dương	85	Tốt	
13	2400879	Nguyễn Tùng	Dương	84	Tốt	
14	2400666	Nguyễn Văn	Duy	83	Tốt	
15	2400643	Hoàng	Hải	96	XS	
16	2400668	Trần Đình	Hoạt	40	Yếu	
17	2400046	Hoàng Gia	Hồng	87	Tốt	
18	2400742	Nguyễn Thiên	Hữu	81	Tốt	
19	2400733	Nguyễn Đức	Huy	89	Tốt	
20	2400663	Nguyễn Quang	Huy	66	Khá	
21	2401370	Phạm Quang	Huy	70	Khá	
22	2400738	Bùi Trung	Kiên	82	Tốt	
23	2400673	Vũ Khắc	Lâm	88	Tốt	
24	2400744	Dương Công	Minh	81	Tốt	

25	2400882	Nguyễn Đức	Minh	84	Tốt	
26	2400682	Bùi Đức	Mỹ	87	Tốt	
27	2400344	Phạm Văn Hoài	Nam	49	Yếu	
28	2400664	Nguyễn Trung	Nghĩa	78	Khá	
29	2400899	Nguyễn Việt	Nhật	58	TB	
30	2400729	Hoàng Hùng	Phong	63	TB	
31	2400543	Nguyễn Hữu	Phúc	87	Tốt	
32	2400618	Hồ Văn	Quang	83	Tốt	
33	2400681	Nguyễn Anh	Sinh	80	Tốt	
34	2400743	Nguyễn Phúc Giang	Sơn	71	Khá	
35	2400642	Đinh Đại	Tài	63	TB	
36	2400730	Vũ Đình	Thắng	91	XS	
37	2400753	Lê Trung	Thành	60	TB	
38	2400602	Nguyễn Tiến	Thành	84	Tốt	
39	2400612	Nguyễn Anh	Tuấn	86	Tốt	
40	2400518	Lê Quốc	Việt	93	XS	
41	2400676	Phạm Quốc	Việt	80	Tốt	
42	2400647	Nguyễn Văn	Vinh	50	TB	

53. Lớp DK15-KTDK&TDH5

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ III		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2400805	Nguyễn Đồng Trung	Anh	80	Tốt	
2	2400836	Nguyễn Pháp	Anh	75	Khá	
3	2400671	Phạm Bá Tuấn	Anh	71	Khá	
4	2400793	Nguyễn Tiến	Đạt	82	Tốt	
5	2400153	Nguyễn Tuấn	Đạt	84	Tốt	
6	2400661	Phạm Tiến	Đạt	82	Tốt	
7	2400146	Vũ Khánh	Điệp	80	Tốt	
8	2401374	Mạc Anh	Đức	74	Khá	
9	2400154	Đoàn Anh	Dũng	90	XS	
10	2400829	Bùi Tùng	Dương	80	Tốt	
11	2400825	Nguyễn Minh	Dương	81	Tốt	
12	2400272	Nguyễn Đức	Duy	90	XS	
13	2400832	Phan Văn	Hào	80	Tốt	
14	2400820	Nguyễn Duy	Hậu	75	Khá	
15	2400024	Nguyễn Minh	Hiếu	74	Khá	
16	2401305	Nguyễn Trung	Hiếu	75	Khá	
17	2400759	Nguyễn Văn	Hiếu	80	Tốt	
18	2400206	Dương Bá	Hoàng	80	Tốt	
19	2400357	Ngô Đình	Hoàng	82	Tốt	
20	2400788	Vũ Mạnh	Hoàng	74	Khá	
21	2400823	Đào Xuân	Huy	74	Khá	
22	2401385	Nguyễn Vương	Huy	73	Khá	
23	2400587	Vũ Ngọc	Khải	72	Khá	
24	2400356	Ngô Tuấn	Linh	83	Tốt	
25	2400773	Nguyễn Hải	Long	84	Tốt	
26	2400821	Phạm Xuân	Mạnh	85	Tốt	
27	2400838	Nguyễn Quang	Minh	81	Tốt	
28	2400789	Vũ Quang	Minh	82	Tốt	
29	2400043	Vũ Tuấn	Ninh	50	TB	

30	2400776	Đinh Văn	Quân	83	Tốt	
31	2400815	Dương Bá	Quyền	80	Tốt	
32	2400334	Lương Viết	Sơn	75	Khá	
33	2400148	Ngô Hải	Sơn	74	Khá	
34	2400166	Nguyễn Văn	Tâm	82	Tốt	
35	2400915	Trần Minh	Thuận	85	Tốt	
36	2400155	Trương Đức	Toàn	83	Tốt	
37	2400152	Hoàng Hữu	Trung	83	Tốt	
38	2400903	Nguyễn Việt	Trung	84	Tốt	
39	2400011	Phạm Hoàng	Vân	80	Tốt	
40	2400762	Nguyễn Anh	Vũ	83	Tốt	

54. Lớp DK15-CK1

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ III		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2400405	Vũ Hải	An	84	Tốt	
2	2400072	Vũ Đức Việt	Anh	84	Tốt	
3	2400324	Hoàng Thanh	Hải	75	Khá	
4	2400124	Lê Thanh	Hải	88	Tốt	
5	2400147	Phạm Hữu	Hải	83	Tốt	
6	2400059	Nguyễn Văn	Hiệp	83	Tốt	
7	2400089	Ngô Trung	Hiếu	75	Khá	
8	2400138	Nguyễn Việt	Hưng	87	Tốt	
9	2401408	Đoàn Nam	Huy	74	Khá	
10	2400032	Trần Đình	Lợi	91	XS	
11	2400096	Nguyễn Huy	Minh	83	Tốt	
12	2400176	Nguyễn Huy	Minh	80	Tốt	
13	2400260	Tăng Quốc	Nin	85	Tốt	
14	2400227	Đoàn Bá	Phong	82	Tốt	
15	2400162	Nguyễn Văn	Phương	82	Tốt	
16	2400078	Nguyễn Minh	Quân	81	Tốt	
17	2400740	Trần Ngọc	Sơn	76	Khá	
18	2100715	Đỗ Đức	Tấn	75	Khá	
19	2400388	Nguyễn Hồng	Trường	80	Tốt	
20	2400901	Đỗ Thái Anh	Tuấn	85	Tốt	
21	2401311	Trần Văn	Tùng	86	Tốt	
22	2400910	Lê Bá Trường	Vũ	82	Tốt	
23	2400252	Nguyễn Quốc	Vương	80	Tốt	

55. Lớp DK15-CK2

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ III		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2400574	Nguyễn Tuấn	Anh	78	Khá	
2	2400835	Trần Tuấn	Anh	90	XS	
3	2400769	Vũ Văn	Đại	85	Tốt	
4	2400319	Nguyễn Vũ Duy	Đạt	79	Khá	
5	2400656	Nguyễn Anh	Đức	85	Tốt	
6	2400520	Nguyễn Anh	Dũng	79	Khá	
7	2400592	Tô Thành	Duy	86	Tốt	
8	2400137	Trần Bảo	Duy	82	Tốt	
9	2400352	Đỗ Việt	Hà	90	XS	
10	2400644	Nguyễn Ngọc	Hải	90	XS	

11	2400456	Nguyễn Đức	Hoàng	90	XS	
12	2400603	Lê Văn	Kiên	82	Tốt	
13	2400459	Trần Xuân	Kiên	82	Tốt	
14	2400460	Đào Văn	Nhã·	86	Tốt	
15	2400660	Bùi Thế	Nhất	84	Tốt	
16	2400571	Nguyễn Văn	Phú	82	Tốt	
17	2401375	Bùi Thanh	Phương	82	Tốt	
18	2401380	Nguyễn Văn	Quang	86	Tốt	
19	2400621	Nguyễn Văn	Thảo	84	Tốt	
20	2400596	Bùi Đức	Tiến	82	Tốt	
21	2400737	Phạm Đắc	Trường	85	Tốt	
22	2400782	Trần Văn	Vĩ	82	Tốt	
23	2400466	Đinh Quốc	Việt	90	XS	

56. Lớp DK15-CDT

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ III		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2400551	Nguyễn Đăng Tuấn	Anh	68	Khá	
2	2400160	Nguyễn Phùng Tuấn	Anh	52	TB	
3	2400321	Trần Đức	Anh	72	Khá	
4	2400796	Hoàng Văn	Bắc	84	Tốt	
5	2400026	Tô Văn	Bắc	68	Khá	
6	2400443	Vũ Văn	Cường	81	Tốt	
7	2400416	Nguyễn Quang	Duy	84	Tốt	
8	2400522	Trần Văn	Hà	81	Tốt	
9	2400531	Nguyễn Hoàng	Hiệp	81	Tốt	
10	2400894	Vũ Văn	Hiệp	86	Tốt	
11	2400580	Phạm Quang	Hưng	55	TB	
12	2400471	Trần Quang	Hưng	70	Khá	
13	2400250	Cao Xuân	Hưởng	82	Tốt	
14	2400541	Chu Mạnh	Huy	68	Khá	
15	2400310	Vũ Gia	Huy	72	Khá	
16	2400116	Lê Hoàng	Khánh	75	Khá	
17	2400144	Phạm Gia	Khánh	84	Tốt	
18	2400816	Đặng Văn	Kiên	84	Tốt	
19	2400605	Lương Viết	Mạnh	72	Khá	
20	2400817	Nguyễn Đức	Mạnh	78	Khá	
21	2400001	Trần Thế	Mạnh	95	XS	
22	2400638	Lê Tuấn	Minh	62	TB	
23	2400142	Trần Minh	Quân	86	Tốt	
24	2400266	Đỗ Hữu	Trường	89	Tốt	
25	2400798	Lê Tuấn	Tú	92	XS	
26	2400315	Hoàng Trung	Tuân	88	Tốt	
27	2400276	Nguyễn Mạnh	Tuấn	51	TB	

57. Lớp DK15-CNTT1

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ III		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2400350	Nguyễn Duy	Anh	86	Tốt	
2	2401422	Nguyễn Tuấn	Anh	40	Yếu	
3	2400085	Nguyễn Đức	Chung	88	Tốt	
4	2400423	Nguyễn Mậu	Công	69	Khá	

5	2400932	Lại Văn	Đức	80	Tốt	
6	2400070	Hoàng Lưu Tiến	Dũng	86	Tốt	
7	2400273	Lâm Chí	Dũng	78	Khá	
8	2400453	Nguyễn Tiến	Duy	80	Tốt	
9	2400164	Nguyễn Hữu	Hải	80	Tốt	
10	2400080	Nguyễn Trung	Hiếu	88	Tốt	
11	2400286	Vũ Công	Hoan	84	Tốt	
12	2400891	Nguyễn Minh	Hoàng	83	Tốt	
13	2400008	Nguyễn Văn	Huy	75	Khá	
14	2400887	Nguyễn Minh	Khang	80	Tốt	
15	2400077	Nguyễn Văn	Lợi	82	Tốt	
16	2400354	Nguyễn Văn	Luân	80	Tốt	
17	2400308	Đặng Đức	Minh	88	Tốt	
18	2400888	Nguyễn Phạm Phương	Nam	90	XS	
19	2401371	Nguyễn Tiến	Phong	75	Khá	
20	2400175	Phạm Văn	Phúc	68	Khá	
21	2400414	Dương Tôn	Tân	86	Tốt	
22	2400150	Nguyễn Đình	Thông	82	Tốt	
23	2400332	Vũ Quang	Trung	86	Tốt	
24	2400208	Lại Anh	Tuấn	76	Khá	
25	2400323	Vũ Tiến	Tuệ	70	Khá	
26	2401325	Phạm Tuấn	Tùng	74	Khá	
27	2400100	Đặng Thị	Tuyết	85	Tốt	
28	2401414	Nguyễn Hà	Vy	70	Khá	

58. Lớp DK15-CNTT2

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ III		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2400626	Hà Mạnh	Dũng	91	XS	
2	2400691	Nguyễn Quang	Dũng	73	Khá	
3	2400507	Nguyễn Văn	Hà	86	Tốt	
4	2400548	Nguyễn Hoàng	Hải	80	Tốt	
5	2400637	Lê Việt	Hoàng	86	Tốt	
6	2400560	Nguyễn Đức	Hoàng	85	Tốt	
7	2400549	Hà Tuấn	Hưng	92	XS	
8	2428908	Nguyễn Mạnh	Khang	80	Tốt	
9	2400501	Hoàng Quang	Khánh	75	Khá	
10	2400696	Hồ Tiến	Long	81	Tốt	
11	2400598	Phạm Tiến	Mạnh	75	Khá	
12	2400476	Nguyễn Thị	Ngọc	85	Tốt	
13	2400675	Nguyễn Trung	Nhật	78	Khá	
14	2401341	Nguyễn Văn	Phúc	84	Tốt	
15	2400616	Trần Mạnh	Tâm	87	Tốt	
16	2400921	Nguyễn Thị Nguyên	Thảo	80	Tốt	
17	2401432	Phạm Anh	Tuấn	50	TB	
18	2400818	Phùng Thị Quỳnh	Trang	87	Tốt	
19	2400467	Trần Anh	Tuấn	82	Tốt	

59. Lớp DK15-QTKD

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ III		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2400437	Đặng Hà	Anh	83	Tốt	

2	2428911	Nguyễn Thị Lan	Anh	74	Khá	
3	2428913	Phạm Thị Bảo	Châm	81	Tốt	
4	2400126	Nguyễn Thanh	Chúc	88	Tốt	
5	2400631	Nguyễn Anh	Đức	74	Khá	
6	2401423	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	90	XS	
7	2428912	Đỗ Thị	Hoài	80	Tốt	
8	2400766	Phạm Thanh	Hoàn	90	XS	
9	2400330	Cao Thị Khánh	Linh	82	Tốt	
10	2400880	Hoàng Bảo	Nam	77	Khá	
11	2400745	Lê Thị Thanh	Nga	87	Tốt	
12	2400646	Đỗ Minh	Nguyệt	88	Tốt	
13	2400171	Lưu Thanh	Phượng	90	XS	
14	2400774	Nguyễn Đình	Rừng	77	Khá	
15	2400791	Nguyễn Phú	Sang	74	Khá	
16	2400217	Vũ Thị	Thắm	90	XS	
17	2400005	Nguyễn Thị	Thanh	76	Khá	
18	2401303	Bùi Thị Ngọc	Thành	93	XS	
19	2401406	Triệu Sinh	Tuấn	78	Khá	
20	2400526	Vũ Văn	Vinh	62	TB	
21	2400939	Nguyễn Thị Lệ	Xuân	90	XS	
22	2400828	Vương Hải	Yến	84	Tốt	

60. Lớp DK15-KT

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ III		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2400219	Nguyễn Phương	Anh	72	Khá	
2	2400242	Nguyễn Thị Lan	Anh	79	Khá	
3	2428909	Nguyễn Thị Lan	Anh	82	Tốt	
4	2400593	Nguyễn Thị Tú	Anh	69	Khá	
5	2400257	Nguyễn Hải	Dương	85	Tốt	
6	2401322	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	76	Khá	
7	2428914	Trần Thị	Hòa	64	TB	
8	2400806	Nhữ Thị Khánh	Huyền	81	Tốt	
9	2400895	Vũ Minh	Huyền	83	Tốt	
10	2400635	Nguyễn Hà	Linh	81	Tốt	
11	2400275	Nguyễn Phương	Linh	83	Tốt	
12	2400348	Nguyễn Lê Anh	Ngọc	80	Tốt	
13	2400400	Đống Thị Kim	Nhâm	81	Tốt	
14	2400585	Vũ Thị Kim	Oanh	82	Tốt	
15	2400938	Trần Mai	Quý	86	Tốt	
16	2400016	Vũ Chiến	Thắng	81	Tốt	
17	2400052	Nguyễn Thị Phương	Thảo	80	Tốt	
18	2400913	Phạm Phương	Thảo	92	XS	
19	2400523	Trương Thị Thanh	Thảo	74	Khá	
20	2428910	Nguyễn Thị	Thêu	80	Tốt	
21	2400328	Đỗ Phương	Trang	82	Tốt	
22	2400534	Nguyễn Thị	Trang	81	Tốt	
23	2400508	Tạ Thị Huyền	Trang	79	Khá	
24	2400182	Đỗ Mai	Uyên	61	TB	
25	2400657	Nguyễn Thị Hồng	Vân	85	Tốt	

61. Lớp DK15-NTQ1

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ III		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2400240	Nguyễn Thị Hải	Ân	81	Tốt	
2	2400022	Nguyễn Thị Thảo	Anh	90	XS	
3	2400181	Phạm Thị Lan	Anh	85	Tốt	
4	2401373	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	82	Tốt	
5	2400228	Đặng Thuỳ	Châm	81	Tốt	
6	2400837	Phạm Thị	Hoa	90	XS	
7	2400004	Lương Thị	Hương	82	Tốt	
8	2400079	Nguyễn Thị Lan	Hương	91	XS	
9	2400214	Nguyễn Đức	Huy	87	Tốt	
10	2400018	Từ Quang	Huy	85	Tốt	
11	2400084	Đoàn Thị Ngọc	Huyền	81	Tốt	
12	2400014	Đoàn Diệu	Linh	80	Tốt	
13	2400135	Phạm Khánh	Linh	86	Tốt	
14	2400695	Nguyễn Thị Phương	Loan	76	Khá	
15	2400225	Hoàng Thị	Lụa	82	Tốt	
16	2400076	Bùi Hương	Ly	75	Khá	
17	2400179	Bùi Thị Chúc	Mai	74	Khá	
18	2400002	Bùi Thị Thanh	Nhàn	79	Khá	
19	2400291	Lưu Thị Tuyết	Nhi	77	Khá	
20	2400044	Tàng Thị Yến	Nhi	88	Tốt	
21	2400120	Võ Thị Hồng	Nhung	76	Khá	
22	2400158	Vũ Thị Hồng	Nhung	75	Khá	
23	2400093	Diệp Thị Ninh	Phương	78	Khá	
24	2400118	Triệu Thị	Phương	85	Tốt	
25	2400111	Phùng Văn	Sơn	75	Khá	
26	2400161	Thân Ngọc	Thảo	78	Khá	
27	2400143	Vũ Thanh	Thảo	81	Tốt	
28	2400285	Trần Thị	Thoa	83	Tốt	
29	2400145	Vũ Thị Phương	Uyên	86	Tốt	
30	2400923	Trần Thị Hải	Yến	81	Tốt	

62. Lớp DK15-NTQ2

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ III		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2400830	Mạc Thị Quỳnh	Anh	75	Khá	
2	2400383	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	74	Khá	
3	2400714	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	82	Tốt	
4	2400327	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	76	Khá	
5	2400703	Vũ Thị Bảo	Châm	85	Tốt	
6	2401418	Bùi Thị	Chuyên	86	Tốt	
7	2400320	Nguyễn Quốc	Đại	84	Tốt	
8	2400335	Lê Thị Hải	Đăng	78	Khá	
9	2400418	Nguyễn Thị	Duyên	78	Khá	
10	2400722	Phạm Thị Hương	Giang	84	Tốt	
11	2400751	Dương Thị Thu	Hà	88	Tốt	
12	2400394	Nguyễn Thị Thu	Hà	78	Khá	
13	2400270	Đặng Thị Thu	Hương	72	Khá	
14	2400707	Đỗ Thị Đinh	Hương	72	Khá	
15	2400709	Ngô Phương	Linh	72	Khá	

16	2400301	Nguyễn Ngọc	Linh	84	Tốt	
17	2400267	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	85	Tốt	
18	2400890	Phạm Thị Mai	Linh	70	Khá	
19	2400292	Vũ Thị Chúc	Linh	75	Khá	
20	2400708	Đoàn Thị Cẩm	Ly	86	Tốt	
21	2400299	La Đức	Minh	72	Khá	
22	2400384	Nguyễn Thị	Mơ	88	Tốt	
23	2400712	Dương Trà	My	74	Khá	
24	2400248	Nguyễn Hoàng	Ngân	84	Tốt	
25	2400246	Phạm Bảo	Ngọc	88	Tốt	
26	2400886	Đinh Thị	Nhung	74	Khá	
27	2400355	Nguyễn Phượng	Nhung	76	Khá	
28	2400844	Mạc Thị Kim	Oanh	86	Tốt	
29	2400797	Nguyễn Văn	Sang	88	Tốt	
30	2400371	Nguyễn Hữu	Suốt	75	Khá	
31	2400268	Ngô Hồng	Thanh	86	Tốt	
32	2400376	Đào Phương	Thảo	92	XS	
33	2401379	Nguyễn Phương	Thảo	70	Khá	
34	2400337	Vũ Thị Phương	Thảo	84	Tốt	
35	2400346	Bùi Anh	Thơ	84	Tốt	

63. Lớp DK15-NTQ3

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ III		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2400859	Cao Ngọc Phương	Anh	64	TB	
2	2400906	Nguyễn Lan	Anh	84	Tốt	
3	2400432	Nguyễn Thị Linh	Chi	80	Tốt	
4	2400561	Vũ Thị	Chi	75	Khá	
5	2400495	Đồng Thị Kim	Dung	80	Tốt	
6	2400513	Đặng Thị	Duyên	81	Tốt	
7	2400470	Nguyễn Thị	Hà	85	Tốt	
8	2400706	Mai Thị Thanh	Hằng	79	Khá	
9	2400521	Hoàng Thị Hồng	Hạnh	76	Khá	
10	2400509	Nguyễn Thị	Hạnh	82	Tốt	
11	2400490	Nguyễn Thu	Hiền	78	Khá	
12	2400919	Ngô Thị	Hoa	79	Khá	
13	2400926	Ngô Thị	Hoa	84	Tốt	
14	2400455	Nguyễn Duy	Huân	79	Khá	
15	2400724	Nguyễn Hoàng Gia	Huy	79	Khá	
16	2400713	Dương Ngọc	Lan	79	Khá	
17	2400536	Hà Thị	Linh	80	Tốt	
18	2400702	Phạm Khánh	Linh	64	TB	
19	2400473	Nguyễn Thị Trà	My	79	Khá	
20	2400721	Vũ Thành	Nghĩa	79	Khá	
21	2400761	Mạc Thị Thanh	Ngoan	90	XS	
22	2400428	Bùi Bích	Ngọc	82	Tốt	
23	2400491	Phạm Nguyễn Gia	Phong	76	Khá	
24	2400803	Lường Văn	Tài	79	Khá	
25	2400438	Vũ Thị Ngọc	Thảo	79	Khá	
26	2400440	Nguyễn Hoài	Thu	79	Khá	
27	2400698	Vũ Thị	Thu	80	Tốt	

28	2400775	Phạm Hà Linh	Thư	80	Tốt	
29	2401337	Nguyễn Thị	Thương	97	XS	
30	2400873	Đoàn Thị Thùy	Trang	79	Khá	
31	2400530	Nguyễn Huyền	Trang	91	XS	
32	2400765	Đặng Thị Tuyết	Trinh	79	Khá	
33	2400720	Đỗ Thị Hoa	Tươi	91	XS	
34	2400719	Chu Thị Hồng	Vân	80	Tốt	
35	2400434	Bùi Thị Bảo	Yến	79	Khá	

64. Lớp DK15-NTQ4

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ III		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2401353	Bùi Thị Vân	Anh	90	XS	
2	2400914	Nguyễn Đức Văn	Anh	75	Khá	
3	2400178	Nguyễn Mai	Anh	90	XS	
4	2400449	Phạm Thị Phương	Anh	83	Tốt	
5	2400366	Trần Thị Phương	Anh	91	XS	
6	2400928	Vũ Đức	Anh	78	Khá	
7	2400362	Lê Thị Ngọc	Ánh	87	Tốt	
8	2400717	Trương Thị Hồng	Ánh	95	XS	
9	2400318	Phạm Thùy	Dương	87	Tốt	
10	2400373	Phạm Thị Trà	Giang	75	Khá	
11	2400408	Ngô Thu	Hà	93	XS	
12	2400025	Trịnh Thị Thu	Hà	95	XS	
13	2400224	Bùi Thị Thúy	Hằng	78	Khá	
14	2400492	Nguyễn Thị	Hoa	89	Tốt	
15	2400799	Phạm Thị Ngọc	Hồng	76	Khá	
16	2400326	Đồng Thị Thu	Hương	95	XS	
17	2400381	Vũ Thanh	Huyền	92	XS	
18	2400700	Hà Ngọc	Lan	89	Tốt	
19	2400452	Biện Thị	Linh	93	XS	
20	2400200	Lê Phương	Linh	83	Tốt	
21	2401355	Nguyễn Thị Hà	Linh	85	Tốt	
22	2400255	Trần Khánh	Ly	85	Tốt	
23	2401344	Lê Văn	Nam	92	XS	
24	2401347	Nguyễn Thị Thúy	Nga	78	Khá	
25	2400422	Đỗ Thị Khánh	Ngọc	88	Tốt	
26	2400287	Nguyễn Thị Kim	Oanh	92	XS	
27	2400813	Đặng Minh	Phương	92	XS	
28	2400814	Lê Mai	Phương	93	XS	
29	2400500	Vũ Mai	Phương	94	XS	
30	2400058	Nguyễn Như	Quỳnh	89	Tốt	
31	2400451	Ngô Thị Phương	Thảo	90	XS	
32	2400701	Nguyễn Phương	Thảo	76	Khá	
33	2400725	Nguyễn Văn	Thảo	78	Khá	
34	2400704	Vũ Thị	Thuý	75	Khá	
35	2401329	Triệu Thị	Thúy	89	Tốt	
36	2400889	Đoàn Thị Thuỳ	Trang	94	XS	
37	2400865	Lê Thị	Trang	84	Tốt	
38	2400317	Thân Thị Thu	Trang	89	Tốt	
39	2400053	Vũ Thùy	Trang	94	XS	

40	2400758	Phùng Thị Mỹ	Vân	87	Tốt	
41	2400457	Dương Văn	Vinh	84	Tốt	
42	2400241	Nguyễn Hải	Yến	93	XS	
43	2400924	Nguyễn Ngọc	Yến	86	Tốt	
44	2400488	Vũ Hải	Yến	86	Tốt	

65. Lớp DK15-QTDL

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ III		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2400655	Trần	Cung	80	Tốt	
2	2400194	Đỗ Thành	Đạt	90	XS	
3	2400645	Hoàng Trần Tuấn	Khang	79	Khá	

66. Lớp DK15-SPTQ

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ III		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2400810	Dương Hoàng	Anh	83	Tốt	
2	2400764	Dương Ngọc	Anh	89	Tốt	
3	2400606	Nguyễn Hải	Anh	91	XS	
4	2400462	Nguyễn Hồng	Anh	92	XS	
5	2400846	Nguyễn Thị Diệu	Anh	85	Tốt	
6	2400514	Phạm Thị Quỳnh	Anh	86	Tốt	
7	2400369	Chu Thị Ngọc	Ánh	90	XS	
8	2400094	Đỗ Ngọc	Ánh	87	Tốt	
9	2400672	Trần Công	Ánh	90	XS	
10	2400839	Nguyễn Thị Yến	Chi	87	Tốt	
11	2400636	Bùi Văn	Cường	96	XS	
12	2400792	Lại Thị Thùy	Dung	87	Tốt	
13	2400653	Lê Ánh	Dương	94	XS	
14	2400469	Trần Hương	Giang	86	Tốt	
15	2400943	Vũ Hương	Giang	85	Tốt	
16	2400012	Vũ Lê Thùy	Giang	91	XS	
17	2400065	Trần Thị Minh	Hằng	84	Tốt	
18	2400187	Đặng Thị Mỹ	Hạnh	98	XS	
19	2400900	Phạm Thị Hồng	Hạnh	88	Tốt	
20	2400566	Nguyễn Kim	Hiếu	92	XS	
21	2400680	Nguyễn Hải	Hưng	91	XS	
22	2400365	Nguyễn Minh	Hương	87	Tốt	
23	2400306	Nguyễn Thảo	Hương	81	Tốt	
24	2400128	Tạ Ngọc	Huyền	88	Tốt	
25	2400029	Trần Tấn	Khanh	81	Tốt	
26	2400487	Đặng Ngọc	Khuê	94	XS	
27	2400555	Nguyễn Bảo	Linh	90	XS	
28	2400550	Phan Ngọc	Linh	94	XS	
29	2400468	Trương Thị	Lộc	87	Tốt	
30	2400017	Nguyễn Ngọc Sao	Mai	92	XS	
31	2400081	Phạm Thanh	Mai	94	XS	
32	2400871	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	93	XS	
33	2400756	Đồng Minh	Nguyệt	93	XS	
34	2400515	Đỗ Thị Như	Quỳnh	98	XS	
35	2400711	Hoàng Phương	Thảo	87	Tốt	
36	2400298	Phạm Thị Thanh	Thúy	86	Tốt	

37	2400395	Phạm Thị Xuân	Trà	86	Tốt	
38	2400066	Nguyễn Thu	Trang	87	Tốt	
39	2400902	Vũ Huyền	Trang	91	XS	
40	2400067	Nguyễn Tuấn	Tú	83	Tốt	

67. Lớp DK15-OTO1

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ III		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2400119	Đặng Thế	Anh	79	Khá	
2	2400849	Hà Ngọc	Anh	89	Tốt	
3	2400036	Vũ Hải	Anh	79	Khá	
4	2400042	Phạm Xuân	Bách	89	Tốt	
5	2400850	Nguyễn Văn	Chương	77	Khá	
6	2400061	Lê Thành	Công	77	Khá	
7	2400110	Phạm Tiến	Đạt	77	Khá	
8	2400033	Nguyễn Nam	Dương	76	Khá	
9	2400037	Trần Hà	Dương	79	Khá	
10	2400159	Nguyễn Tiến	Duy	70	Khá	
11	2401421	Đặng Văn	Hạnh	80	Tốt	
12	2400860	Bùi Xuân	Hiệp	89	Tốt	
13	2400038	Hoàng Hải	Hiệp	85	Tốt	
14	2400092	Đào Minh	Hiếu	88	Tốt	
15	2401431	Nguyễn Ngọc	Hưng	65	Khá	
16	2400127	Nguyễn Đắc	Huy	66	Khá	
17	2400063	Nguyễn Quốc	Huy	69	Khá	
18	2400136	Nguyễn Lê Ngọc	Long	72	Khá	
19	2400062	Bùi Công	Lực	66	Khá	
20	2400040	Nguyễn Đức	Lương	92	XS	
21	2400156	Nguyễn Văn	Minh	80	Tốt	
22	2400091	Phạm Hoài	Nam	76	Khá	
23	2400139	Vũ Hoài	Nam	88	Tốt	
24	2400039	Bùi Ngọc	Nhật	68	Khá	
25	2400107	Nguyễn Văn Phương	Nhi	80	Tốt	
26	2400113	Đỗ Hoàng	Phúc	80	Tốt	
27	2400035	Lê Chương	Quân	82	Tốt	
28	2400863	Lương Văn	Quý	65	Khá	
29	2400060	Cao Huy	Thành	82	Tốt	
30	2400168	Nguyễn Ngọc	Thành	79	Khá	
31	2400051	Nguyễn Anh	Tú	88	Tốt	
32	2400056	Phí Xuân	Tú	86	Tốt	
33	2400125	Phí Công	Tuyên	87	Tốt	

68. Lớp DK15-OTO2

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ III		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2400247	Đàm Việt	Anh	92	XS	
2	2400282	Diệp Tuấn	Anh	86	Tốt	
3	2400280	Phạm Duy	Anh	96	XS	
4	2400221	Phạm Việt	Anh	94	XS	
5	2400290	Phạm Việt	Anh	72	Khá	
6	2400283	Hà Duy	Điền	55	TB	
7	2400300	Lê Việt	Đức	70	Khá	

8	2400245	Đinh Công	Dũng	65	Khá	
9	2400382	Vũ Quang	Duy	80	Tốt	
10	2400331	Phạm Trường	Hải	94	XS	
11	2400313	Hoàng Minh	Hiếu	83	Tốt	
12	2400599	Nguyễn Chí	Hiếu	55	TB	
13	2400204	Ninh Đức	Hoàng	88	Tốt	
14	2400253	Nguyễn Đức	Hợp	81	Tốt	
15	2400230	Nguyễn Duy Mạnh	Hùng	60	TB	
16	2400198	Nguyễn Văn	Khánh	71	Khá	
17	2400212	Bùi Ngọc	Lâm	94	XS	
18	2400316	Nguyễn Đắc	Mạnh	84	Tốt	
19	2400258	Phạm Văn	Minh	75	Khá	
20	2400340	Đỗ Đình	Phát	80	Tốt	
21	2400869	Nguyễn Đình	Quang	70	Khá	
22	2400202	Đinh Văn	Sơn	64	TB	
23	2400336	Nguyễn Hoàng	Sơn	74	Khá	
24	2400864	Khương Ngọc	Tài	78	Khá	
25	2400254	Nguyễn Văn	Thành	84	Tốt	
26	2401369	Nguyễn Duy	Trung	80	Tốt	
27	2400312	Vũ Thành	Trung	82	Tốt	
28	2400216	Nguyễn Minh	Tú	82	Tốt	
29	2400213	Đào Minh	Tuấn	76	Khá	
30	2400868	Phạm Nguyễn Minh	Tuấn	80	Tốt	
31	2400289	Trần Anh	Tuấn	76	Khá	
32	2400237	Trần Văn	Việt	85	Tốt	

69. Lớp DK15-OTO3

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ III		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2401346	Nguyễn Đức	Anh	79	Khá	
2	2400398	Nguyễn Hoàng	Anh	82	Tốt	
3	2400387	Đoàn Xuân Hải	Đăng	63	TB	
4	2401307	Nguyễn Minh	Đức	87	Tốt	
5	2401313	Nguyễn Trí	Đức	64	TB	
6	2400415	Nguyễn Trung	Dũng	77	Khá	
7	2400936	Vũ Hoàng	Hải	93	XS	
8	2400493	Vương Đức	Hải	76	Khá	
9	2400377	Hoàng Văn	Hiếu	80	Tốt	
10	2400875	Nguyễn Văn	Hiếu	84	Tốt	
11	2400517	Trần Sỹ	Hiếu	93	XS	
12	2400524	Trần Văn	Hiếu	62	TB	
13	2400378	Vương Đình	Hiếu	95	XS	
14	2400479	Nguyễn Việt	Hoàng	73	Khá	
15	2400881	Nguyễn Việt	Hoàng	72	Khá	
16	2400372	Nguyễn Ngọc	Hùng	79	Khá	
17	2400484	Hoàng Gia	Huy	75	Khá	
18	2400375	Trần Văn	Khải	84	Tốt	
19	2401300	Nguyễn Da	Khánh	79	Khá	
20	2400498	Nguyễn Trung	Kiên	79	Khá	
21	2400379	Đinh Chính	Lưu	87	Tốt	
22	2400480	Lại Phương	Nam	64	TB	

23	2400478	Hồ Duy	Nhất	90	XS	
24	2400429	Đào Bá	Quân	79	Khá	
25	2400546	Đào Tiến	Quyết	75	Khá	
26	2400450	Lê Đình	Thăng	64	TB	
27	2400552	Lê Hải	Tiến	62	TB	
28	2400540	Nguyễn Văn	Tiến	80	Tốt	
29	2400368	Nguyễn Minh	Tiệp	92	XS	
30	2400402	Nguyễn Phú	Trọng	80	Tốt	
31	2400421	Nguyễn Xuân	Trường	75	Khá	
32	2400396	Phạm Minh	Tú	87	Tốt	
33	2400544	Nguyễn Văn	Tùng	80	Tốt	

70. Lớp DK15-OTO4

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ III		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2400130	Nguyễn Hoàng Long	An	69	Khá	
2	2400689	Nguyễn Phúc	Anh	58	TB	
3	2400597	Trần Hải	Anh	54	TB	
4	2400624	Nguyễn Hải	Đăng	64	TB	
5	2400601	Bùi Tiến	Đạt	66	Khá	
6	2400586	Lâm Quốc	Đạt	64	TB	
7	2400893	Nguyễn Văn	Dũng	63	TB	
8	2400627	Phạm Nguyễn Thế	Hanh	72	Khá	
9	2400590	Nguyễn Danh	Hiếu	65	Khá	
10	2400582	Vũ Mạnh	Hiếu	62	TB	
11	2400677	Phạm Trung	Hòa	70	Khá	
12	2401411	Phạm An	Huy	64	TB	
13	2400121	Nguyễn Trần Quang	Khải	73	Khá	
14	2400665	Nguyễn Viết	Lâm	63	TB	
15	2400583	Phạm Ngọc	Lâm	80	Tốt	
16	2401393	Nguyễn Huy	Lương	70	Khá	
17	2400683	Trần Quang	Minh	71	Khá	
18	2400604	Bùi Hoàng	Nam	58	TB	
19	2400674	Trương Trọng	Quang	87	Tốt	
20	2400632	Đỗ Văn	Thành	62	TB	
21	2400679	Nguyễn Văn	Thành	56	TB	
22	2400581	Lương Bá	Thông	70	Khá	
23	2400922	Hoàng Đình	Trung	73	Khá	
24	2400589	Trần Văn	Trường	58	TB	
25	2400734	Trần Duy	Tùng	70	Khá	
26	2400588	Đặng Minh	Tuyến	85	Tốt	
27	2400908	Lê Hồng	Văn	84	Tốt	
28	2400608	Nguyễn Hoàng	Việt	74	Khá	
29	2400654	Hoàng Văn	Vinh	64	TB	

71. Lớp DK15-OTO5

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ III		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2400345	Đặng Hải	An	75	Khá	
2	2400351	Đỗ Hoàng	Anh	75	Khá	
3	2400361	Nguyễn Hoàng	Anh	89	Tốt	
4	2400834	Ngô Đức	Cường	70	Khá	

5	2400736	Nguyễn Đức	Đạt	65	Khá	
6	2400499	Nguyễn Tùng	Dương	75	Khá	
7	2200912	Đỗ Minh	Hiếu	79	Khá	
8	2400341	Phạm Văn	Hoạt	75	Khá	
9	2400732	Dương Văn	Hùng	75	Khá	
10	2400800	Nguyễn Hoàng	Hưng	85	Tốt	
11	2400553	Nguyễn Quang	Huy	89	Tốt	
12	2400172	Trần Kim	Huy	89	Tốt	
13	2400353	Nguyễn Đình	Kiên	85	Tốt	
14	2400780	Lê Ngọc	Linh	95	XS	
15	2400790	Nguyễn Huy	Long	70	Khá	
16	2400186	Vương Đình Gia	Long	85	Tốt	
17	2400567	Phạm Văn	Mạnh	64	TB	
18	2400785	Vũ Duy	Mạnh	75	Khá	
19	2400559	Trần Khắc	Nam	75	Khá	
20	2400694	Dương Nguyễn Hoàng	Nhật	75	Khá	
21	2400807	Vũ Hồng	Quang	75	Khá	
22	2400557	Nguyễn Tiến	Tài	64	TB	
23	2400874	Nguyễn Văn	Tâm	85	Tốt	
24	2401433	Nguyễn Long	Thành	75	Khá	
25	2400784	Nguyễn Minh	Tiến	75	Khá	
26	2401394	Vũ Đình	Trí	75	Khá	
27	2401314	Đàm Văn	Trường	90	XS	
28	2400339	Lương Viết	Trường	75	Khá	
29	2400833	Nguyễn Xuân	Việt	70	Khá	

72. Lớp DK15-M

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ III		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2400140	Nguyễn Thu	Hiền	88	Tốt	
2	2400197	Mai Thị	Hoà	87	Tốt	
3	2400477	Trần Thị	Hoàn	83	Tốt	
4	2400188	Trần Thị Thu	Huệ	83	Tốt	
5	2400572	Phạm Nguyễn Thùy	Trâm	92	XS	
6	2400190	Trương Thị Hoàng	Vân	91	XS	
7	2400232	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	93	XS	

73. Lớp DK16-CDT

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ I		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2500164	Nguyễn Khắc	An	90	XS	
2	2500296	Nguyễn Đặng Nhật	Anh	80	Tốt	
3	2501511	Nguyễn Quốc	Anh	86	Tốt	
4	2501479	Trần Đức	Anh	82	Tốt	
5	2502115	Lê Thanh	Bách	84	Tốt	
6	2501306	Trần Nhật	Cương	69	Khá	
7	2501286	Nguyễn Văn	Đạt	75	Khá	
8	2501597	Hoàng Minh	Đức	77	Khá	
9	2501618	Nguyễn Hồng	Đức	50	TB	
10	2500610	Đàm Chí	Dũng	79	Khá	
11	2501058	Phạm Thế	Dũng	86	Tốt	
12	2500625	Bùi Duy	Dương	76	Khá	

13	2501544	Hoàng Thái	Dương	81	Tốt	
14	2500389	Nguyễn Đức Đại	Dương	90	XS	
15	2500698	Nguyễn Khánh	Dương	78	Khá	
16	2500176	Phạm Xuân	Dương	71	Khá	
17	2501644	Phan Công	Dương	86	Tốt	
18	2501073	Nguyễn Thế	Dưỡng	81	Tốt	
19	2501411	Trần Bình	Giảng	86	Tốt	
20	2501478	Vũ Đức	Hậu	80	Tốt	
21	2500426	Bùi Đức	Hiếu	81	Tốt	
22	2500609	Đinh Bùi Trung	Hiếu	80	Tốt	
23	2500238	Nguyễn Văn	Hợp	85	Tốt	
24	2500580	Mạc Duy	Hùng	81	Tốt	
25	2502184	Nguyễn Mạnh	Hùng	50	TB	
26	2500643	Phạm Tuấn	Hưng	76	Khá	
27	2500806	Đoàn Vũ Gia	Huy	71	Khá	
28	2501665	Nguyễn Hà Gia	Huy	85	Tốt	
29	2502104	Nguyễn Quang	Khải	84	Tốt	
30	2501481	Trần Tuấn	Khu	57	TB	
31	2500893	Cao Trung	Kiên	86	Tốt	
32	2500878	Hoàng Trung	Kiên	58	TB	
33	2501210	Hồ Tùng	Lâm	71	Khá	
34	2500541	Nguyễn Văn Bảo	Lâm	90	XS	
35	2500252	Hoàng Đức	Lộc	71	Khá	
36	2500258	Nguyễn Thế	Lực	65	Khá	
37	2500766	Nguyễn Đăng	Mạnh	84	Tốt	
38	2500321	Nguyễn Tiến	Mạnh	82	Tốt	
39	2501029	Phạm Khắc	Mạnh	81	Tốt	
40	2501401	Đinh Công	Minh	65	Khá	
41	2500892	Nguyễn Quang	Minh	73	Khá	
42	2501669	Nguyễn Văn	Minh	81	Tốt	
43	2501065	Nguyễn Thị Thảo	My	86	Tốt	
44	2501059	Nguyễn Thị Trà	My	86	Tốt	
45	2500787	Lê Khả	Phúc	72	Khá	
46	2501498	Nguyễn Duy	Phúc	86	Tốt	
47	2501355	Nguyễn Tuấn	Phương	66	Khá	
48	2500276	Trần Việt	Quang	59	TB	
49	2500135	Đỗ Thành	Tân	86	Tốt	
50	2500940	Nguyễn Sĩ	Thắng	75	Khá	
51	2500992	Phạm Trắc	Thắng	50	TB	
52	2501656	Nguyễn Khắc	Thịnh	68	Khá	
53	2500102	Nguyễn Đức	Thuận	86	Tốt	
54	2501459	Vũ Văn Sơn	Toàn	84	Tốt	
55	2501221	Đỗ Quốc	Toản	79	Khá	
56	2502156	Nguyễn Đại	Trọng	72	Khá	
57	2500418	Đặng Nhật	Trường	79	Khá	
58	2501414	Lê Đan	Trường	86	Tốt	
59	2500959	Lê Mạnh	Trường	86	Tốt	
60	2500160	Lê Minh	Trường	81	Tốt	
61	2500966	Bùi Khắc	Vinh	86	Tốt	

74. Lớp DK16-CK1

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ I		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2501647	Bùi Thị Lan	Anh	94	XS	
2	2500476	Đồng Bá Tiến	Anh	60	TB	
3	2500266	Nguyễn Kim Tuấn	Anh	75	Khá	
4	2500130	Nguyễn Sỹ Tuấn	Anh	78	Khá	
5	2500188	Trịnh Xuân	Bắc	75	Khá	
6	2500686	Nguyễn Gia	Bảo	76	Khá	
7	2500115	Đặng Anh	Chiến	65	Khá	
8	2500172	Ngô Mạnh	Cường	70	Khá	
9	2500649	Nguyễn Danh	Cường	76	Khá	
10	2500693	Trần Văn	Cường	80	Tốt	
11	2500324	Tăng Đức Hải	Đăng	72	Khá	
12	2500378	Trần Tiến	Đạt	72	Khá	
13	2500543	Trịnh Thành	Đạt	85	Tốt	
14	2500619	Nguyễn Lâm	Đức	72	Khá	
15	2500573	Phạm Minh	Đức	76	Khá	
16	2500269	Nguyễn Đăng	Dũng	80	Tốt	
17	2500374	Nguyễn Văn	Dũng	55	TB	
18	2500456	Đào Tấn	Dương	70	Khá	
19	2500861	Nguyễn Đăng	Dương	65	Khá	
20	2500504	Nguyễn Vũ Hải	Dương	60	TB	
21	2501372	Phạm Nguyễn Hoàng	Duy	89	Tốt	
22	2500729	Trịnh Xuân	Duy	75	Khá	
23	2500465	Vũ Duy	Giồng	50	TB	
24	2500360	Vũ Quang	Hiệp	70	Khá	
25	2500507	Nguyễn Đức	Hiếu	77	Khá	
26	2500658	Lê Văn	Hùng	85	Tốt	
27	2500503	Vũ Mạnh	Hùng	70	Khá	
28	2500278	Nguyễn Hữu	Hưng	85	Tốt	
29	2500226	Nguyễn Việt	Hưng	70	Khá	
30	2500890	Nguyễn Hữu Trường	Huy	80	Tốt	
31	2500759	Phạm Nguyễn Quang	Huy	89	Tốt	
32	2500253	Phạm Văn	Huy	87	Tốt	
33	2500195	Đồng Minh	Khánh	70	Khá	
34	2500201	Nguyễn Thành	Long	85	Tốt	
35	2500750	Phạm Văn	Mạnh	89	Tốt	
36	2501614	Nguyễn Quang	Minh	40	Yếu	
37	2500789	Phạm Duy Bình	Minh	40	Yếu	
38	2500326	Lê Văn	Nam	75	Khá	
39	2500097	Vũ Văn Hoài	Nam	65	Khá	
40	2500876	Đỗ Việt	Nhật	60	TB	
41	2500129	Lê Tiến	Phát	87	Tốt	
42	2500578	Nguyễn Tấn	Phương	75	Khá	
43	2500457	Tăng Bá	Quý	90	XS	
44	2500838	Nguyễn Văn	Quyến	85	Tốt	
45	2500592	Nguyễn Minh	Tân	80	Tốt	
46	2500872	Nguyễn Hữu	Thành	78	Khá	

47	2502174	Phạm Đức	Thành	82	Tốt	
48	2500317	Vũ Tiến	Thành	75	Khá	
49	2500708	Đào Công	Thịnh	83	Tốt	
50	2501295	Đỗ Thế	Tiến	82	Tốt	
51	2500416	Bùi Đức	Trưởng	80	Tốt	
52	2500082	Đặng Đức	Tuấn	84	Tốt	
53	2500372	Đào Anh	Tuấn	84	Tốt	
54	2500550	Phạm Bùi	Tùng	80	Tốt	
55	2502353	Phạm Quốc	Việt	75	Khá	
56	2500437	Hoàng Hồng	Vinh	77	Khá	

75. Lớp DK16-CK2

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ I		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2501182	Bùi Đức	Anh	88	Tốt	
2	2500976	Nguyễn Đình Ngọc	Anh	75	Khá	
3	2501452	Phạm Đình Trọng	Anh	70	Khá	
4	2501483	Phạm Tuấn	Anh	75	Khá	
5	2500938	Trần Nhật	Anh	78	Khá	
6	2501373	Bùi Tuấn	Bằng	79	Khá	
7	2500277	Nguyễn Văn	Cảnh	76	Khá	
8	2502120	Đặng Ngô Chiến	Công	64	TB	
9	2501584	Chu Mạnh	Cường	64	TB	
10	2501333	Ngô Văn	Cường	81	Tốt	
11	2501501	Nguyễn Tiến	Cường	82	Tốt	
12	2500087	Vũ Mạnh	Cường	64	TB	
13	2500075	Nguyễn Tiến	Đạt	85	Tốt	
14	2501167	Lê Văn	Điềm	80	Tốt	
15	2501441	Nguyễn Huy	Diễn	72	Khá	
16	2501427	Ngô Anh	Đức	82	Tốt	
17	2501429	Bùi Vũ	Dũng	84	Tốt	
18	2501204	Nguyễn Văn	Dũng	74	Khá	
19	2501214	Phạm Đình	Dũng	83	Tốt	
20	2501069	Vũ Mạnh	Dũng	40	Yếu	
21	2501516	Bùi Xuân	Dương	69	Khá	
22	2501102	Nguyễn Đức	Duy	77	Khá	
23	2501554	Phạm Minh	Hiếu	68	Khá	
24	2501275	Vũ Văn	Hoàng	85	Tốt	
25	2501572	Nguyễn Văn	Hùng	63	TB	
26	2501020	Đoàn Duy	Hưng	69	Khá	
27	2501291	Nguyễn Văn	Huy	71	Khá	
28	2501040	Mạc Trung	Kiên	88	Tốt	
29	2502308	Đỗ Văn	Mạnh	73	Khá	
30	2501234	Trần Quang	Minh	74	Khá	
31	2500161	Nguyễn Văn	Nam	80	Tốt	
32	2501449	Nguyễn Đăng	Nhiệm	83	Tốt	
33	2501424	Nguyễn Huy	Phong	82	Tốt	
34	2501227	Trần Hữu	Phong	76	Khá	
35	2501700	Hoàng Duy Thiên	Phú	70	Khá	
36	2501484	Đinh Hồng	Quân	87	Tốt	
37	2501269	Nguyễn Minh	Quân	87	Tốt	

38	2501685	Lê Minh	Quang	74	Khá	
39	2501706	Phạm Thái	Quang	82	Tốt	
40	2501545	Nguyễn Đại	Quý	73	Khá	
41	2501177	Phạm Duy	Sơn	83	Tốt	
42	2501141	Nguyễn Đức	Tấn	70	Khá	
43	2501186	Nguyễn Văn	Thanh	60	TB	
44	2501196	Nguyễn Đắc Trường	Thành	88	Tốt	
45	2501308	Phạm Việt	Thành	75	Khá	
46	2501055	Dương Văn	Thịnh	63	TB	
47	2501406	Hoàng Văn	Thịnh	40	Yếu	
48	2501321	Lương Văn	Thuận	88	Tốt	
49	2501313	Nguyễn Anh	Tuấn	40	Yếu	
50	2500685	Nguyễn Đức	Vinh	71	Khá	

76. Lớp DK16-CNTT1

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ I		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2500891	Nguyễn Đức	Ân	84	Tốt	
2	2500965	Đường Phạm Hải	Anh	84	Tốt	
3	2500180	Hoàng Gia	Anh	89	Tốt	
4	2500533	Hoàng Thị Minh	Anh	90	XS	
5	2500986	Nguyễn Thái	Anh	84	Tốt	
6	2500546	Nguyễn Thị Lan	Anh	87	Tốt	
7	2500734	Nguyễn Việt	Anh	86	Tốt	
8	2500879	Phạm Tuấn	Anh	85	Tốt	
9	2500582	Trần Hoàng	Anh	87	Tốt	
10	2501057	Nguyễn Đăng	Bảo	80	Tốt	
11	2500127	Trần Ngọc	Bảo	89	Tốt	
12	2501023	Ngô Trần Thanh	Bình	87	Tốt	
13	2501369	Hoàng Hải	Đăng	83	Tốt	
14	2501232	Vũ Trung	Đức	80	Tốt	
15	2501030	Nguyễn Tấn	Dũng	79	Khá	
16	2500528	Vũ Văn	Dũng	86	Tốt	
17	2501421	Nguyễn Tùng	Dương	82	Tốt	
18	2502159	Trần Trung	Hiếu	52	TB	
19	2500583	Lê Quang Nhật	Hưng	88	Tốt	
20	2500822	Phùng Tuấn	Hưng	86	Tốt	
21	2500767	Lê Trung	Kiên	82	Tốt	
22	2501253	Phạm Hoàng Anh	Kiệt	84	Tốt	
23	2500148	Nguyễn Nhật	Lâm	90	XS	
24	2501149	Nguyễn Văn	Linh	79	Khá	
25	2501178	Nguyễn Phúc	Lượng	90	XS	
26	2500733	Nguyễn Hương	Ly	85	Tốt	
27	2501368	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	88	Tốt	
28	2501240	Vũ Thị Quỳnh	Mai	80	Tốt	
29	2500074	Nguyễn Tiến	Mạnh	94	XS	
30	2501444	Bùi Công	Minh	80	Tốt	
31	2500361	Vũ Thị Trà	My	89	Tốt	
32	2501021	Nguyễn Phương	Nam	87	Tốt	
33	2501025	Đinh Trọng	Nghĩa	86	Tốt	
34	2500946	Phùng Văn	Nguyên	50	TB	

35	2501060	Nguyễn Khắc	Nhật	80	Tốt	
36	2500848	Nguyễn Đức	Phi	90	XS	
37	2501264	Nguyễn Viết	Phúc	87	Tốt	
38	2500723	Vũ Phương	Quỳnh	94	XS	
39	2500899	Chung Khải	Sơn	80	Tốt	
40	2500928	Đặng Thái	Sơn	83	Tốt	
41	2500331	Trần Văn	Sơn	79	Khá	
42	2501282	Trịnh Công	Sơn	92	XS	
43	2500483	Nguyễn Văn	Tú	85	Tốt	

77. Lớp DK16-CNTT2

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ I		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2500066	Nguyễn Tuấn	Anh	90	XS	
2	2500662	Nguyễn Viết Thế	Anh	65	Khá	
3	2501496	Trần Văn Thế	Anh	79	Khá	
4	2500279	Vũ Việt	Anh	85	Tốt	
5	2501497	Lê Sỹ	Cương	81	Tốt	
6	2501617	Ngô Đức	Duy	62	TB	
7	2501521	Đặng Minh	Hải	69	Khá	
8	2502180	Dương Hoàng	Hải	54	TB	
9	2501690	Nguyễn Ngọc	Hiệp	57	TB	
10	2501609	Nguyễn Mạnh	Hùng	78	Khá	
11	2502282	Lê Gia	Hưng	89	Tốt	
12	2501537	Trần Gia	Huy	87	Tốt	
13	2502105	Lăng Văn	Khải	92	XS	
14	2501560	Bùi Hữu	Kiên	67	Khá	
15	2501246	Lê Quang	Lộc	85	Tốt	
16	2501641	Nguyễn Văn	Mạnh	59	TB	
17	2501663	Nguyễn Viết	Mạnh	83	Tốt	
18	2501471	Nguyễn Phương	Nam	70	Khá	
19	2501525	Vũ Hải	Nam	84	Tốt	
20	2502137	Nguyễn Phúc	Nguyên	54	TB	
21	2501598	Nguyễn Minh	Nhật	91	XS	
22	2501583	Nguyễn Thế	Quang	88	Tốt	
23	2500212	Nguyễn Văn	Quyết	95	XS	
24	2501267	Trần Hồng	Thái	65	Khá	
25	2501322	Hoàng Dương	Thanh	95	XS	
26	2501219	Cao Đức	Thành	71	Khá	
27	2500249	Đằng Tuấn	Thành	77	Khá	
28	2500993	Nguyễn Xuân Minh	Thành	68	Khá	
29	2502100	Nguyễn Minh	Trang	88	Tốt	
30	2500877	Hồ Phạm Thành	Trung	79	Khá	
31	2501256	Cao Xuân	Tú	73	Khá	
32	2501467	Dương Đình	Tú	79	Khá	
33	2500466	Hoàng Duy	Tuân	71	Khá	
34	2500065	Nguyễn Anh	Tuấn	88	Tốt	
35	2500590	Trần Minh	Tuấn	85	Tốt	
36	2500382	Dương Văn	Tường	88	Tốt	
37	2500273	Nguyễn Đình	Văn	80	Tốt	
38	2500922	Dương Văn	Vĩ	91	XS	

39	2501536	Vũ Trí	Vinh	63	TB	

78. Lớp DK16-D1

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ I		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2501640	Đào Bá Việt	Anh	89	Tốt	
2	2500285	Phạm Thế Việt	Anh	75	Khá	
3	2500350	Trần Tuấn	Anh	70	Khá	
4	2500218	Tống Văn	Bắc	79	Khá	
5	2500072	Nguyễn Thanh	Bình	79	Khá	
6	2500136	Nguyễn Văn	Bình	81	Tốt	
7	2500438	Bùi Văn	Chiến	74	Khá	
8	2500159	Phạm Hữu	Công	78	Khá	
9	2500150	Nguyễn Thành	Đăng	78	Khá	
10	2500152	Trần Thành	Danh	51	TB	
11	2500204	Nguyễn Tiến	Đạt	77	Khá	
12	2500346	Nguyễn Tiến	Đạt	82	Tốt	
13	2500174	Trịnh Huy	Đạt	80	Tốt	
14	2501627	Bùi Vũ Minh	Đức	72	Khá	
15	2500366	Nguyễn Minh	Đức	81	Tốt	
16	2500385	Vương Tiến	Dũng	82	Tốt	
17	2500245	Lê Thành	Dương	78	Khá	
18	2500376	Nguyễn Hưu	Dương	70	Khá	
19	2500246	Phạm Vũ Bình	Dương	74	Khá	
20	2500359	Vũ Đình Khánh	Duy	67	Khá	
21	2500293	Hoàng Hữu	Hiệp	93	XS	
22	2501559	Hoàng Trung	Hiếu	72	Khá	
23	2500415	Mai Xuân	Hiếu	81	Tốt	
24	2500128	Nguyễn Quy Anh	Hiếu	70	Khá	
25	2500168	Phạm Hữu	Hiếu	76	Khá	
26	2500169	Nguyễn Việt	Hoàng	76	Khá	
27	2500337	Phạm Quốc	Hoàng	77	Khá	
28	2500126	Trần Tuấn	Hùng	79	Khá	
29	2500140	Nguyễn Phúc	Hưng	81	Tốt	
30	2500367	Đồng Gia	Huy	81	Tốt	
31	2500187	Phạm Khắc	Huy	77	Khá	
32	2500343	Trần Bảo	Khánh	81	Tốt	
33	2500370	Trịnh Hải	Lâm	79	Khá	
34	2500412	Tiêu Hoàng	Long	79	Khá	
35	2500220	Vũ Quang	Mạnh	76	Khá	
36	2500403	Đặng Bình	Minh	81	Tốt	
37	2500080	Hồ Hải	Nam	80	Tốt	
38	2500312	Nguyễn Văn	Nam	77	Khá	
39	2500189	Tạ Quang	Nhẫn	81	Tốt	
40	2500394	Nguyễn Văn	Nhật	78	Khá	
41	2500092	Lê Mạnh	Phong	74	Khá	
42	2500142	Dương Anh	Quân	70	Khá	
43	2500219	Nguyễn Tiến	Quang	77	Khá	
44	2500068	Nguyễn Đức	Sơn	76	Khá	
45	2500216	Vũ Bá	Tâm	82	Tốt	

46	2500141	Đào Duy	Thái	80	Tốt	
47	2500400	Đoàn Văn	Thắng	80	Tốt	
48	2500078	Dương Quốc	Thắng	88	Tốt	
49	2500090	Vũ Hữu	Thuận	80	Tốt	
50	2500234	Hà Đức	Toàn	76	Khá	
51	2500211	Nguyễn Văn	Toàn	81	Tốt	
52	2500347	Nguyễn Văn	Tú	80	Tốt	
53	2500085	Phạm Văn Tuấn	Tú	80	Tốt	
54	2500454	Nguyễn Anh	Tuấn	80	Tốt	
55	2500184	Nguyễn Quốc	Tuấn	80	Tốt	
56	2500379	Phạm Văn	Tùng	88	Tốt	
57	2500663	Nguyễn Huy	Vũ	79	Khá	

79. Lớp DK16-D2

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ I		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2501425	Nguyễn Đức	An	86	Tốt	
2	2500536	Bùi Hữu Việt	Anh	89	Tốt	
3	2500749	Bùi Quốc	Anh	89	Tốt	
4	2500628	Đỗ Quốc	Anh	86	Tốt	
5	2500622	Nguyễn Hoàng Tuấn	Anh	73	Khá	
6	2500982	Nguyễn Tuấn	Anh	74	Khá	
7	2500659	Nguyễn Văn Tuấn	Anh	88	Tốt	
8	2501645	Nguyễn Tùng	Bách	84	Tốt	
9	2500545	Nguyễn Mạnh	Cường	80	Tốt	
10	2500788	Hoàng Văn	Đại	88	Tốt	
11	2500737	La Nhật	Đông	84	Tốt	
12	2500523	Phạm Trung	Đông	79	Khá	
13	2500486	Vũ Hùng	Dũng	86	Tốt	
14	2500705	Đặng Thái	Dương	86	Tốt	
15	2500804	Trương Hà	Dương	87	Tốt	
16	2500587	Vũ Tùng	Dương	85	Tốt	
17	2500840	Lê Cát	Hải	67	Khá	
18	2500597	Nguyễn Văn	Hải	86	Tốt	
19	2500584	Bùi Huy	Hiếu	73	Khá	
20	2500489	Nguyễn Mạnh	Hiếu	74	Khá	
21	2500687	Trần Văn	Hoàn	87	Tốt	
22	2500472	Bùi Đình	Hùng	80	Tốt	
23	2500682	Đỗ Đức	Hưng	87	Tốt	
24	2500617	Trần Văn	Hưng	85	Tốt	
25	2500851	Vũ Tiến	Hưng	86	Tốt	
26	2500673	Trần Xuân	Huy	77	Khá	
27	2501654	Nguyễn Tuấn	Khang	80	Tốt	
28	2500505	Nguyễn Hữu	Khiêm	78	Khá	
29	2500832	Nguyễn Tuấn	Kiệt	87	Tốt	
30	2500460	Đào Xuân	Lộc	85	Tốt	
31	2500684	Nguyễn Thành	Long	67	Khá	
32	2500719	Phạm Phi	Long	66	Khá	
33	2500667	Mạc Quang	Minh	84	Tốt	
34	2500478	Nguyễn Bá Bảo	Minh	68	Khá	
35	2500488	Nguyễn Đức	Minh	85	Tốt	

36	2500725	Nguyễn Nhật	Minh	82	Tốt	
37	2500419	Nguyễn Quang	Minh	90	XS	
38	2502127	Nguyễn Hải	Nam	66	Khá	
39	2500511	Bùi Đức	Nhật	84	Tốt	
40	2500525	Bùi Hồng	Phúc	89	Tốt	
41	2500631	Vũ Minh	Quân	86	Tốt	
42	2500696	Nguyễn Thế	Quang	82	Tốt	
43	2500493	Phạm Thanh	Quang	77	Khá	
44	2500495	Đinh Bảo	Quốc	74	Khá	
45	2500632	Trần Văn	Quốc	66	Khá	
46	2500742	Trịnh Đức	Quyết	77	Khá	
47	2500677	Trần Quang	Sang	80	Tốt	
48	2500702	Đỗ Duy	Tân	80	Tốt	
49	2500854	Đặng Ngọc	Thái	83	Tốt	
50	2500756	Nguyễn Việt	Thắng	81	Tốt	
51	2500676	Phạm Quang	Thắng	84	Tốt	
52	2500764	Nguyễn Đức	Thịnh	72	Khá	
53	2500613	Dương Văn	Tiến	77	Khá	
54	2500563	Nguyễn Thành	Trung	88	Tốt	
55	2500735	Phạm Bá	Trường	83	Tốt	
56	2500748	Nguyễn Quốc	Việt	85	Tốt	
57	2500827	Trần Hữu	Việt	83	Tốt	

80. Lớp DK16-D3

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ I		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2500925	Lê Thị Mai	Anh	91	XS	
2	2501298	Nguyễn Đắc Thế	Anh	83	Tốt	
3	2501101	Nguyễn Huy	Bảo	75	Khá	
4	2501205	Nguyễn Quốc	Bảo	88	Tốt	
5	2501242	Nguyễn Hải	Đăng	55	TB	
6	2501000	Nguyễn Ngọc	Diệp	89	Tốt	
7	2500916	Đỗ Như Ngọc	Độ	85	Tốt	
8	2501173	Bùi Việt	Đức	84	Tốt	
9	2501335	Phạm Văn	Đức	90	XS	
10	2501176	Bùi Tiến	Dũng	87	Tốt	
11	2501041	Nguyễn Thành	Dũng	71	Khá	
12	2501345	Trần Văn	Dũng	83	Tốt	
13	2500988	Hoàng Tùng	Dương	83	Tốt	
14	2501008	Trần Đức	Dương	75	Khá	
15	2501171	Trần Khánh	Duy	79	Khá	
16	2501435	Trần Đức	Giang	81	Tốt	
17	2501218	Nuyễn Hữu Trọng	Hiệp	84	Tốt	
18	2501095	Phạm Đình	Hiệp	82	Tốt	
19	2500973	Nguyễn Dương Hoàng	Hiệu	73	Khá	
20	2501145	Nguyễn Bá	Hoàn	84	Tốt	
21	2501052	Nguyễn Huy	Hoàng	85	Tốt	
22	2500886	Bùi Đức	Hùng	86	Tốt	
23	2500929	Hoàng Hải	Hưng	83	Tốt	
24	2500862	Lê Gia	Huy	83	Tốt	
25	2500647	Trần Văn	Huy	72	Khá	

26	2501012	Vũ Trí	Khanh	85	Tốt	
27	2500975	Hoàng Gia	Khánh	91	XS	
28	2500957	Ngô Văn	Khánh	84	Tốt	
29	2501329	Nguyễn Văn	Khánh	82	Tốt	
30	2501061	Nguyễn Duy	Khoa	80	Tốt	
31	2501408	Vũ Khánh	Lâm	80	Tốt	
32	2501165	Bùi Đức	Mạnh	73	Khá	
33	2501296	Vi Văn	Mạnh	85	Tốt	
34	2501226	Vũ Quang	Minh	55	TB	
35	2501087	Bùi Duy	Nam	80	Tốt	
36	2500883	Nguyễn Đình	Nghĩa	74	Khá	
37	2501200	Đồng Xuân	Phú	83	Tốt	
38	2501600	Trần Xuân	Phương	80	Tốt	
39	2501190	Nguyễn Thiện	Quang	73	Khá	
40	2501279	Vũ Trí Tuệ	Quang	72	Khá	
41	2501121	Trần Văn	Quốc	73	Khá	
42	2500896	Doãn Thế	Quyền	80	Tốt	
43	2501089	Nguyễn Công	Thắng	88	Tốt	
44	2500864	Nguyễn Đình	Thắng	55	TB	
45	2501323	Phạm Như	Thành	89	Tốt	
46	2501047	Phạm Tiến	Thành	71	Khá	
47	2500956	Đặng Văn	Thuyết	86	Tốt	
48	2501050	Trần Văn	Tiến	84	Tốt	
49	2501208	Đỗ Đức	Trọng	75	Khá	
50	2501054	Lê Thành	Trung	84	Tốt	
51	2501314	Lê Hồng	Trường	76	Khá	
52	2501081	Phan Nhật	Tú	78	Khá	
53	2501170	Nguyễn Văn	Tùng	82	Tốt	
54	2500063	Trần	Uy	76	Khá	
55	2501189	Lê Thế	Vinh	83	Tốt	
56	2500652	Nguyễn Quang	Vinh	86	Tốt	
57	2500869	Nguyễn Trần	Vũ	71	Khá	

82. Lớp DK16-D4

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ I		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2501476	Lương Văn	An	70	Khá	
2	2501410	Bùi Quang	Anh	85	Tốt	
3	2501494	Đào Văn Tuấn	Anh	85	Tốt	
4	2501485	Ngô Quốc	Anh	80	Tốt	
5	2501568	Nguyễn Đức	Anh	80	Tốt	
6	2500585	Nguyễn Quốc	Anh	50	TB	
7	2500302	Nguyễn Thị Phương	Anh	80	Tốt	
8	2501458	Nguyễn Gia	Bảo	83	Tốt	
9	2501412	Vũ Ngọc	Cường	75	Khá	
10	2501245	Trần Tiến	Đạt	90	XS	
11	2500327	Vũ Đức	Dương	80	Tốt	
12	2501553	Giáp Văn	Giang	80	Tốt	
13	2501504	Nguyễn Hoàng	Hải	70	Khá	
14	2501423	Trịnh Đình	Hiếu	70	Khá	
15	2502135	Vũ Minh	Hiếu	70	Khá	

16	2502346	Mai Huy	Hoàng	82	Tốt	
17	2502144	Bùi Phi	Hùng	80	Tốt	
18	2501353	Nguyễn Chí	Hùng	70	Khá	
19	2501473	Nguyễn Thế	Hưng	70	Khá	
20	2500521	Nguyễn Đức	Hưởng	70	Khá	
21	2501463	Lê Quốc	Khánh	70	Khá	
22	2501348	Nguyễn Đức	Linh	70	Khá	
23	2500340	Nguyễn Khánh	Linh	80	Tốt	
24	2501377	Ngô Vạn	Lợi	80	Tốt	
25	2501602	Nguyễn Đức	Long	60	TB	
26	2501350	Trần Kim	Long	70	Khá	
27	2501460	Nguyễn Văn	Minh	70	Khá	
28	2501518	Nguyễn Hải	Nam	80	Tốt	
29	2500994	Đỗ Duy	Nhật	82	Tốt	
30	2501347	Ngô Xuân	Quyết	82	Tốt	
31	2501607	Nguyễn Tuấn	Sơn	80	Tốt	
32	2501285	Trần Văn	Thái	83	Tốt	
33	2501470	Đinh Tiến	Thành	85	Tốt	
34	2501509	Lương Long	Thành	85	Tốt	
35	2501397	Trịnh Tố	Thành	80	Tốt	
36	2501495	Trần Danh	Thức	80	Tốt	
37	2501590	Nguyễn Xuân	Toàn	80	Tốt	
38	2501417	Ngô Đức	Trường	70	Khá	
39	2501439	Lê Đức	Tú	80	Tốt	
40	2501352	Phạm Đức	Tuyên	80	Tốt	
41	2501681	Dương Văn Anh	Vũ	82	Tốt	
42	2501676	Nguyễn Văn	Vũ	50	TB	
43	2500353	Lê Đình	Vỹ	83	Tốt	

83. Lớp DK16-KTDK&TDH1

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ I		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2500104	Nguyễn Hải	An	66	Khá	
2	2500084	Hoàng Lý Phúc	Anh	90	XS	
3	2500067	Ngô Việt	Anh	77	Khá	
4	2500235	Nguyễn Tuấn	Anh	82	Tốt	
5	2500151	Hoàng Gia	Bảo	88	Tốt	
6	2500221	Nguyễn Xuân	Bảo	72	Khá	
7	2500230	Đỗ Tiến	Đạt	85	Tốt	
8	2500274	Trần Thành	Đạt	72	Khá	
9	2500939	Ngô Tiến	Dũng	86	Tốt	
10	2500275	Trần Anh	Dũng	84	Tốt	
11	2500228	Phạm Đại	Dương	86	Tốt	
12	2500193	Nguyễn Hữu Đức	Duy	66	Khá	
13	2500076	Vi Nhật	Duy	94	XS	
14	2500769	Phạm Thế	Duyệt	82	Tốt	
15	2500300	Mai Hoàng	Hà	82	Tốt	
16	2500263	Vũ Văn	Hải	84	Tốt	
17	2501156	Dương Thị	Hoa	92	XS	
18	2500281	Đàm Văn	Hoàng	88	Tốt	
19	2500287	Nguyễn Huy	Hùng	82	Tốt	

20	2500119	Phan Mạnh	Hùng	85	Tốt	
21	2500765	Phạm Thái	Huy	79	Khá	
22	2500111	Phùng Quốc	Huy	83	Tốt	
23	2500158	Phạm Trần Công	Khải	69	Khá	
24	2500697	Hoàng Trung	Kiên	80	Tốt	
25	2500139	Nguyễn Danh	Kiên	89	Tốt	
26	2500171	Nguyễn Tiến	Kiên	86	Tốt	
27	2500215	Nguyễn Trung	Kiên	84	Tốt	
28	2500170	Vũ Trung	Kiên	81	Tốt	
29	2500262	Đặng Đức Tuấn	Kiệt	73	Khá	
30	2500179	Ngô Tuấn	Kiệt	92	XS	
31	2500113	Trần Thanh	Lâm	73	Khá	
32	2500123	Nguyễn Hoàng	Linh	86	Tốt	
33	2501013	Đàm Hoàng Đức	Minh	82	Tốt	
34	2500155	Hoàng Bình	Minh	72	Khá	
35	2500096	Nguyễn Đức	Minh	84	Tốt	
36	2500239	Bùi Đức	Nam	81	Tốt	
37	2500305	Nguyễn Đình Hải	Nam	80	Tốt	
38	2500265	Nguyễn Hải	Nam	79	Khá	
39	2500311	Hồ Xuân	Nhân	79	Khá	
40	2500299	Hoàng Văn	Nhất	71	Khá	
41	2500209	Đồng Thị	Như	90	XS	
42	2500081	Đỗ Tuấn	Phong	78	Khá	
43	2500510	Hoàng Thanh	Phong	90	XS	
44	2500146	Trần Đại	Phong	86	Tốt	
45	2501486	Trần Thanh	Phong	91	XS	
46	2500124	Đinh Hồng	Phúc	87	Tốt	
47	2500203	Nguyễn Tùng	Quân	64	TB	
48	2500121	Nguyễn Đức	Quang	82	Tốt	
49	2500099	Phạm Viết	Quang	86	Tốt	
50	2500280	Hoàng Thanh	Sơn	82	Tốt	
51	2501064	Lê Đức	Sơn	83	Tốt	
52	2501682	Phạm Ngọc	Thanh	67	Khá	
53	2501139	Trương Đức	Thành	79	Khá	
54	2500240	Phan Anh	Tú	92	XS	
55	2500709	Dương Quốc	Vượng	90	XS	

84. Lớp DK16-KTDK&TDH2

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ I		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2500428	Nguyễn Hoàng	Anh	60	TB	
2	2501082	Đoàn Năng	Cường	85	Tốt	
3	2500398	Trần	Độ	70	Khá	
4	2500109	Nguyễn Đình	Đức	80	Tốt	
5	2500601	Nguyễn Văn	Đức	85	Tốt	
6	2500930	Chu Đức	Dũng	80	Tốt	
7	2500594	Nguyễn Anh	Dũng	80	Tốt	
8	2501434	Nguyễn Đình	Dũng	80	Tốt	
9	2500516	Nguyễn Hoàng Anh	Dũng	80	Tốt	
10	2500450	Nguyễn Mạnh	Duy	80	Tốt	
11	2500362	Phạm Công Khánh	Duy	68	Khá	

12	2501650	Nguyễn Trường	Giang	80	Tốt	
13	2501686	Nguyễn Ngọc	Hải	60	TB	
14	2501703	Nguyễn Trọng	Hiếu	85	Tốt	
15	2500552	Nguyễn Đức	Hoà	85	Tốt	
16	2500443	Nguyễn Văn	Hòa	80	Tốt	
17	2500365	Bùi Hải	Hoàn	80	Tốt	
18	2500402	Nguyễn Tuấn	Hưng	80	Tốt	
19	2500470	Nguyễn Gia	Huy	92	XS	
20	2501430	Nguyễn Quang	Huy	70	Khá	
21	2501326	Nguyễn Quang	Huy	70	Khá	
22	2500401	Nguyễn Nam	Khánh	70	Khá	
23	2500490	Đinh Sơn	Lâm	70	Khá	
24	2500459	Hoàng Hải	Linh	85	Tốt	
25	2501666	Phạm Văn	Linh	85	Tốt	
26	2500453	Nguyễn Phúc Hữu	Lộc	80	Tốt	
27	2500596	Ngô Duy Hoàng	Long	80	Tốt	
28	2500363	Nguyễn Văn	Long	68	Khá	
29	2500570	Lưu Đức	Mạnh	67	Khá	
30	2500427	Nguyễn Đức	Mạnh	80	Tốt	
31	2500328	Nguyễn Văn	Mạnh	85	Tốt	
32	2500537	Nguyễn Hoàng	Minh	80	Tốt	
33	2500948	Nguyễn Quang	Minh	80	Tốt	
34	2500603	Phùng Trần Ngọc	Minh	80	Tốt	
35	2500338	Vũ Huy	Nam	85	Tốt	
36	2502092	Trịnh Hữu	Nghĩa	85	Tốt	
37	2500336	Hoàng Bình	Nguyên	85	Tốt	
38	2500485	Nguyễn Minh	Nhật	85	Tốt	
39	2500502	Trịnh Đức	Nhật	65	Khá	
40	2500522	Vũ Long	Nhật	80	Tốt	
41	2500512	Hà Văn	Phong	80	Tốt	
42	2500477	Nguyễn Trọng	Phong	80	Tốt	
43	2500344	Đỗ Văn	Phúc	80	Tốt	
44	2500517	Nguyễn Định	Quân	85	Tốt	
45	2500468	Nguyễn Thành	Quân	85	Tốt	
46	2500349	Trần Đình	Quân	70	Khá	
47	2500392	Nguyễn Huy	Quang	70	Khá	
48	2500484	Vi Dương	Sơn	85	Tốt	
49	2500458	Ngô Thế	Sỹ	80	Tốt	
50	2500356	Đào Công	Tấn	92	XS	
51	2500436	Trịnh Đức Quyết	Thắng	85	Tốt	
52	2500464	Bùi Đức	Thành	65	Khá	
53	2500441	Đồng Văn	Thành	70	Khá	
54	2501399	Nguyễn Kim	Thường	85	Tốt	
55	2500473	Phạm Minh	Trường	92	XS	
56	2500381	Nguyễn Đình Anh	Tuấn	80	Tốt	
57	2500333	Nguyễn Đỗ Thế	Vinh	85	Tốt	

85. Lớp DK16-KTDK&TDH3

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ I		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2500773	Nguyễn Trọng	An	95	XS	

2	2500812	Đặng Tùng	Anh	75	Khá	
3	2500679	Nguyễn Khắc Việt	Anh	79	Khá	
4	2500627	Lê Nguyễn Phúc	Chính	75	Khá	
5	2500633	Nguyễn Trọng Thành	Công	79	Khá	
6	2500821	Lê Văn	Đạt	83	Tốt	
7	2500604	Nguyễn Tuấn	Đạt	89	Tốt	
8	2500799	Nguyễn Hoàng	Đông	84	Tốt	
9	2500798	Nguyễn Danh	Đức	76	Khá	
10	2500815	Nguyễn Trung	Đức	87	Tốt	
11	2500803	Nguyễn Danh	Dương	75	Khá	
12	2500802	Đặng Thái	Giang	81	Tốt	
13	2500817	Nguyễn Danh	Hải	78	Khá	
14	2500289	Đặng Minh	Hiếu	89	Tốt	
15	2500671	Lê Giang	Hiếu	89	Tốt	
16	2500781	Nguyễn Trung	Hiếu	89	Tốt	
17	2500751	Vương Trung	Hiếu	86	Tốt	
18	2500757	Nguyễn Huy	Hoàng	80	Tốt	
19	2500694	Nguyễn Tuấn	Hưng	86	Tốt	
20	2500834	Phạm Quốc	Hưng	87	Tốt	
21	2500786	Trần Văn	Hưng	87	Tốt	
22	2500261	Nguyễn Đình	Hướng	78	Khá	
23	2500637	Bùi Văn	Huy	89	Tốt	
24	2500761	Hoàng Văn	Khải	71	Khá	
25	2500650	Lê Quang	Khải	81	Tốt	
26	2500846	Nguyễn Viết	Khang	82	Tốt	
27	2500754	Trịnh Minh	Khánh	88	Tốt	
28	2500586	Phạm Tuấn	Khôi	75	Khá	
29	2500591	Hoàng Công	Long	85	Tốt	
30	2500434	Trịnh Đình	Long	97	XS	
31	2500843	Hoàng Nguyễn Công	Minh	87	Tốt	
32	2500795	Nguyễn Tuấn	Minh	78	Khá	
33	2500780	Phan Nhật	Nam	55	TB	
34	2500706	Nguyễn Văn	Nghĩa	85	Tốt	
35	2500623	Vũ Nam	Ninh	81	Tốt	
36	2501405	Dương Công	Oai	79	Khá	
37	2500894	Lê Quý	Phong	83	Tốt	
38	2500810	Nguyễn Hữu	Phong	84	Tốt	
39	2500790	Nguyễn Xuân	Phong	89	Tốt	
40	2500688	Hoàng Minh	Quân	82	Tốt	
41	2500730	Nguyễn Đăng	Quang	87	Tốt	
42	2500797	Nguyễn Tiền Thiệu	Quang	96	XS	
43	2500636	Ngô Văn	Quyết	90	XS	
44	2500131	Phạm Văn	Tài	75	Khá	
45	2500070	Lê Trọng	Tấn	86	Tốt	
46	2500718	Nguyễn Văn	Thái	73	Khá	
47	2500607	Ngô Đức	Thắng	91	XS	
48	2500611	Trần Quang	Thắng	90	XS	
49	2500322	Trần Chí	Thanh	89	Tốt	
50	2500782	Nguyễn Đức	Toàn	91	XS	
51	2500681	Phạm Bảo	Trâm	85	Tốt	

52	2500793	Nguyễn Thanh	Trúc	90	XS	
53	2500644	Nguyễn Hoàng	Trung	85	Tốt	
54	2500779	Hà Đình	Trường	74	Khá	
55	2500657	Hoàng Công	Tú	80	Tốt	
56	2500137	Lê Bá	Tú	89	Tốt	
57	2500704	Trần Mạnh	Tuấn	89	Tốt	
58	2500849	Hoàng Thanh	Tùng	86	Tốt	
59	2500626	Phạm Quang	Tùng	89	Tốt	
60	2500776	Hoàng Diệu	Uy	98	XS	
61	2500259	Hoàng Quốc	Việt	89	Tốt	
62	2500712	Vũ Đức	Vương	89	Tốt	

86. Lớp DK16-KTDK&TDH4

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ I		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2501022	Đỗ Việt	Anh	83	Tốt	
2	2500995	Hoàng Hiếu	Anh	88	Tốt	
3	2501048	Nguyễn Đức	Anh	86	Tốt	
4	2500945	Nguyễn Tuấn	Anh	85	Tốt	
5	2500932	Phạm Nguyễn Đức	Anh	82	Tốt	
6	2500972	Vũ Trí Tuấn	Anh	89	Tốt	
7	2500902	Nguyễn Gia	Bản	81	Tốt	
8	2500874	Phùng Anh	Chiến	83	Tốt	
9	2500903	Hoàng Hải	Đăng	82	Tốt	
10	2500949	Bùi Tiến	Đạt	79	Khá	
11	2500898	Phạm Thành	Đạt	85	Tốt	
12	2500907	Lê Bá	Đức	83	Tốt	
13	2501072	Nguyễn Tuấn	Dũng	83	Tốt	
14	2500927	Đặng Chi	Duy	82	Tốt	
15	2500924	Ngô Trường	Giang	82	Tốt	
16	2500991	Hoàng Đình	Hải	82	Tốt	
17	2501084	Trần Ngọc	Hiệp	81	Tốt	
18	2500855	Trịnh Hoàng	Hiệp	76	Khá	
19	2501006	Nguyễn Văn	Hòa	84	Tốt	
20	2501043	Nguyễn Việt	Hoàng	84	Tốt	
21	2500923	Nguyễn Bá	Huy	86	Tốt	
22	2500885	Nguyễn Văn	Huy	85	Tốt	
23	2500984	Nguyễn Đức	Khiêm	85	Tốt	
24	2500936	Lê Ngọc	Khoa	87	Tốt	
25	2501074	Đỗ Văn	Kiên	84	Tốt	
26	2500867	Hoàng Trung	Kiên	83	Tốt	
27	2500980	Dương Đình	Lâm	80	Tốt	
28	2500951	Nguyễn Khắc Bảo	Lâm	81	Tốt	
29	2500935	Trần Anh	Lộc	83	Tốt	
30	2501044	Nguyễn Ngọc	Long	83	Tốt	
31	2500917	Dương Ngọc	Luyện	83	Tốt	
32	2501192	Hoàng Cẩm	Ly	81	Tốt	
33	2500996	Đỗ Nhật	Minh	82	Tốt	
34	2500971	Ngô Đức	Minh	72	Khá	
35	2500801	Nguyễn Tuấn	Minh	79	Khá	
36	2501031	Vũ Văn Bát	Nhã	81	Tốt	

37	2500950	Nguyễn Thế	Phong	80	Tốt	
38	2500865	Đinh Trường	Phước	91	XS	
39	2501001	Lê Sỹ Việt	Phương	86	Tốt	
40	2500481	Đồng Bá Anh	Quân	82	Tốt	
41	2500911	Nguyễn Văn	Quân	82	Tốt	
42	2500964	Nguyễn Phú	Quý	85	Tốt	
43	2500868	Đỗ Phúc	Sơn	82	Tốt	
44	2501026	Hoàng Thái	Sơn	77	Khá	
45	2501315	Trương Văn	Thảo	80	Tốt	
46	2501019	Nguyễn Minh	Thông	82	Tốt	
47	2501024	Bùi Công	Thuận	80	Tốt	
48	2500871	Trần Bảo	Thy	82	Tốt	
49	2500881	Nguyễn Huy	Toàn	85	Tốt	
50	2500908	Nguyễn Đức	Triết	83	Tốt	
51	2500264	Nguyễn Nam	Trường	80	Tốt	
52	2501033	Nguyễn Quang	Trường	94	XS	
53	2500093	Hoàng	Tùng	85	Tốt	
54	2501071	Trương Đình	Tùng	74	Khá	
55	2500958	Nguyễn Quốc	Việt	77	Khá	
56	2501028	Lưu Đức Thành	Vinh	86	Tốt	
57	2500530	Nguyễn Thành	Vinh	75	Khá	

87. Lớp DK16-KTDK&TDH5

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ I		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2501175	Nguyễn Đào Bảo	An	85	Tốt	
2	2501077	Nguyễn Đức	Anh	84	Tốt	
3	2501143	Nguyễn Quốc	Anh	78	Khá	
4	2501255	Nguyễn Việt	Anh	86	Tốt	
5	2501311	Nguyễn Việt	Anh	61	TB	
6	2501140	Phạm Đức Tùng	Anh	85	Tốt	
7	2501104	Phạm Tiến	Anh	88	Tốt	
8	2501078	Vũ Quốc	Anh	60	TB	
9	2502157	Nguyễn Hữu	Bằng	64	TB	
10	2501231	Nguyễn Hải	Đăng	84	Tốt	
11	2501129	Vũ Đức	Đạt	80	Tốt	
12	2501244	Lại Hữu	Đức	76	Khá	
13	2501086	Lê Anh	Đức	70	Khá	
14	2501134	Nguyễn Viết	Đức	73	Khá	
15	2501138	Nguyễn Minh	Dũng	88	Tốt	
16	2501144	Phạm Văn	Dũng	88	Tốt	
17	2501271	Vũ Quang	Dũng	84	Tốt	
18	2501097	Nguyễn Nhân	Duy	92	XS	
19	2501228	Thân Thanh	Hải	88	Tốt	
20	2501247	Bùi Nho	Hiếu	90	XS	
21	2501320	Đinh Trung	Hiếu	61	TB	
22	2501283	Nguyễn Quang	Hiếu	81	Tốt	
23	2501610	Vũ Xuân	Hòa	72	Khá	
24	2500548	Đỗ Nguyễn Huy	Hoàng	73	Khá	
25	2501153	Nguyễn Sỹ	Hoàng	85	Tốt	
26	2502098	Lê Thái	Học	79	Khá	

27	2501083	Phùng Đình	Hội	73	Khá	
28	2501148	Nguyễn Đỗ Duy	Hưng	82	Tốt	
29	2502121	Bao Phúc	Huy	64	TB	
30	2501120	Trần Đức	Huy	76	Khá	
31	2501281	Bùi Mạnh	Kiên	88	Tốt	
32	2501310	Đỗ Tuấn	Mạnh	87	Tốt	
33	2501224	Hà Ngọc	Mạnh	86	Tốt	
34	2501304	Nguyễn Phương	Nam	82	Tốt	
35	2501331	Trần Đình	Phú	67	Khá	
36	2501094	Lê Văn	Phước	77	Khá	
37	2500732	Trần Anh	Quân	81	Tốt	
38	2501671	Vũ Văn	Quang	70	Khá	
39	2501105	Cao Xuân	Tại	81	Tốt	
40	2500425	Kiều Trắc	Thanh	64	TB	
41	2500243	Nguyễn Anh	Thao	87	Tốt	
42	2501213	Vương Đình	Thịnh	83	Tốt	
43	2501187	Phạm Nguyễn Anh	Tiến	81	Tốt	
44	2501257	Phạm Thanh	Trường	82	Tốt	
45	2501299	Nguyễn Quốc	Tuấn	89	Tốt	
46	2501158	Nguyễn Huy	Tùng	70	Khá	
47	2501261	Hoàng Văn Tuấn	Việt	78	Khá	
48	2500575	Nguyễn Đăng	Vinh	87	Tốt	
49	2500547	Nguyễn Văn	Vinh	82	Tốt	
50	2501638	Bùi Thái	Vũ	74	Khá	
51	2501309	Cù Văn	Vương	67	Khá	
52	2500931	Hoàng Chí	Vỹ	84	Tốt	

88. Lớp DK16-KTDK&TDH6

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ I		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2501523	Nguyễn Đình Hoàng	Anh	87	Tốt	
2	2501626	Nguyễn Thị Vân	Anh	83	Tốt	
3	2501183	Hoàng Công	Bắc	86	Tốt	
4	2501394	Nguyễn Gia	Bảo	85	Tốt	
5	2501519	Phạm Gia	Bảo	87	Tốt	
6	2500538	Bàn Thành	Chung	86	Tốt	
7	2501606	Nguyễn Tiến	Công	86	Tốt	
8	2501381	Đinh Đặng Tuấn	Cường	85	Tốt	
9	2501426	Vũ Hoàng	Đại	83	Tốt	
10	2501438	Nguyễn Quốc	Dũng	88	Tốt	
11	2501076	Nguyễn Tiến	Dũng	88	Tốt	
12	2501546	Phan Tiến	Dũng	86	Tốt	
13	2501354	Trần Mạnh	Dũng	87	Tốt	
14	2501566	Trần Đức	Dương	87	Tốt	
15	2501365	Trần Văn	Gia	63	TB	
16	2502152	Lê Thị Thu	Hà	88	Tốt	
17	2500630	Nguyễn Ngọc	Hậu	83	Tốt	
18	2501522	Dương Nguyễn Thái	Hoàng	83	Tốt	
19	2500710	Nguyễn Trần Huy	Hoàng	87	Tốt	
20	2501366	Vũ Huy	Hoàng	87	Tốt	
21	2500675	Nguyễn Phi	Hùng	84	Tốt	

22	2501506	Nguyễn Đức	Huy	82	Tốt	
23	2501391	Trần Anh	Huy	84	Tốt	
24	2501454	Vũ Đăng	Huy	86	Tốt	
25	2501475	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	87	Tốt	
26	2501499	Nguyễn Thế	Khải	88	Tốt	
27	2501448	Nguyễn Đức Nam	Khánh	87	Tốt	
28	2501625	Nguyễn Đức	Kiên	87	Tốt	
29	2501680	Nguyễn Đức	Lộc	85	Tốt	
30	2501099	Vũ Đình	Lộc	85	Tốt	
31	2500700	Dương Hoàng Bảo	Long	85	Tốt	
32	2501508	Lương Thành	Long	85	Tốt	
33	2501362	Nguyễn Nhật	Long	78	Khá	
34	2501528	Nguyễn Văn	Luân	85	Tốt	
35	2501346	Nguyễn Hồng	Minh	85	Tốt	
36	2501500	Nguyễn Nhật	Minh	78	Khá	
37	2501586	Đỗ Nguyễn Khôi	Nguyên	87	Tốt	
38	2501339	Hồ Quang	Ninh	85	Tốt	
39	2501514	Lê Đức	Phát	87	Tốt	
40	2501587	Lê Minh	Quang	88	Tốt	
41	2501387	Nguyễn Hữu	Quyết	92	XS	
42	2501593	Phạm Văn	Sâm	88	Tốt	
43	2501393	Vũ Xuân	Sâm	84	Tốt	
44	2501142	Nguyễn Văn	Thắng	87	Tốt	
45	2501538	Vũ Đức	Thắng	85	Tốt	
46	2500117	Ngô Chí	Thiện	80	Tốt	
47	2500308	Nguyễn Hữu	Thịnh	89	Tốt	
48	2501124	Hứa Quang	Trường	78	Khá	
49	2501630	Nguyễn Hữu	Trường	87	Tốt	
50	2501513	Nguyễn Anh	Tuấn	88	Tốt	
51	2502141	Hoàng Văn	Tùng	64	TB	
52	2501386	Nguyễn Hoàng	Tùng	84	Tốt	
53	2501505	Nguyễn Thế Hoàng	Việt	83	Tốt	
54	2501457	Phạm Thành	Vinh	87	Tốt	
55	2501390	Cao Tiến	Vũ	83	Tốt	
56	2500339	Đoàn Văn	Vũ	87	Tốt	
57	2501596	Trần Lê	Vũ	90	XS	
58	2501389	Hoàng Hải	Yến	90	XS	

89. Lớp DK16-SPCN

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ I		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2500568	Đào Thị Minh	Anh	91	XS	
2	2501162	Đinh Cao Mạnh	Cường	82	Tốt	
3	2501673	Nguyễn Thị	Hoa	87	Tốt	
4	2501338	Nguyễn Thái	Hưng	82	Tốt	
5	2501582	Nguyễn Khánh	Linh	98	XS	
6	2500808	Vũ Diệu	Linh	96	XS	
7	2500841	Hoàng Thị Cẩm	Ly	88	Tốt	
8	2501658	Đào Trà	My	85	Tốt	
9	2501235	Trần Hữu	Phong	75	Khá	
10	2501672	Ngô Như	Phụng	80	Tốt	

11	2500399	Đào Thu	Phương	93	XS	
12	2501382	Trần Văn	Tài	86	Tốt	
13	2500707	Trần Ngọc	Tiến	90	XS	
14	2501216	Nguyễn Huyền	Trang	82	Tốt	
15	2500487	Trần Quỳnh	Trang	86	Tốt	
16	2501503	Đỗ Tuấn	Tú	85	Tốt	
17	2500251	Cao Thái	Vân	90	XS	
18	2501668	Nguyễn Thị Thảo	Vân	92	XS	

90. Lớp DK16-L

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ I		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2501131	Dương Ngọc	Anh	86	Tốt	
2	2501042	Phạm Hà	Anh	93	XS	
3	2500354	Trần Hải	Anh	90	XS	
4	2501292	Trần Hoàng	Anh	85	Tốt	
5	2501180	Trần Ngô Gia	Bảo	85	Tốt	
6	2500689	Vũ Văn	Đại	82	Tốt	
7	2502147	Phạm Thành	Đạt	81	Tốt	
8	2501565	Trần Công	Định	70	Khá	
9	2500194	Vũ Thị Ánh	Dịu	91	XS	
10	2500255	Bùi Vũ Thùy	Dương	96	XS	
11	2501574	Nguyễn Hoàng	Gia	86	Tốt	
12	2500615	Nguyễn Việt	Hà	85	Tốt	
13	2501400	Mạc Đức	Hiếu	85	Tốt	
14	2501465	Bùi Quang	Huấn	75	Khá	
15	2501581	Cù Xuân	Hưng	85	Tốt	
16	2502151	Nguyễn Quốc	Huy	85	Tốt	
17	2500562	Đào Thị Hương	Lan	96	XS	
18	2501392	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	88	Tốt	
19	2500236	Hường Thành	Mạnh	70	Khá	
20	2501466	Phạm Bình	Minh	80	Tốt	
21	2500836	Nguyễn Đức Nguyên	Phong	85	Tốt	
22	2500856	Nguyễn Văn	Phong	83	Tốt	
23	2502132	Vũ Hoàng	Quân	85	Tốt	
24	2501462	Trần Đức	Tài	83	Tốt	
25	2501664	Nguyễn Quang	Thanh	80	Tốt	
26	2501532	Nguyễn Văn	Thành	83	Tốt	
27	2501699	Nguyễn Tiến	Trung	75	Khá	
28	2501251	Nguyễn Văn	Trường	85	Tốt	
29	2501515	Nguyễn Đức	Tuấn	83	Tốt	

91. Lớp DK16-M

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ I		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2500424	Phạm Thu	An	88	Tốt	
2	2501543	Bùi Thị Mai	Anh	81	Tốt	
3	2501230	Nguyễn Lan	Anh	87	Tốt	
4	2500101	Nguyễn Quỳnh	Anh	82	Tốt	
5	2500569	Vũ Thị Vân	Anh	97	XS	
6	2500452	Bùi Trí	Dũng	69	Khá	
7	2501300	Vũ Thị Thuỳ	Dương	85	Tốt	

8	2500125	Nguyễn Quỳnh	Hương	84	Tốt	
9	2500202	Đinh Thị	Hường	83	Tốt	
10	2501276	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	93	XS	
11	2501254	Vũ Khánh	Ly	82	Tốt	
12	2501191	Trần Ngọc	Mai	90	XS	
13	2501629	Nguyễn Thị	Nga	74	Khá	
14	2501579	Lại Mai	Phương	86	Tốt	
15	2500720	Nguyễn Thị	Tấm	93	XS	
16	2501631	Đặng Phương	Thảo	74	Khá	
17	2501567	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền	80	Tốt	

92. Lớp DK16-NTQ1

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ III		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2500200	Bùi Văn	An	65	Khá	
2	2500241	Hoàng Lan	Anh	83	Tốt	
3	2500162	Mai Ngọc	Anh	62	TB	
4	2500247	Nguyễn Nhật	Anh	75	Khá	
5	2500284	Nguyễn Quỳnh	Anh	77	Khá	
6	2500091	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	83	Tốt	
7	2500114	Trần Quỳnh	Anh	79	Khá	
8	2500196	Vũ Thị Phương	Anh	78	Khá	
9	2501524	Phạm Thành	Công	68	Khá	
10	2500997	Nguyễn Hoàng	Đức	74	Khá	
11	2500079	Nguyễn Ngọc	Đức	73	Khá	
12	2501090	Vũ Minh	Hiếu	64	TB	
13	2500134	Bùi Thị	Hoa	79	Khá	
14	2500098	Nguyễn Thị	Hồng	89	Tốt	
15	2500183	Nguyễn Ngọc	Khôi	69	Khá	
16	2500934	Đồng Thị Ngọc	Lan	79	Khá	
17	2500257	Trần Thị	Liên	84	Tốt	
18	2500132	Đinh Thị Thuỳ	Linh	85	Tốt	
19	2500103	Nguyễn Ngọc	Linh	85	Tốt	
20	2500110	Nguyễn Thị Khánh	Linh	86	Tốt	
21	2501603	Bùi Tiến	Long	63	TB	
22	2500267	Mai Tuấn	Long	64	TB	
23	2500178	Nguyễn Thị	Mai	79	Khá	
24	2500062	Vũ Thị Bình	Minh	90	XS	
25	2501577	Trần Thị Ánh	Ngọc	78	Khá	
26	2500250	Bế Thị Thảo	Nguyên	83	Tốt	
27	2500271	Vũ Thị	Oanh	84	Tốt	
28	2500112	Phạm Mai	Phương	79	Khá	
29	2500186	Phạm Thị Thu	Phương	77	Khá	
30	2500260	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	79	Khá	
31	2500268	Vũ Thị Thu	Quyên	78	Khá	
32	2500256	Ngô Như	Quỳnh	80	Tốt	
33	2501433	Nguyễn Trí	Thanh	91	XS	
34	2500144	Nguyễn Tiến	Thành	60	TB	
35	2500156	Phạm Thu	Thảo	83	Tốt	
36	2500222	Đào Thị	Thúy	78	Khá	
37	2501616	Vũ Sỹ	Tiến	85	Tốt	

38	2500384	Vũ Nguyễn Ngọc	Trâm	82	Tốt	
39	2500182	Nguyễn Thị Thu	Trang	64	TB	
40	2501136	Nguyễn Thuỳ	Trang	90	XS	
41	2500166	Phạm Thị Huyền	Trang	79	Khá	
42	2500232	Phạm Thị Huyền	Trang	85	Tốt	
43	2500282	Bành Đức	Trọng	60	TB	
44	2500600	Dương Minh	Tuân	60	TB	
45	2500106	Nguyễn Văn	Tuyên	60	TB	

93. Lớp DK16-NTQ2

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ I		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2501655	Vũ Thị Thuận	An	85	Tốt	
2	2500480	Đặng Thị Ngọc	Anh	78	Khá	
3	2501258	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	64	TB	
4	2501547	Vũ Phạm Hải	Anh	78	Khá	
5	2500463	Bùi Văn	Bình	63	TB	
6	2500411	Nguyễn Thị Ngọc	Châm	64	TB	
7	2501100	Trần Linh	Chi	78	Khá	
8	2500445	Bùi Ánh	Dương	90	XS	
9	2500325	Vũ Đức	Dương	64	TB	
10	2502108	Lê Văn Thành	Duy	83	Tốt	
11	2500474	Phan Thị Thanh	Hiền	85	Tốt	
12	2501648	Đào Thị	Hòa	90	XS	
13	2500395	Vũ Tuấn	Hoàng	68	Khá	
14	2500316	Nguyễn Thị Bích	Huế	80	Tốt	
15	2500433	Nguyễn Thị Thu	Hương	91	XS	
16	2501549	Phạm Thị	Hường	78	Khá	
17	2500497	Hoàng Ngô Tuấn	Kiên	67	Khá	
18	2500506	Nguyễn Ngọc	Linh	83	Tốt	
19	2500341	Tạ Thùy	Linh	78	Khá	
20	2500310	Vũ Việt	Linh	91	XS	
21	2500499	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	82	Tốt	
22	2501502	Lương Xuân	Mạnh	64	TB	
23	2500439	Trương Hà	My	85	Tốt	
24	2500449	Lê Trần Kim	Ngân	82	Tốt	
25	2500572	Nguyễn Thị	Ngọc	83	Tốt	
26	2500431	Đoàn Thị Như	Nguyệt	88	Tốt	
27	2500291	Lý Thị Bích	Nguyệt	85	Tốt	
28	2500330	Vũ Thị Mai	Phương	64	TB	
29	2500471	Huỳnh Thị Lệ	Quyên	77	Khá	
30	2500469	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	83	Tốt	
31	2500494	Nguyễn Hương	Quỳnh	80	Tốt	
32	2500397	Phạm Thị	Thắm	86	Tốt	
33	2500440	Nguyễn Phương	Thảo	78	Khá	
34	2502099	Nguyễn Thị Hương	Thảo	78	Khá	
35	2501611	Lê Thị	Thơm	64	TB	
36	2500442	Trần Thị Thu	Trang	72	Khá	
37	2501363	Vũ Thị Cẩm	Tú	78	Khá	

94. Lớp DK16-NTQ3

TT	Mã SV	Họ và tên	Kỳ I	Ghi chú

TT	Mã SV	Họ và tên		Điểm	XL	Ghi chú
1	2500635	Nguyễn Thị Lan	Anh	78	Khá	
2	2500731	Phạm Thị	Ánh	90	XS	
3	2500566	Nguyễn Ngọc Yến	Chi	80	Tốt	
4	2500745	Nguyễn Thị Quỳnh	Chi	70	Khá	
5	2500534	Vũ Thị Ngọc	Diễm	72	Khá	
6	2500784	Trần Thị Hương	Giang	78	Khá	
7	2500794	Vũ Thị Hương	Giang	60	TB	
8	2500648	Vũ Thị	Hảo	90	XS	
9	2500554	Nguyễn Thị	Hậu	78	Khá	
10	2500669	Lê Thị	Hồng	90	XS	
11	2500736	Nguyễn Mai	Hương	83	Tốt	
12	2500664	Nguyễn Thu	Hương	78	Khá	
13	2500727	Nguyễn Thu	Hương	80	Tốt	
14	2500661	Vũ Văn	Khiêm	60	TB	
15	2500768	Nguyễn Thị	Lệ	80	Tốt	
16	2500593	Hoàng Phương	Linh	78	Khá	
17	2500747	Nguyễn Hà	Linh	80	Tốt	
18	2500527	Nguyễn Khánh	Linh	72	Khá	
19	2500565	Nguyễn Phương	Linh	72	Khá	
20	2501589	Trần Duy	Long	55	TB	
21	2501624	Nông Thị Bích	Ngân	92	XS	
22	2500775	Đồng Minh	Ngọc	70	Khá	
23	2501203	Phạm Hồng	Ngọc	90	XS	
24	2500544	Trương Dương	Ngọc	70	Khá	
25	2500714	Nguyễn Ngọc Mai	Phương	78	Khá	
26	2500715	Lê Thanh	Thảo	72	Khá	
27	2500532	Nguyễn Thị Phương	Thảo	70	Khá	
28	2501489	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	80	Tốt	
29	2500304	Nguyễn Thị Thu	Thảo	80	Tốt	
30	2500741	Trần Thị	Thoa	80	Tốt	
31	2500559	Nguyễn Thị	Thuận	78	Khá	
32	2501488	Đoàn Thị	Thuý	60	TB	
33	2501237	Bùi Bích	Thủy	70	Khá	
34	2501137	Phạm Thị Minh	Thủy	70	Khá	
35	2500863	Đỗ Huyền	Trang	80	Tốt	
36	2500515	Phạm Thị Huyền	Trang	80	Tốt	
37	2500520	Đồng Văn	Trường	60	TB	
38	2501068	Nguyễn Cẩm	Tú	75	Khá	
39	2501063	Nguyễn Thế	Vinh	70	Khá	

95. Lớp DK16-NTQ4

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ I		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2500979	Cao Vũ Phương	Anh	81	Tốt	
2	2500819	Đồng Thị Phương	Anh	81	Tốt	
3	2500829	Phương Tú	Anh	90	XS	
4	2500875	Trần Nhật	Anh	90	XS	
5	2501487	Trần Phương	Anh	70	Khá	
6	2500963	Trương Thị Minh	Anh	90	XS	
7	2500816	Trương Ngọc	Ánh	81	Tốt	

8	2500970	Vũ Thị Ngọc	Ánh	81	Tốt	
9	2501049	Đỗ Thị Hải	Chuyền	90	XS	
10	2500835	Đồng Thị Mỹ	Duyên	81	Tốt	
11	2500968	Phạm Thị Trà	Giang	80	Tốt	
12	2500897	Trần Trường	Giang	80	Tốt	
13	2500813	Ngô Thị	Hoài	80	Tốt	
14	2501109	Lý Thu	Hương	74	Khá	
15	2500960	Nguyễn Thị	Hương	74	Khá	
16	2500974	Nhữ Thị Khánh	Huyền	81	Tốt	
17	2500954	Nguyễn Phương	Lan	78	Khá	
18	2501004	Nguyễn Thị	Lan	81	Tốt	
19	2502097	Phương Thị Hương	Lan	87	Tốt	
20	2501002	Đỗ Thị Thanh	Lê	80	Tốt	
21	2501628	Nguyễn Hải	Linh	88	Tốt	
22	2500824	Đỗ Xuân	Mai	82	Tốt	
23	2500149	Nguyễn Thị	Mai	80	Tốt	
24	2500870	Đặng Hồng Ngọc	My	74	Khá	
25	2500901	Nguyễn Thị Trà	My	70	Khá	
26	2501003	Nguyễn Thị	Nga	73	Khá	
27	2500847	Trương Đại	Nghĩa	74	Khá	
28	2500943	Nguyễn Thị Khánh	Ngọc	83	Tốt	
29	2500926	Ngô Yến	Nhi	81	Tốt	
30	2501461	Nguyễn Phương	Nhi	85	Tốt	
31	2500420	Phạm Quỳnh	Nhi	77	Khá	
32	2500955	Nguyễn Minh	Tân	82	Tốt	
33	2500981	Vũ Xuân	Thành	64	TB	
34	2501130	Nguyễn Thị	Thảo	83	Tốt	
35	2500906	Nguyễn Vũ Bảo	Thy	85	Tốt	
36	2500944	Nguyễn Thị	Tiến	82	Tốt	
37	2501551	Lê Thị Quỳnh	Trang	79	Khá	
38	2501480	Ngô Quỳnh	Trang	84	Tốt	
39	2500853	Nguyễn Thị Thuỳ	Trang	83	Tốt	
40	2500828	Vương Thu	Trang	80	Tốt	
41	2500083	Đỗ Thị Kim	Tuyến	74	Khá	

96. Lớp DK16-NTQ5

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ I		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2501166	Hoàng Ngọc	Anh	91	XS	
2	2500089	Trần Thị Phương	Anh	77	Khá	
3	2501107	Vũ Ngọc	Anh	86	Tốt	
4	2500120	Vương Tuyết	Anh	85	Tốt	
5	2501157	Lương Thị Ngọc	Ánh	89	Tốt	
6	2500073	Nguyễn Diệu	Cầm	84	Tốt	
7	2501163	Bùi Vũ Minh	Châu	83	Tốt	
8	2501172	Nguyễn Vũ Hải	Đăng	75	Khá	
9	2501164	Phạm Thuỳ	Dương	85	Tốt	
10	2501053	Nguyễn Thị Thu	Hà	85	Tốt	
11	2501045	Nguyễn Thanh	Hiền	94	XS	
12	2501169	Nguyễn Thu	Huyền	83	Tốt	
13	2501168	Phạm Văn	Khiên	78	Khá	

14	2501110	Hoàng Thị Phương	Linh	76	Khá	
15	2501209	Nguyễn Thị Hoàng	Linh	85	Tốt	
16	2500987	Nguyễn Vũ Khánh	Linh	81	Tốt	
17	2501622	Hoàng Bảo	Long	80	Tốt	
18	2500792	Nguyễn Thị Xuân	Mai	85	Tốt	
19	2501198	Nông Văn	Mạnh	84	Tốt	
20	2501159	Lê Nguyễn Nhật	Minh	76	Khá	
21	2501179	Hoàng Hà	My	83	Tốt	
22	2501034	Khưu Phan Thảo	Nghi	77	Khá	
23	2501015	Hoàng Minh	Ngọc	82	Tốt	
24	2500713	Nguyễn Hồng	Ngọc	90	XS	
25	2501194	Triệu Hoàng Thảo	Nguyên	77	Khá	
26	2501125	Hoàng Yến	Nhi	85	Tốt	
27	2501010	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	85	Tốt	
28	2500642	Nguyễn Thị Xuân	Nhi	82	Tốt	
29	2501127	Nguyễn Thị Xuân	Nhi	96	XS	
30	2501119	Bùi Mai	Phương	82	Tốt	
31	2501135	Nguyễn Diệu	Phương	85	Tốt	
32	2501197	Trần Sinh	Thành	86	Tốt	
33	2501206	Nguyễn Phương	Thảo	89	Tốt	
34	2501088	Nguyễn Thị Phương	Thảo	88	Tốt	
35	2501324	Nguyễn Thị Hoài	Thu	90	XS	
36	2501490	Trần Thu	Thuỷ	86	Tốt	
37	2501552	Đoàn Phương	Uyên	81	Tốt	
38	2502089	Tăng Khánh	Vy	85	Tốt	
39	2500909	Đường Phạm Hải	Yến	81	Tốt	
40	2500823	Phạm Hải	Yến	82	Tốt	
41	2501529	Vũ Thị Bảo	Yến	84	Tốt	

97. Lớp DK16-NTQ6

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ I		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2501284	Nguyễn Khánh	An	73	Khá	
2	2501252	Bùi Duy	Anh	73	Khá	
3	2501689	Bùi Thị Ngọc	Anh	73	Khá	
4	2501007	Đào Cẩm	Anh	83	Tốt	
5	2501316	Nguyễn Thị Phương	Anh	69	Khá	
6	2501395	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	90	XS	
7	2501637	Nguyễn Thị	Ánh	90	XS	
8	2500318	Phạm Ngọc	Ánh	73	Khá	
9	2501223	Hoàng Thái	Bảo	75	Khá	
10	2501233	Đoàn Thanh	Bình	83	Tốt	
11	2501404	Nguyễn Thế	Đạt	69	Khá	
12	2501260	Đỗ Thị Ngọc	Diệp	87	Tốt	
13	2500989	Hoàng Việt	Đức	88	Tốt	
14	2501262	Nguyễn Hoàng	Dương	73	Khá	
15	2502320	Ninh Thị Mỹ	Duyên	73	Khá	
16	2500678	Nguyễn Hải	Hà	80	Tốt	
17	2501305	Nguyễn Văn	Hải	73	Khá	
18	2500651	Nguyễn Thị Ngọc	Hoà	83	Tốt	
19	2500937	Mạc Thị Thu	Hương	85	Tốt	

20	2501332	Dương Thị	Huyền	69	Khá	
21	2501307	Nguyễn Khánh	Huyền	88	Tốt	
22	2501334	Nguyễn Thị Thu	Huyền	84	Tốt	
23	2501301	Diệp Văn	Khương	73	Khá	
24	2501297	Nguyễn Thị	Linh	73	Khá	
25	2501613	Nguyễn Thị Nhật	Linh	83	Tốt	
26	2501379	Nguyễn Thị Thùy	Linh	73	Khá	
27	2501035	Nguyễn Thùy	Linh	80	Tốt	
28	2501380	Vũ Phạm Phương	Linh	87	Tốt	
29	2500423	Hà Cẩm	Ly	85	Tốt	
30	2500807	Nguyễn Khánh	Ly	80	Tốt	
31	2501409	Nguyễn Hoài	Nam	69	Khá	
32	2500332	Hoàng Thúy	Nga	85	Tốt	
33	2501212	Nguyễn Thị Hà	Ngân	80	Tốt	
34	2501446	Đỗ Mai Hồng	Ngọc	95	XS	
35	2501447	Lê Bảo	Ngọc	80	Tốt	
36	2502223	Đoàn Uyển	Nhi	88	Tốt	
37	2501416	Phạm Ngọc Linh	Nhi	90	XS	
38	2501330	Đỗ Phương	Nhung	89	Tốt	
39	2501211	Đặng Hồng	Quyên	80	Tốt	
40	2501340	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	73	Khá	
41	2501361	Nguyễn Hồ Trường	Sơn	84	Tốt	
42	2500205	Đặng Thanh	Thảo	73	Khá	
43	2500952	Hoàng Thị Phương	Thảo	90	XS	
44	2501093	Mai Sơn	Vĩ	85	Tốt	
45	2501270	Thái Thị	Yến	73	Khá	

98. Lớp DK16-QTDL

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ I		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2500666	Nguyễn Việt	Anh	82	Tốt	
2	2501561	Trần Quốc	Anh	80	Tốt	
3	2501118	Trần Thị Quỳnh	Anh	82	Tốt	
4	2501364	Trương Kim	Anh	82	Tốt	
5	2500967	Nguyễn Mạnh	Bảo	70	Khá	
6	2500567	Phan Nguyễn Quỳnh	Chi	85	Tốt	
7	2500292	Nguyễn Chiến	Công	87	Tốt	
8	2501542	Nguyễn Văn	Đức	64	TB	
9	2500845	Đỗ Văn Tiến	Dũng	80	Tốt	
10	2500571	Nguyễn Văn	Dương	80	Tốt	
11	2500303	Nguyễn Thị Thanh	Hà	87	Tốt	
12	2500778	Nguyễn Đình	Hiến	64	TB	
13	2502319	Nguyễn Thúy	Hiền	89	Tốt	
14	2501436	Đỗ Đình	Hưng	80	Tốt	
15	2501653	Ngô Trung	Kiên	67	Khá	
16	2500850	Nguyễn Thị	Lan	82	Tốt	
17	2500138	Nguyễn Thị Phương	Linh	82	Tốt	
18	2500695	Nguyễn Thị Trà	My	85	Tốt	
19	2500621	Nguyễn Thị Kim	Ngân	90	XS	
20	2500576	Hoàng Thị	Nhàn	84	Tốt	
21	2501595	Nguyễn Minh	Nhật	84	Tốt	

22	2500369	Phạm Nguyễn Như	Quỳnh	83	Tốt	
23	2500413	Đặng Văn	Thuận	90	XS	
24	2501288	Đỗ Thị	Trang	83	Tốt	
25	2501225	Vũ Anh	Tuấn	70	Khá	

99. Lớp DK16-NA

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ I		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2501009	Trần Thị Minh	Anh	88	Tốt	
2	2501556	Trịnh Khánh	Chi	91	XS	
3	2500335	Lương Đức	Dũng	96	XS	
4	2502179	Nguyễn Thị Thùy	Dương	86	Tốt	
5	2502166	Trần Thị Yến	Hoa	91	XS	
6	2501576	Đỗ Thị Huyền	Linh	87	Tốt	
7	2500774	Phạm Hiếu	Nghĩa	94	XS	
8	2500064	Nguyễn Hoàng Yến	Ngọc	84	Tốt	
9	2500539	Vũ Đình	Quang	98	XS	
10	2500492	Lưu Thị	Thành	86	Tốt	

100. Lớp DK16-SPTQ

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ I		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2500408	Nguyễn Lê Tiểu	Anh	86	Tốt	
2	2500380	Phạm Thị Minh	Châu	95	XS	
3	2501220	Đinh Ngọc	Diệp	90	XS	
4	2500933	Phạm Đỗ Bảo	Giang	95	XS	
5	2500422	Vũ Ngọc	Hà	75	Khá	
6	2500595	Nguyễn Ngọc	Hân	88	Tốt	
7	2501407	Trần Thị Khánh	Huyền	90	XS	
8	2500225	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	90	XS	
9	2501147	Tống Hà	Ly	90	XS	
10	2500094	Bùi Quang	Mạnh	89	Tốt	
11	2501575	Nguyễn Đức	Mạnh	86	Tốt	
12	2501146	Hoàng Quỳnh	Nga	90	XS	
13	2500852	Nguyễn Quỳnh	Nga	88	Tốt	
14	2500306	Nguyễn Thị Kim	Ngân	89	Tốt	
15	2500475	Nguyễn Thị Phương	Thảo	89	Tốt	
16	2501388	La Diệu	Trang	89	Tốt	
17	2501453	Phạm Thị Thuỳ	Trang	89	Tốt	
18	2501181	Hoàng Đình	Trung	89	Tốt	
19	2500482	Dương Ngọc Như	Ý	90	XS	
20	2500941	Nguyễn Hải	Yến	89	Tốt	

101. Lớp DK16-OTO1

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ I		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2500210	Hà Việt	Anh	70	Khá	
2	2500301	Lê Thế	Anh	82	Tốt	
3	2500214	Nguyễn Nhật	Anh	80	Tốt	
4	2501646	Phạm Đức	Anh	75	Khá	
5	2500167	Trần Tiến	Anh	70	Khá	
6	2501445	Vũ Văn Tuấn	Anh	80	Tốt	
7	2502102	Đặng Tiến	Bình	65	Khá	

8	2501152	Phạm Văn	Cảnh	85	Tốt	
9	2501705	Nguyễn Đức	Chiến	85	Tốt	
10	2500118	Bùi Văn	Chung	68	Khá	
11	2501642	Nguyễn Đắc	Chung	75	Khá	
12	2500077	Ngô Hữu	Công	65	Khá	
13	2500163	Phùng Anh	Cường	80	Tốt	
14	2500315	Bùi Duy	Đại	80	Tốt	
15	2500175	Trần Thế	Đại	75	Khá	
16	2501432	Trần Hải	Đăng	65	Khá	
17	2500298	Nguyễn Văn	Đạt	80	Tốt	
18	2501413	Nguyễn Duy	Đoàn	80	Tốt	
19	2500290	Nguyễn Trọng	Đoàn	85	Tốt	
20	2500177	Đào Minh	Đức	95	XS	
21	2500386	Vương Quang	Dũng	70	Khá	
22	2500383	Nguyễn Văn Quốc	Dương	80	Tốt	
23	2500286	Phạm Quốc	Duy	75	Khá	
24	2500375	Nguyễn Hoàng	Giang	70	Khá	
25	2500248	Dương Hoàng	Hà	70	Khá	
26	2501451	Ngô Duy	Hoàng	82	Tốt	
27	2500100	Phạm Việt	Hoàng	70	Khá	
28	2500122	Nguyễn Văn	Hợi	90	XS	
29	2500405	Quản Văn	Hợi	82	Tốt	
30	2501563	Vũ Quang	Hợi	60	TB	
31	2500165	Vũ Văn	Hợi	70	Khá	
32	2501659	Phan Văn	Khải	80	Tốt	
33	2500377	Nguyễn Hoàng	Lâm	60	TB	
34	2500071	Nguyễn Văn Thành	Lâm	90	XS	
35	2500157	Vũ Hải	Long	70	Khá	
36	2500319	Vũ Mạnh	Long	85	Tốt	
37	2500217	Lê Đức	Mạnh	80	Tốt	
38	2501605	Đặng Nhật	Minh	76	Khá	
39	2500283	Trần Nhật	Minh	80	Tốt	
40	2500294	Đặng Phương	Nam	60	TB	
41	2500295	Nguyễn Thế	Nam	75	Khá	
42	2502358	Lương Công	Phong	80	Tốt	
43	2501599	Bùi Quý	Phú	74	Khá	
44	2500197	Trần Văn	Phú	64	TB	
45	2500231	Vũ Đình Minh	Phú	70	Khá	
46	2500213	Nguyễn Minh	Quân	80	Tốt	
47	2500313	Trần Minh	Quang	80	Tốt	
48	2500095	Mạc Thanh	Sơn	78	Khá	
49	2500229	Nguyễn Trọng	Tấn	68	Khá	
50	2500406	Nguyễn Trung	Thái	80	Tốt	
51	2500105	Đinh Văn	Thắng	68	Khá	
52	2500373	Nguyễn Quang	Thanh	80	Tốt	
53	2500345	Nguyễn Công	Thành	64	TB	
54	2500407	Phạm Văn	Thành	76	Khá	
55	2500227	Vũ Minh	Thành	80	Tốt	
56	2500173	Nguyễn Hải	Tiến	76	Khá	
57	2500396	Trịnh Khắc	Toàn	70	Khá	

58	2500329	Nhữ Đức	Trung	66	Khá	
59	2500181	Nguyễn Anh	Truyền	70	Khá	
60	2500133	Đồng Anh	Tuấn	92	XS	
61	2500107	Phùng Đức	Tùng	76	Khá	
62	2501684	Phạm Công	Vinh	90	XS	

101. Lớp DK16-OTO2

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ I		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2500518	Hà Hải	Anh	76	Khá	
2	2501367	Hoàng Thế	Anh	85	Tốt	
3	2500500	Lê Đức	Anh	63	TB	
4	2500672	Lê Nguyễn Quang	Anh	63	TB	
5	2500654	Nguyễn Duy	Anh	76	Khá	
6	2500444	Nguyễn Tùng	Anh	63	TB	
7	2500393	Tăng Văn Phúc	Anh	85	Tốt	
8	2500540	Tiêu Hà	Bắc	93	XS	
9	2500602	Phạm Công	Bằng	76	Khá	
10	2500461	Nguyễn Huy	Biển	76	Khá	
11	2500634	Hoàng Công	Chiến	82	Tốt	
12	2502145	Lê Lâm	Chính	83	Tốt	
13	2501588	Nguyễn Mậu	Chương	83	Tốt	
14	2501507	Hà Vũ Mạnh	Cường	83	Tốt	
15	2500660	Lê Đức	Dũng	83	Tốt	
16	2500605	Mạc Anh	Dũng	62	TB	
17	2500446	Mai Mạnh	Dũng	83	Tốt	
18	2500655	Ngô Minh	Dũng	62	TB	
19	2500555	Vũ Việt	Dũng	76	Khá	
20	2500588	Nguyễn Anh	Dương	76	Khá	
21	2500629	Nguyễn Thái	Dương	76	Khá	
22	2500513	Nguyễn Đình	Duy	82	Tốt	
23	2500526	Nguyễn Văn	Duy	82	Tốt	
24	2500690	Phạm Khánh	Duy	76	Khá	
25	2501469	Vũ Đức	Duy	76	Khá	
26	2501420	Đặng Vũ	Hà	82	Tốt	
27	2501535	Nguyễn Văn	Hiệp	85	Tốt	
28	2500409	Nguyễn Văn	Hiếu	45	Yếu	
29	2500561	Vũ Văn	Hiếu	82	Tốt	
30	2500620	Phạm Tô Xuân	Hiệu	82	Tốt	
31	2501615	Mai Huy	Hoàng	62	TB	
32	2500417	Trương Văn	Hùng	76	Khá	
33	2500641	Vũ Việt	Hùng	62	TB	
34	2501472	Hoàng Việt	Hưng	85	Tốt	
35	2501570	Lữ Ngọc Nam	Hưng	76	Khá	
36	2500668	Nguyễn Việt	Hưng	61	TB	
37	2500421	Đào Quang	Huy	82	Tốt	
38	2500404	Nguyễn Hữu	Huy	82	Tốt	
39	2500531	Phạm Duy	Khánh	82	Tốt	
40	2500462	Vũ Gia	Khánh	82	Tốt	
41	2500535	Nguyễn Anh	Khoa	76	Khá	
42	2500467	Nguyễn Trọng	Khoa	62	TB	

43	2500391	Nguyễn Trung	Kiên	83	Tốt	
44	2500606	Nguyễn Trung	Kiên	62	TB	
45	2500479	Hoàng Việt	Long	85	Tốt	
46	2500455	Nguyễn Đức	Long	82	Tốt	
47	2500721	Phạm Hoàng	Long	76	Khá	
48	2500722	Phạm Duy	Mạnh	83	Tốt	
49	2500116	Hoàng Hoài	Nam	82	Tốt	
50	2500564	Nguyễn Vũ	Nam	82	Tốt	
51	2500242	Nguyễn Văn	Năng	76	Khá	
52	2500711	Đào Nguyễn Hải	Ninh	83	Tốt	
53	2500612	Lương Xuân	Phú	93	XS	
54	2500639	Nguyễn Văn	Phú	82	Tốt	
55	2500549	Phạm Bá	Phú	85	Tốt	
56	2500524	Đặng Tiến	Quang	82	Tốt	
57	2500581	Vũ Bảo	Quốc	85	Tốt	
58	2500665	Nguyễn Qui	Sơn	76	Khá	
59	2501608	Nguyễn Thế	Sơn	62	TB	
60	2501620	Nguyễn Quang	Thắng	62	TB	
61	2500640	Hoàng Văn	Thùy	76	Khá	
62	2500556	Vũ Đức	Tính	62	TB	
63	2501085	Vũ Quốc	Trọng	76	Khá	

102. Lớp DK16-OTO3

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ I		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2500791	Hoàng Việt	Bắc	79	Khá	
2	2500738	Hồ Gia	Bách	88	Tốt	
3	2500969	Nguyễn Bá	Bằng	90	XS	
4	2500830	Hà Đức	Chung	79	Khá	
5	2502094	Nguyễn Thành	Đạt	75	Khá	
6	2501027	Nguyễn Tiến	Đạt	89	Tốt	
7	2501667	Nguyễn Tiến	Đạt	89	Tốt	
8	2500962	Vũ Nguyễn Tuấn	Đạt	75	Khá	
9	2500728	Đào Bá	Đoàn	75	Khá	
10	2500772	Trần Duy	Đức	75	Khá	
11	2500616	Trần Văn	Đức	75	Khá	
12	2500888	Nguyễn Quang	Dũng	88	Tốt	
13	2500866	Nguyễn Tiến	Dũng	88	Tốt	
14	2500857	Phạm Tiến	Dũng	75	Khá	
15	2500978	Trần Đức	Dũng	88	Tốt	
16	2500701	Đặng Ngọc	Dương	85	Tốt	
17	2500842	Nguyễn Tùng	Dương	75	Khá	
18	2500977	Trần Đức Thái	Dương	75	Khá	
19	2500947	Phạm Anh	Duy	90	XS	
20	2500758	Ngô Duy	Giáp	85	Tốt	
21	2500915	Phạm Ngọc	Hiệp	85	Tốt	
22	2500837	Bùi Trung	Hiếu	75	Khá	
23	2500884	Bùi Trung	Hiếu	85	Tốt	
24	2500912	Hà Việt	Hiếu	89	Tốt	
25	2500900	Nguyễn Ngọc	Hiếu	75	Khá	
26	2500645	Trương Văn	Hiệu	88	Tốt	

27	2500919	Bùi Việt	Hoàng	88	Tốt	
28	2502167	Nguyễn Vũ Minh	Hoàng	85	Tốt	
29	2500887	Từ Minh	Huân	85	Tốt	
30	2500508	Trần Ngọc	Huấn	75	Khá	
31	2500752	Đặng Việt	Hưng	89	Tốt	
32	2500882	Mạc Đình	Hưng	89	Tốt	
33	2500811	Nguyễn Duy	Hưng	89	Tốt	
34	2500833	Đỗ Đình	Hưởng	90	XS	
35	2501317	Phạm Đức	Huy	70	Khá	
36	2502171	Vũ Quốc	Huy	85	Tốt	
37	2500785	Trần Quang	Khải	75	Khá	
38	2500910	Dương Văn	Khanh	85	Tốt	
39	2501512	Bùi Duy	Khánh	79	Khá	
40	2501193	Nguyễn Đức	Khánh	95	XS	
41	2500942	Nguyễn Duy Nam	Khánh	75	Khá	
42	2501403	Nguyễn Ngọc	Khánh	89	Tốt	
43	2501437	Nguyễn Tùng	Lâm	75	Khá	
44	2500691	Bùi Nguyễn Duy	Long	85	Tốt	
45	2500739	Hoàng Hồng	Minh	85	Tốt	
46	2500746	Phạm Văn	Minh	90	XS	
47	2500983	Diệp Hồng	Nam	75	Khá	
48	2500814	Vương Kiều	Phong	85	Tốt	
49	2500805	Nguyễn Đình	Phúc	85	Tốt	
50	2501302	Nguyễn Hoàng Minh	Quân	75	Khá	
51	2500895	Lê Duy	Quang	85	Tốt	
52	2501319	Đặng Huy	Quyết	79	Khá	
53	2500699	Đỗ Đức	Sơn	75	Khá	
54	2500820	Nguyễn Quốc Anh	Tài	79	Khá	
55	2500783	Nguyễn Văn	Tài	85	Tốt	
56	2501533	Đặng Văn	Tấn	90	XS	
57	2500859	Tạ Văn	Thành	85	Tốt	
58	2500726	Đào Văn	Tiến	85	Tốt	
59	2501510	Hứa Duy	Tiến	85	Tốt	
60	2500905	Nguyễn Văn	Tiến	89	Tốt	
61	2500953	Nguyễn Gia	Trọng	85	Tốt	
62	2500918	Nguyễn Anh	Tú	88	Tốt	
63	2500724	Mạc Quang	Tuyến	75	Khá	
64	2500740	Phạm Đình	Tuyền	69	Khá	
65	2500800	Vũ Duy	Việt	90	XS	
66	2500638	Tăng Thế	Vinh	89	Tốt	
67	2500579	Nguyễn Hoàng	Vũ	90	XS	

103. Lớp DK16-OTO4

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ I		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2501160	Bùi Đoàn Thái	An	75	Khá	
2	2500985	Đoàn Việt	Anh	75	Khá	
3	2501342	Nguyễn Duy	Anh	75	Khá	
4	2501328	Nguyễn Duy Việt	Anh	70	Khá	
5	2501154	Nguyễn Hùng	Anh	80	Tốt	
6	2501277	Nguyễn Tuấn	Anh	70	Khá	

7	2501039	Nguyễn Xuân	Bắc	75	Khá	
8	2501150	Đinh Đăng	Biển	90	XS	
9	2501037	Lê Phúc	Cường	90	XS	
10	2501199	Nguyễn Đức	Cường	80	Tốt	
11	2501036	Nguyễn Mạnh	Cường	80	Tốt	
12	2501268	Nguyễn Minh	Cường	90	XS	
13	2501374	Yên Quang	Đại	80	Tốt	
14	2501670	Khổng Quốc	Đạt	70	Khá	
15	2501349	Nguyễn Quang	Đạt	80	Tốt	
16	2501217	Nguyễn Tiến	Đạt	80	Tốt	
17	2501520	Nguyễn Tiến	Đạt	75	Khá	
18	2502096	Nguyễn Tiến	Đạt	60	TB	
19	2501126	Hồ Hải	Đông	90	XS	
20	2501079	Vũ Việt	Dũng	90	XS	
21	2501017	Phan Hoàng	Hải	70	Khá	
22	2501201	Nguyễn Kim	Hiệp	90	XS	
23	2501080	Đào Xuân	Hiếu	75	Khá	
24	2501032	Hoàng Văn	Hinh	75	Khá	
25	2502283	Nguyễn Việt	Hoàng	75	Khá	
26	2501038	Lê Đức	Huy	45	Yếu	
27	2501111	Nguyễn Gia	Huy	90	XS	
28	2501202	Mạc Nguyễn Gia	Linh	80	Tốt	
29	2501046	Nguyễn Thành	Lộc	90	XS	
30	2501174	Phạm Bá Quang	Long	75	Khá	
31	2501016	Phạm Huy	Long	75	Khá	
32	2501117	Hà Đức	Lương	80	Tốt	
33	2501259	Bùi Huy	Mạnh	80	Tốt	
34	2501229	Cao Văn	Mạnh	80	Tốt	
35	2501014	Chu Phạm Hoàng	Nguyên	80	Tốt	
36	2501343	Phạm Văn	Phát	60	TB	
37	2501266	Đỗ Hồng	Phong	60	TB	
38	2501115	Vũ Đại	Phong	90	XS	
39	2501265	Lê Việt	Phúc	60	TB	
40	2501674	Nguyễn Minh	Phúc	45	Yếu	
41	2501185	Lê Minh	Quân	80	Tốt	
42	2501184	Đỗ Đức	Quang	75	Khá	
43	2501623	Bùi Văn	Sơn	75	Khá	
44	2501108	Nguyễn Đức	Sơn	80	Tốt	
45	2501621	Phạm Đình	Sơn	80	Tốt	
46	2501215	Nguyễn Trọng	Tấn	90	XS	
47	2501096	Đào Minh	Thái	60	TB	
48	2500826	Vũ Danh	Thái	80	Tốt	
49	2502101	Bùi Duy	Thành	75	Khá	
50	2502296	Bùi Sĩ	Thành	80	Tốt	
51	2501011	Nguyễn Văn	Thành	80	Tốt	
52	2501402	Vũ Trường	Thành	45	Yếu	
53	2501371	Nguyễn Văn	Toàn	75	Khá	
54	2501278	Lê Huy	Tú	75	Khá	
55	2501526	Nguyễn Minh	Tú	80	Tốt	
56	2501128	Nguyễn Văn	Tú	60	TB	

57	2501418	Trần Công	Tú	75	Khá	
58	2501092	Nguyễn Quốc	Tuấn	80	Tốt	
59	2501428	Nguyễn Văn	Vũ	80	Tốt	

104. Lớp DK16-QTKD

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ I		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2500371	Nguyễn Huỳnh Lan	Anh	79	Khá	
2	2501592	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	82	Tốt	
3	2501272	Vũ Hoàng	Anh	87	Tốt	
4	2500501	Hà Thị Ngọc	Ánh	89	Tốt	
5	2500831	Hoàng Ngọc	Ánh	80	Tốt	
6	2500147	Nguyễn Tử Băng	Châu	85	Tốt	
7	2500191	Nguyễn Đức	Đông	92	XS	
8	2500656	Trần Thị	Giang	86	Tốt	
9	2502130	Đỗ Thị Thu	Hà	78	Khá	
10	2500351	Nguyễn Thị	Hà	84	Tốt	
11	2501325	Lê Thị Khánh	Hạ	86	Tốt	
12	2500108	Hoàng Công	Hải	85	Tốt	
13	2501636	Đặng Thu	Hiền	86	Tốt	
14	2500388	Nguyễn Thị Thu	Hoài	90	XS	
15	2501056	Nguyễn Kim	Huệ	92	XS	
16	2500342	Lê Thị Lan	Hương	81	Tốt	
17	2500858	Nguyễn Mai	Hương	81	Tốt	
18	2502161	Nguyễn Đặng Phú	Khang	10	Kém	
19	2500744	Đào Văn Tuấn	Kiệt	85	Tốt	
20	2501303	Lê Hoàng Mai	Lan	86	Tốt	
21	2501679	Nguyễn Thị	Lan	85	Tốt	
22	2501694	Nguyễn Thị Bích	Liên	86	Tốt	
23	2501422	Đỗ Thị Khánh	Linh	85	Tốt	
24	2501440	Nguyễn Thị Khánh	Linh	85	Tốt	
25	2501530	Trần Thị Khánh	Linh	92	XS	
26	2500608	Vũ Thị Thùy	Linh	88	Tốt	
27	2501294	Nguyễn Tất	Minh	87	Tốt	
28	2501207	Nguyễn Thị Khánh	Ngân	89	Tốt	
29	2500223	Nguyễn Thị Kim	Ngân	85	Tốt	
30	2500998	Nguyễn Thị Thuý	Ngân	89	Tốt	
31	2501116	Phạm Dũng	Ngân	73	Khá	
32	2502354	Đỗ Thị Ngọc	Như	80	Tốt	
33	2500921	Đặng Thị	Phương	86	Tốt	
34	2500355	Phạm Nguyễn Nam	Phương	85	Tốt	
35	2501112	Nguyễn Thế	Quang	78	Khá	
36	2500448	Phạm Đức	Quang	80	Tốt	
37	2501492	Trần Thị Lệ	Quyên	82	Tốt	
38	2501493	Lương Trung	Thanh	10	Kém	
39	2501661	Trịnh Thị	Thu	82	Tốt	
40	2501290	Đào Thị Anh	Thư	88	Tốt	
41	2500190	Nguyễn Ngọc	Tiệp	76	Khá	
42	2501122	Đoàn Hà	Trang	10	Kém	
43	2500410	Nguyễn Văn	Tú	10	Kém	
44	2502165	Trần Hà	Vy	81	Tốt	

105. Lớp DK16-KT

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ I		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2501635	Nguyễn Bình	An	85	Tốt	
2	2500154	Đào Hải	Anh	86	Tốt	
3	2501527	Đoàn Vân	Anh	84	Tốt	
4	2501188	Dương Thùy	Anh	85	Tốt	
5	2500451	Nguyễn Phương	Anh	90	XS	
6	2501378	Nguyễn Thị Minh	Anh	85	Tốt	
7	2500272	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	85	Tốt	
8	2500529	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	85	Tốt	
9	2500199	Lê Thị Ngọc	Ánh	85	Tốt	
10	2501293	Đồng Ngọc	Diệp	83	Tốt	
11	2500839	Phạm Thị	Diệu	84	Tốt	
12	2501430	Nguyễn Thị Thùy	Dung	88	Tốt	
13	2500771	Nguyễn Trường	Giang	90	XS	
14	2500844	Đặng Thị	Hiền	84	Tốt	
15	2500762	Phạm Thị Thanh	Hiền	83	Tốt	
16	2501651	Nguyễn Thị Xuân	Hoa	87	Tốt	
17	2501415	Lê Thanh	Huế	86	Tốt	
18	2500447	Lê Thị Thu	Huyền	87	Tốt	
19	2500889	Lý Thị Thanh	Huyền	86	Tốt	
20	2501555	Nguyễn Thị	Lan	86	Tốt	
21	2500796	Dương Hiểu	Linh	88	Tốt	
22	2502371	Dương Quyền	Linh	75	Khá	
23	2500717	Hoàng Khánh	Linh	83	Tốt	
24	2501280	Nguyễn Ngọc	Linh	84	Tốt	
25	2501312	Trần Thuỳ	Linh	83	Tốt	
26	2500653	Vũ Thùy	Linh	87	Tốt	
27	2500357	Nguyễn Khánh	Ly	83	Tốt	
28	2501594	Vũ Nhật	Ly	74	Khá	
29	2501396	Nguyễn Ngọc	Mai	86	Tốt	
30	2501103	Trần Thị Hương	Mai	85	Tốt	
31	2500753	Đỗ Trọng	Nghĩa	64	TB	
32	2501062	Bùi Mai	Nhật	86	Tốt	
33	2501376	Đặng Văn	Nhật	84	Tốt	
34	2501098	Hoàng Thị Diễm	Quỳnh	84	Tốt	
35	2500542	Lê Vũ Như	Quỳnh	86	Tốt	
36	2501248	Vũ Thị Như	Quỳnh	90	XS	
37	2500614	Tô Thị	Thanh	86	Tốt	
38	2500598	Lê Phương	Thảo	83	Tốt	
39	2500224	Vũ Thanh	Thảo	81	Tốt	
40	2501633	Vũ Hồng	Thoa	86	Tốt	
41	2500198	Dương Quỳnh	Thu	86	Tốt	
42	2501450	Phạm Thị	Thu	88	Tốt	
43	2501649	Trần Thị Diệu	Thuần	82	Tốt	
44	2500558	Trương Thị Hoài	Thương	89	Tốt	
45	2500390	Nguyễn Thị Bích	Trang	84	Tốt	
46	2501238	Vũ Thị Hoàng	Vân	84	Tốt	
47	2500364	Khúc Khánh	Vy	83	Tốt	

48	2500185	Tường	Vy	85	Tốt	
49	2500809	Hoàng Thị Hải	Yến	80	Tốt	

106. DK12-QTKD, DK12-CNTT

TT	Mã SV	Họ và tên		Kỳ VII		Ghi chú
				Điểm	XL	
1	2100533	Lương Thị Thu	Hằng	85	Tốt	
2	2100937	Trịnh Đình	Long	88	Tốt	